

ĐÀU QUANG TUẤN
Cử nhân Toán - Kỹ sư Tin Học

Tự học
THIẾT KẾ TRANG WEB

Bằng
VB Script

MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ NHẤT

Qua các chương trình mẫu

Dùng cho học sinh, kỹ thuật viên và sinh viên

CUNG CÁCH TRÌNH BÀY :

- *Ngắn gọn và dễ hiểu*
- *Hướng dẫn chi tiết và rõ ràng*
- *Các chương trình mẫu thực tế và đa dạng*



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI 2006

Đậu Quang Tuấn

Cử nhân toán - Kỹ sư tin học

Tự học THIẾT KẾ TRANG WEB

Bằng:

VBScript

MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ NHẤT

Qua các chương trình mẫu

(Dùng cho học sinh, kỹ thuật viên và sinh viên)

Cung cách trình bày:

- Ngắn gọn và dễ hiểu
- Hướng dẫn chi tiết và rõ ràng
- Các ví dụ mẫu thực tế và đa dạng

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI 2006

Lời mở đầu

Xin chào các bạn học sinh, sinh viên và quý độc giả yêu thích bộ môn tin học. Lời đầu tiên, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các bạn vì trong thời gian qua đã đón đọc những tập sách về ứng dụng và lập trình của chúng tôi biên soạn. Những ý kiến đóng góp và nhận xét của các bạn sinh viên và quý độc giả xa gần, đã khích lệ vô cùng to lớn và động viên chúng tôi tiếp tục nghiên cứu những khía cạnh mới trong bộ môn tin học này. Hôm nay chúng tôi hoàn thành tập sách "Tự học thiết kế trang Web bằng VBSCRIPT" qua các chương trình mẫu sao cho thật ngắn gọn và dễ hiểu. Nội dung của tập sách sẽ hướng dẫn các bạn thiết kế được những trang Web phục vụ cho công việc của mình. Nghiên cứu tập sách này, chắc chắn các bạn sẽ cảm thấy hài lòng, những kiến thức hướng dẫn trong các trang Web mẫu sẽ giúp các bạn tự thiết kế những trang Web khác một cách dễ dàng và các bạn có thể nghiên cứu thêm để thiết kế những trang Web mang tính chuyên nghiệp. Hy vọng tập sách này sẽ là động cơ thúc đẩy các bạn yêu thích lập trình Web và sẽ đưa các bạn tiến sâu hơn trên con đường tin học của mình.

Mặc dầu đã có nhiều cố gắng khi biên soạn, nhưng cũng không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong được sự đóng góp ý kiến của quý độc giả xa gần, để lần tái bản sau sẽ hoàn chỉnh hơn. Chúc các bạn học giỏi và đóng góp trí tuệ mình cho đất nước thân yêu của chúng ta. Các bạn cũng đón đọc những cuốn sách cùng phát hành với tập sách này, đó là "Tự học thiết kế trang Web Bằng HTML" và "Tự học thiết kế trang Web Bằng JavaScript"

Đây là một cuốn sách không thể thiếu được trong tủ sách tin học của bạn. Nếu cảm nhận dễ hiểu xin giới thiệu với quý độc giả khác để cùng đón đọc.

Tác giả

Đậu Quang Tuấn

BÀI 1

THIẾT KẾ MỘT TRANG WEB ĐƠN GIẢN BẰNG VBSCRIPT

Trước khi đọc tập sách này, các bạn nên tìm đọc cuốn "Tự học thiết kế trang Web bằng HTML" của cùng tác giả để nắm vững ngôn ngữ này. Đây là ngôn ngữ cơ bản để thiết kế một trang Web. Các bạn sẽ bổ sung thêm phần VBSCRIPT hoặc JAVASCRIPT để trang Web được sinh động hơn. Vì ngôn ngữ HTML sẽ thiết kế trang Web tĩnh, còn VBSCRIPT và JAVASCRIPT sẽ thiết kế trang Web động. Mà trong một trang Web thì phải kết hợp cả hai. Bạn cũng cần tham khảo thêm cuốn "Tự học thiết kế trang Web bằng JAVASCRIPT" của cùng tác giả.

VBScript là một ngôn ngữ cho phép viết chương trình Script trực tiếp trong các trang HTML. Đây là một ngôn ngữ dễ học nhưng lại thuận tiện trong việc cải tiến hệ thống chức năng và giao diện của trang Web. Để học tốt những phần mà chúng tôi giới thiệu trong tập sách này, các bạn phải có kiến thức căn bản về ngôn ngữ HTML. Nếu muốn hay hơn các bạn cần có kiến thức về Visual Basic. Các bạn có thể tham khảo cuốn "Tự học thiết kế trang Web bằng HTML" và "Tự học lập trình Visual Basic" của cùng tác giả.

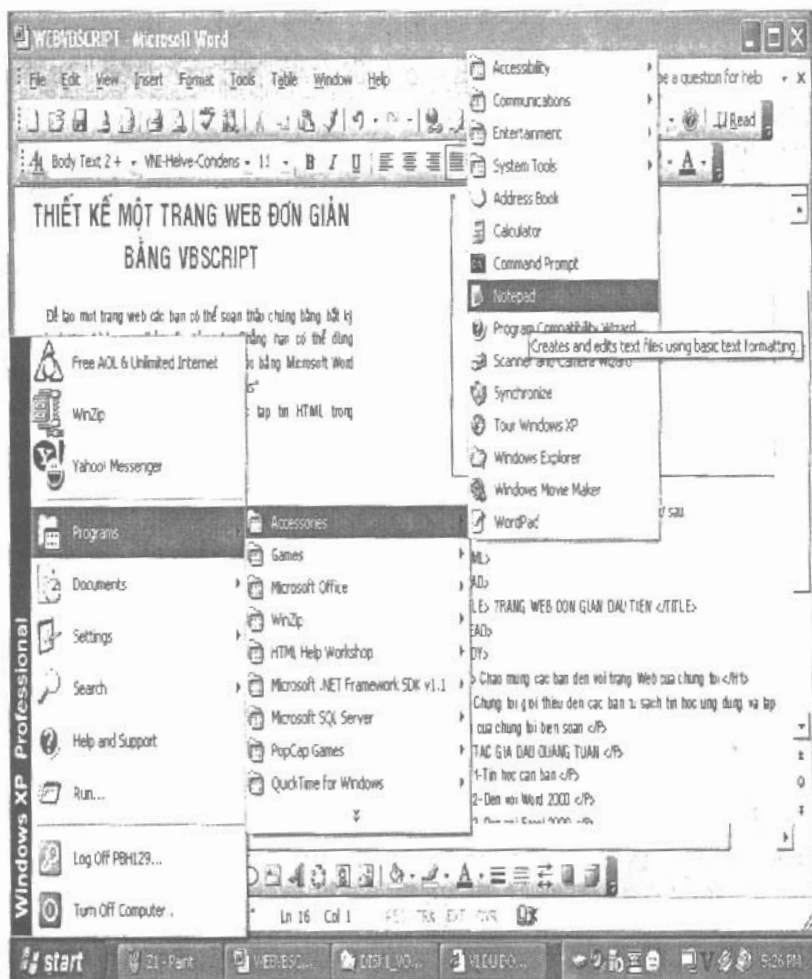
Đầu tiên chúng tôi sẽ giới thiệu đến các bạn một chương trình Script đơn giản đầu tiên sẽ cho xuất hiện một hộp thoại cùng với câu thông báo "CHAO MUNG CAC BAN DEN VOI VBSCRIPT DE THIET KE TRANG WEB".

Bạn sẽ soạn thảo đoạn mã HTML trong phần mềm soạn thảo Notepad.

Để tạo một trang web các bạn có thể soạn thảo chúng bằng bất kỳ một chương trình soạn thảo văn bản nào. Chẳng hạn có thể dùng Notepad của Windows, Wordpad, hoặc soạn thảo bằng Microsoft Word thì phải ghi dưới dạng "Text only with line breaks"

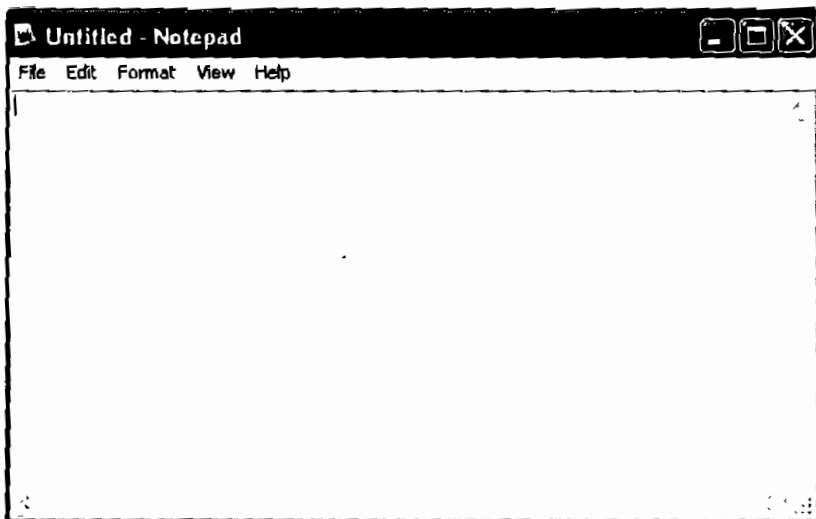
Chúng tôi hướng dẫn bạn soạn thảo các tập tin HTML trong Notepad.

- ◆ Vào menu **Start**
- ◆ Di chuyển vật sáng đến **Programs**
- ◆ Đến **Accessories**
- ◆ Chọn **Notepad** như hình sau:



BÌNH Chọn Notepad

- ◆ Màn hình Notepad hiện ra như sau:



B1H2 Cửa sổ Notepad

◆ Giả sử bạn nhập vào các dòng lệnh như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHƯƠNG TRÌNH THIẾT KẾ WEB ĐƠN GIẢN ĐẦU TIÊN
</TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
    Window.Alert "CHAO MUNG BAN DEN VOI VBSCRIPT DE THIET KE
                WEB"
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên là **VBSCRIP1.HTML** tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\

Giải thích:

◆ Các tập tin HTML được bắt đầu bằng **<HTML>** và kết thúc với **</HTML>**

◆ Câu "CHƯƠNG TRÌNH THIẾT KẾ WEB ĐƠN GIẢN ĐẦU TIÊN" nằm giữa cặp <TITLE> và </TITLE> sẽ hiện ra trên tiêu đề của cửa sổ.

◆ Từ khóa <Script> khai báo ngôn ngữ script là "VBScript".

◆ Câu lệnh Alert để in câu thông báo theo sau, nếu bạn dùng từ khác, chương trình sẽ báo lỗi.

◆ Đoạn chương trình VBScript được đặt trong phạm vi của <HEAD> và </HEAD>.

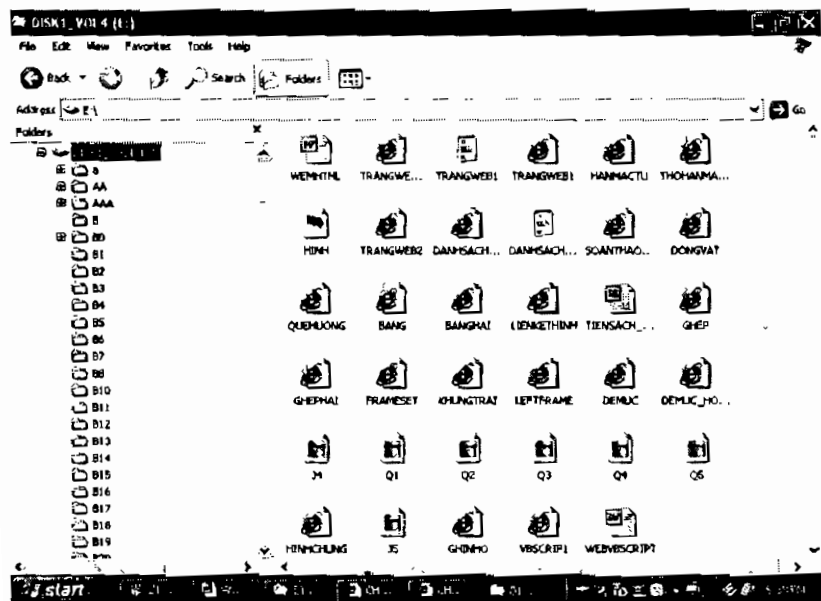
◆ Thực tế các đoạn chương trình Web sẽ được chạy nếu như trình duyệt Web có hỗ trợ thông dịch cho ngôn ngữ Scrip tương ứng, ngược lại các dòng script xem như ghi chú thông thường của HTML (vì bị kẹp giữa <!-- và -->) nên được bỏ qua không có tác dụng.

Để thực hiện chương trình Web trên. Bạn thực hiện các bước như sau:

◆ Click nút phải chuột tại menu Start

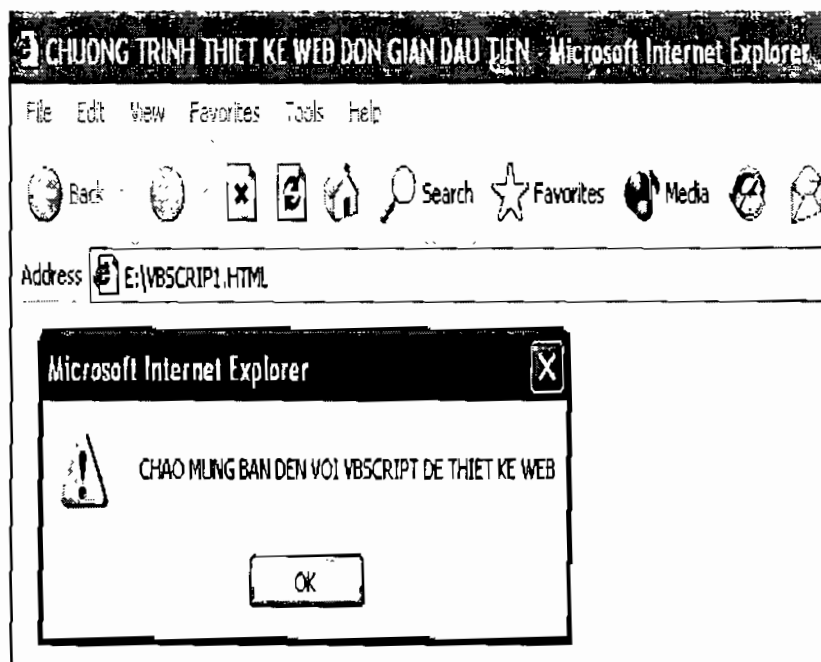
◆ Chọn Explorer

◆ Nhấp vào tên ổ đĩa E:\ ở khung bên trái, bạn sẽ thấy các tập tin và thư mục ở thư mục gốc của ổ đĩa E:\ hiện ra như hình sau:



◆ Các tập tin có phần mở rộng là **.HTML** sẽ có biểu tượng chữ **e** của Internet Explorer như trong hình trên.

◆ Click nút phải chuột trên tập tin này, chọn Open trong menu hiện ra hoặc nhấp đúp vào tên tập tin, bạn thấy kết quả như hình sau:



B1H4 Hộp thoại hiện ra

◆ Click nút OK trên hộp thoại để kết thúc, và click nút X để đóng trang Web lại.

Ghi chú:

Trong các sách của chúng tôi viết, các bạn nên thực hiện từ bài đầu đến bài cuối vì nó có mối liên hệ với nhau giúp bạn có thể thực hiện nhanh bằng cách dùng lại những gì đã có.

Nếu máy của bạn không có tên ổ đĩa giống như trên máy của chúng tôi, các bạn có thể lưu vào ổ đĩa khác, phải ghi nhớ để khi gọi lại sẽ đúng.

BÀI 2

THIẾT KẾ TRANG WEB NHẬP THÔNG TIN QUA HỘP THOẠI VÀ THÔNG BÁO NỘI DUNG ĐÃ NHẬP

Bạn hãy thiết kế một chương trình, nhập vào tên trường đại học mà bạn đang học. Sau đó chương trình sẽ thông báo lại qua hộp thông báo.

Để thực hiện được chương trình này, các bạn phải biết hàm `InputBox` và hàm `MsgBox`. Nếu bạn đã biết lập trình về Visual Basic thì đây là hai hàm rất là quen thuộc.

Bạn cứ vào Notepad và nhập vào đoạn mã sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH THIET KE WEB DON GIAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Daihoc
Sub Daihoc()
    Dim tentruong
    tentruong=InputBox("Ban nhap vao ten truong dai hoc :)
    MsgBox "Truong : " & tentruong
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu chương trình với tên là **VBSCRIPT2.HTML** trong thư mục gốc của ổ đĩa E:\

Giải thích:

◆ Ngoài các lệnh đã biết ở bài trước, trong bài này các bạn dùng tên **Daihoc** dùng để gọi thủ tục có tên **Daihoc()** nằm sau lệnh gọi

◆ Thủ tục được bắt đầu là **Sub** tên thủ tục

◆ Kết thúc thủ tục bằng **End Sub**. Ở giữa là các câu lệnh

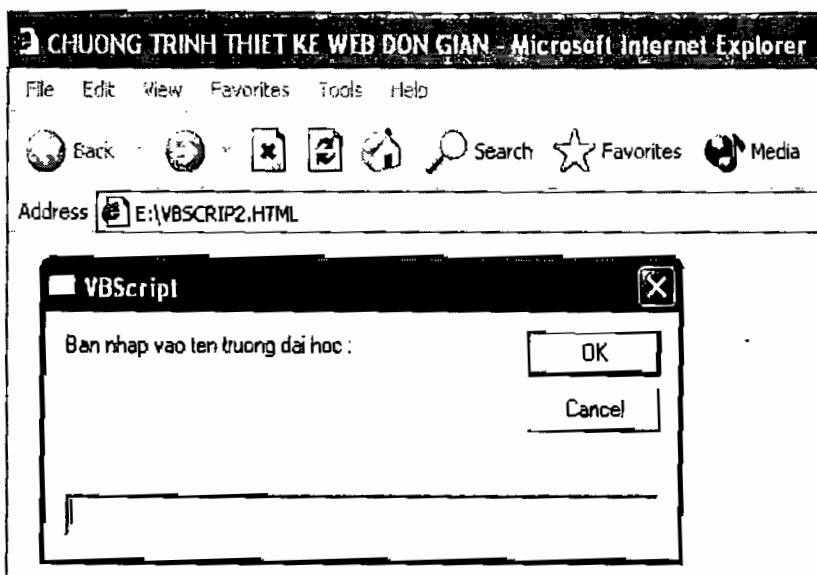
◆ Lệnh **Dim** khai báo tên biến cục bộ

◆ Gán biến **tentruong** bằng hàm **InputBox()** để nhập tên trường đại học.

◆ Hàm **MsgBox** để hiện hộp thông báo

◆ Phép toán "&" dùng để nối các chuỗi ký tự.

Nhấp đúp vào tập tin này trong cửa sổ **Explorer**, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như hình sau:



B2H1 Hộp thoại hiện ra

◆ Giả sử bạn nhập vào "DAI HOC BACH KHOA TP.HCM" như hình sau:

CHƯƠNG TRÌNH THIẾT KẾ WEB ĐƠN GIẢN - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Stop Refresh Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIP2.HTML

VBScript [X]

Ban nhap vao ten truong dai hoc :

OK

Cancel

DAI HOC BACH KHOA TP.HCM

B2H2 Nhập vào hộp thoại câu "DAI HOC BACH KHOA TP.HCM"

◆ Click nút OK, bạn sẽ kết quả như hình sau:

CHƯƠNG TRÌNH THIẾT KẾ WEB ĐƠN GIẢN - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Stop Refresh Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIP2.HTML

VBScript [X]

Truong : DAI HOC BACH KHOA TP.HCM

OK

B2H3 Hộp thông báo hiện ra

Nếu so sánh với các trang Web trong ngôn ngữ HTML là các trang Web tĩnh, thì trong VBScript bạn thấy bạn có thể thao tác trong trang

Web và trang Web có thể phản hồi thông tin, ta thường nói đây là trang Web động.

Bạn thử thực hiện chương trình nhập vào tên chủ rẽ và tên cô đầu, hiện ra tên của hai người trong hộp thông báo, ở giữa hai tên sẽ có từ "sẽ kết duyên cùng cô đầu". Phía đầu có tên "Chủ rẽ". Bạn vào Notepad để soạn thảo đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH THIET KE WEB DON GIAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
  Lethanhhon
Sub Lethanhhon()
  Dim tenchure, tencodau, ngaycuoi
  tenchure=InputBox("Ban nhap ten chu re :")
  tencodau=InputBox("Ban nhap ten co dau :")
  Ngaycuoi=InputBox("Ban nhap ngay cuoi :")
  MsgBox "Chu re: " & tenchure & " se ket duyên cung co dau " &
tencodau & " ngay :" & ngaycuoi
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin trên với tên **VBSCRIPT3.HTML** tại E:\

Giải thích:

◆ Tiêu đề của trang Web "CHUONG TRINH THIET KE WEB DON GIAN"

◆ Khai báo dùng ngôn ngữ VBScript

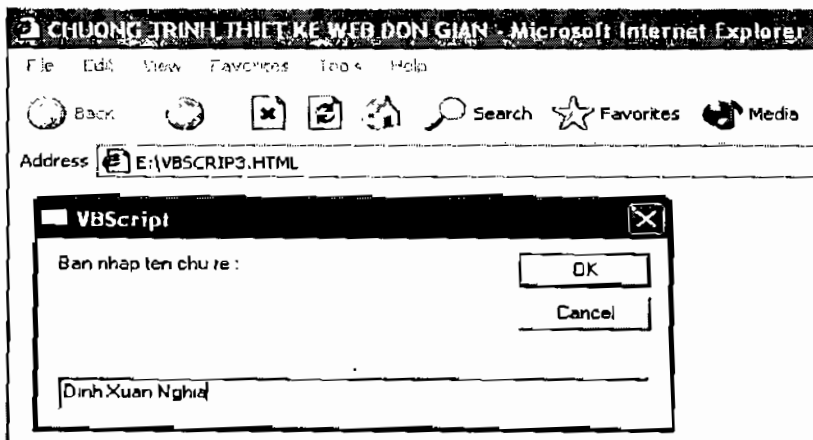
◆ Gọi tên thủ tục là Lethanhhon

Trong thủ tục Lethanhhon có các câu lệnh sau:

◆ Khai báo các lệnh cục bộ có tên tenchure, tencodau và ngaycuoi

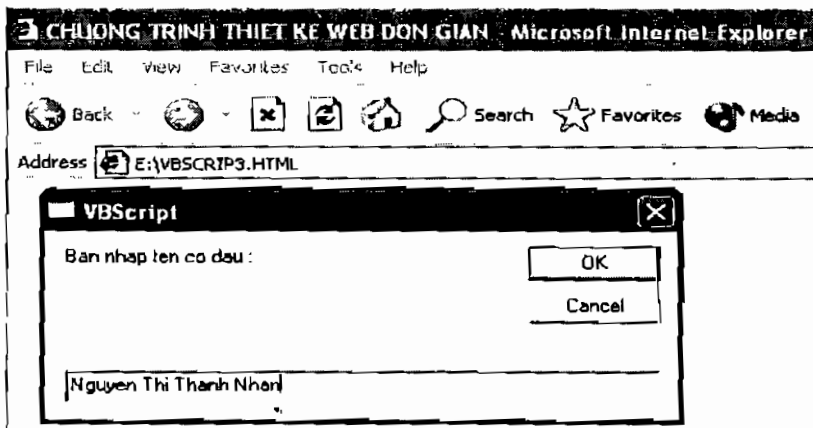
- ◆ Nhập tên chủ rẽ, tên cô dâu và ngày cưới qua các hộp InputBox
- ◆ Cho xuất hiện hộp thông báo với các chuỗi được nối thêm vào các chuỗi đã nhập ở các vị trí thích hợp.

Nhấp đúp vào tên tập tin VBSCRIPT3.HTML, bạn sẽ thấy hộp thông báo thứ nhất hiện ra, giả sử bạn nhập vào tên chủ rẽ là "Đình Xuan Nghia" như hình sau:



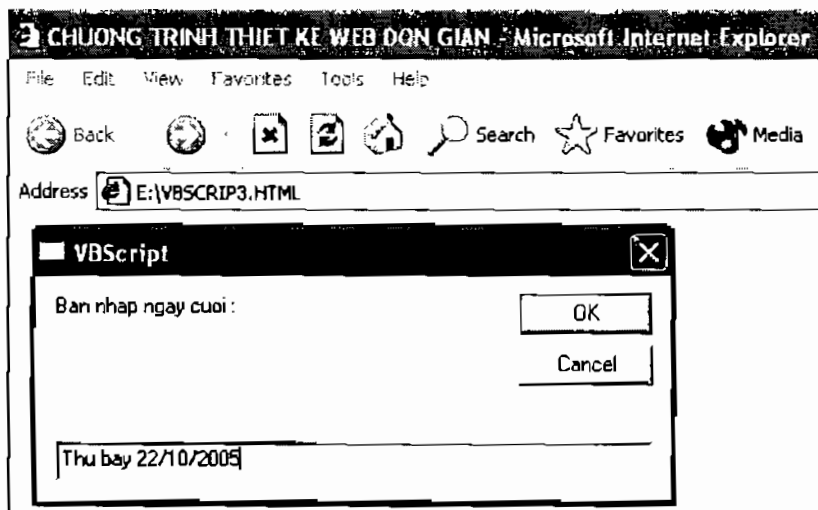
B2H4 Nhập tên chủ rẽ

- ◆ Click nút OK, hộp thoại thứ hai hiện ra, giả sử bạn nhập tên cô dâu là "Nguyen Thi Thanh Nhan" như hình sau:



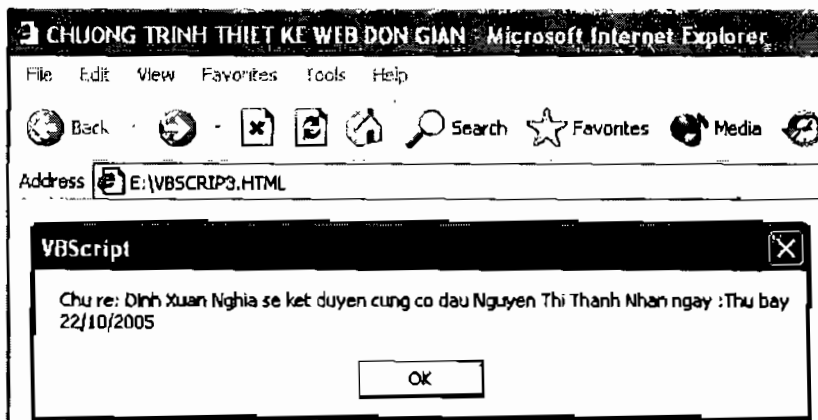
B2H5 Nhập tên cô dâu

◆ Click nút OK, hộp thoại thứ ba hiện ra cho chúng ta nhập vào ngày cuối, giả sử bạn nhập "Thu bay 22/10/2005" như hình sau:



B2H6 Nhập ngày cuối

◆ Click nút OK, các bạn sẽ thấy hộp thông báo hiện ra như hình sau:



B2H7 Kết quả cuối cùng

Bài tập:

Bạn viết chương trình nhập vào hai số a, và b qua hộp thoại. Xuất ra kết quả $a+b$, $a-b$, $a*b$ và a/b qua các hộp thông báo.

Vào Notepad viết đoạn mã như sau:

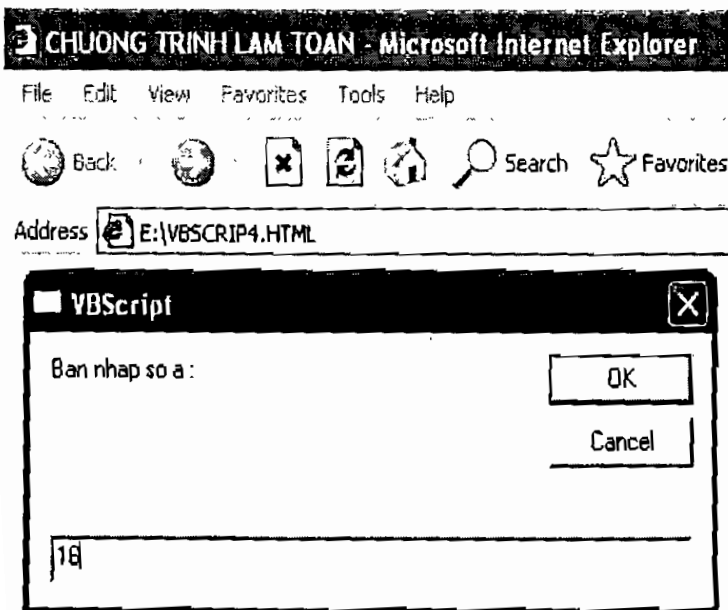
```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH LAM TOAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Pheptoan
Sub Pheptoan()
    Dim a, b, soa, sob, cong, tru, nhan, chia
    a=InputBox("Ban nhap so a :")
    soa=Eval(a)
    b=InputBox("Ban nhap so b :")
    sob=Eval(b)
    Cong=soa+sob
    Tru=soa-sob
    nhan=soa*sob
    chia=soa/sob
    MsgBox "a + b = " & cong
    MsgBox "a - b = " & tru
    MsgBox "a * b = " & nhan
    MsgBox "a / b = " & chia
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT4.HTML** tại **E:**

Giải thích:

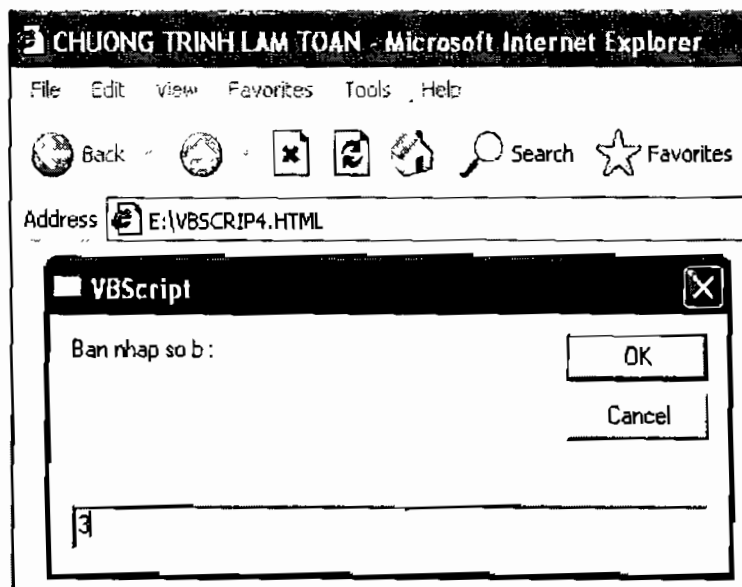
- ◆ Tiêu đề của trang Web là "CHUONG TRINH LAM TOAN"
- ◆ Khai báo dùng VBScript
- ◆ Gọi hàm Pheptoan
- ◆ Thủ tục pheptoan gồm các câu lệnh sau:
- ◆ Khai báo các lệnh cục bộ a, b, soa, sob, cong, tru, nhan và chia

- ◆ Nhập vào số a qua hàm InputBox()
 - ◆ Đổi số a qua số dùng hàm Eval() (vì a nhập qua hàm InputBox là chuỗi)
 - ◆ Đổi số b qua số dùng hàm Eval() (vì b nhập qua hàm InputBox là chuỗi)
 - ◆ Gán cong=soa+sob
 - ◆ Gán tru=soa-sob
 - ◆ Gán nhan=soa*sob
 - ◆ Gán chia=soa/sob
 - ◆ Hiện ra hộp thoại tính a+b, click OK để hiện hộp thoại thứ hai tính a-b, click OK để hiện hộp thoại thứ ba tính a*b, click OK để hiện hộp thoại thứ tư tính a/b
- Nhấp đúp vào tập tin có tên VBSCRIPT4.HTML trong cửa sổ Explorer. Bạn sẽ thấy hộp thoại thứ nhất hiện ra cho bạn nhập vào số a. Giả sử bạn nhập a =16 như hình sau:



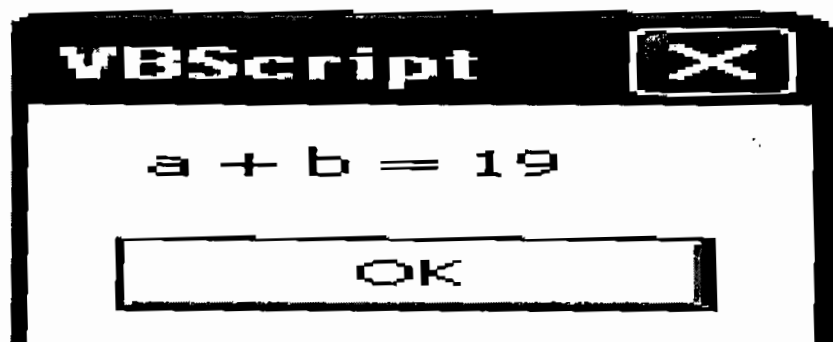
B2H8 nhập số a = 16

◆ Click nút OK hoặc nhấn phím Enter, bạn thấy hộp thoại thứ hai hiện ra, giả sử bạn nhập số $b = 3$ như hình sau:



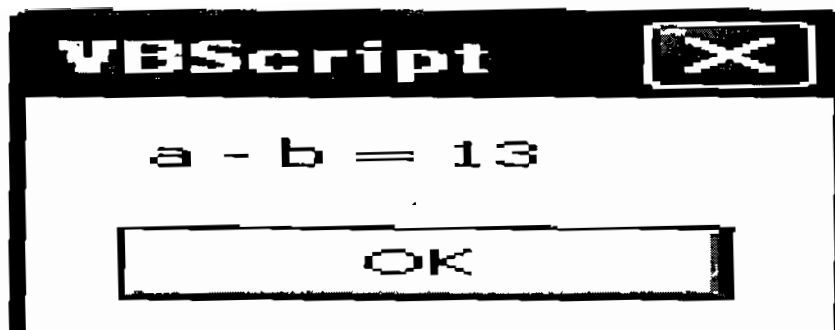
B2H9 Nhập số $b = 3$

◆ Click nút OK hoặc nhấn phím Enter, bạn thấy hộp thông báo hiện ra như hình sau:



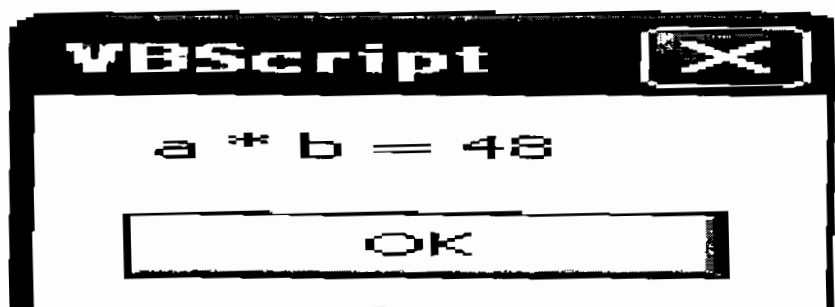
B2H10 Kết quả $a + b$

◆ Click nút OK hoặc nhấn phím Enter, ta có hộp thông báo kết quả $a - b$ như hình sau:



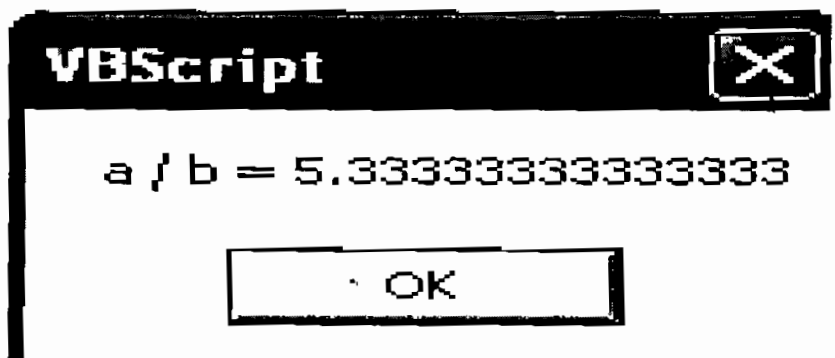
B2H11 Kết quả của $a - b$

◆ Click nút OK hoặc nhấn phím Enter ta có hộp thông báo kết quả $a * b$ như hình sau:



B2H12 Kết quả của $a * b$

◆ Click nút OK hoặc nhấn phím Enter, ta có hộp thông báo kết quả a / b như hình sau:



B2H13 Kết quả của a / b

Nếu bạn sửa lại đoạn mã của chương trình như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH LAM TOAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Pheptoan
Sub Pheptoan()
    Dim a, b, soa, sob
    a=InputBox("Ban nhap so a :")
    soa=Eval(a)
    b=InputBox("Ban nhap so b :")
    sob=Eval(b)
    MsgBox "a + b = " & soa+sob
    MsgBox "a - b = " & soa-sob
    MsgBox "a * b = " & soa*sob
    MsgBox "a / b = " & soa/sob
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin này với tên **VBSCRIPT5.HTML** tại E:\

Giải thích:

- ◆ Đoạn mã chương trình này ngắn gọn hơn
- ◆ Bạn bỏ bớt các biến công, trừ, nhân, chia
- ◆ Bỏ các phép toán gán
- ◆ Thông báo kết quả trực tiếp trong hàm MsgBox()
- ◆ Nhấp đúp tại tên tập tin, thực hiện nhập số a, số b, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra thông báo kết quả của $a + b$, $a - b$, $a * b$, và a / b (click nút OK hoặc nhấn phím Enter sẽ thấy hộp thoại sau). Bạn thực tập và sẽ thấy.

Bạn vào Notepad viết lại nội dung đoạn mã như sau:

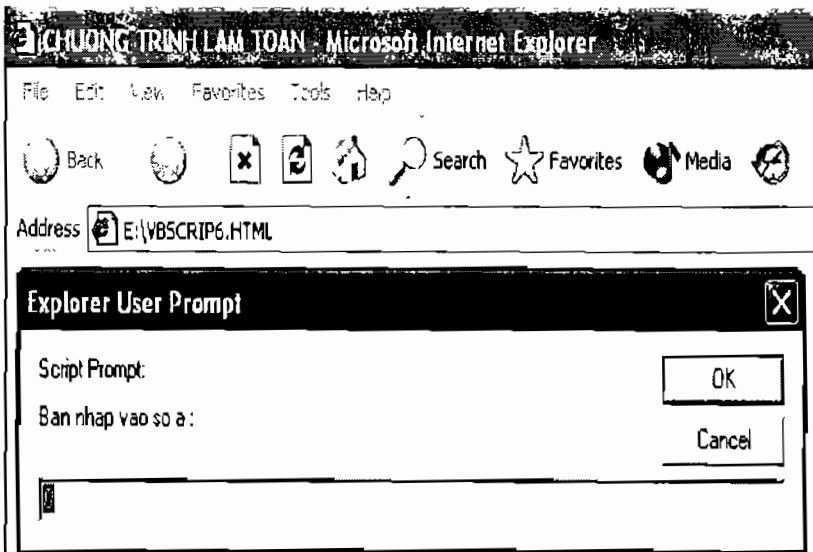
```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH LAM TOAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Pheptoan
Sub Pheptoan()
    Dim a, b, soa, sob
    a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
    soa=Eval(a)
    b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
    sob=Eval(b)
    MsgBox "a + b = " & soa+sob
    MsgBox "a - b = " & soa-sob
    MsgBox "a * b = " & soa*sob
    MsgBox "a / b = " & soa/sob
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT6.HTML** tại E:\

Giải thích:

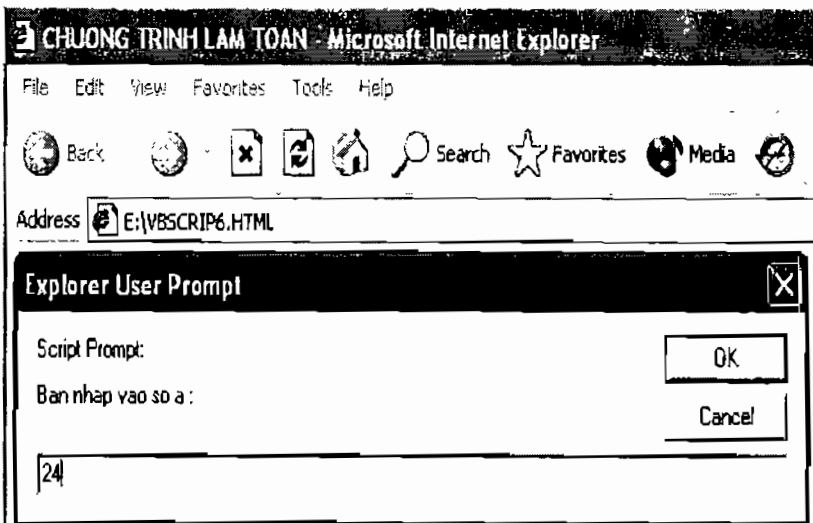
◆ Trong đoạn code này, chúng tôi thay hàm InputBox() bằng hàm Prompt() có 2 đối như trên. Trong hàm Prompt () đối thứ hai là giá trị mặc nhiên hiện ra trong hộp thoại Prompt khi hiện ra.

Nhấp đúp vào tên tập tin VBSCRIPT6.HTML. Bạn sẽ có hộp thoại hiện ra như sau:



B2H14 Số 0 là số mặc nhiên, do bạn đặt trong hàm Prompt

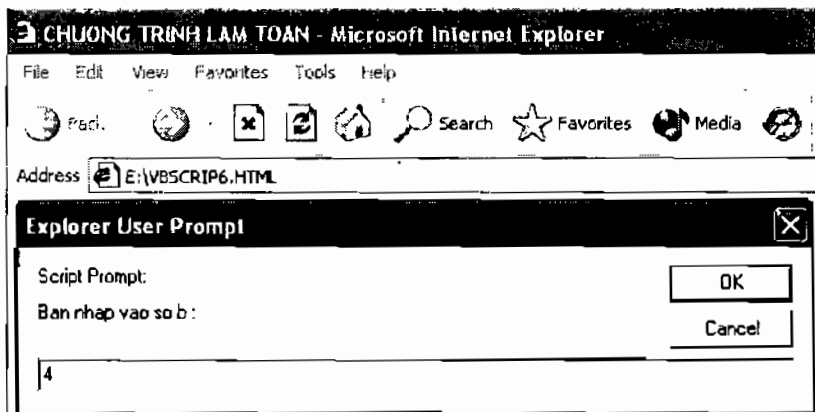
◆ Giả sử bạn nhập vào 24, như hình sau:



B2H15

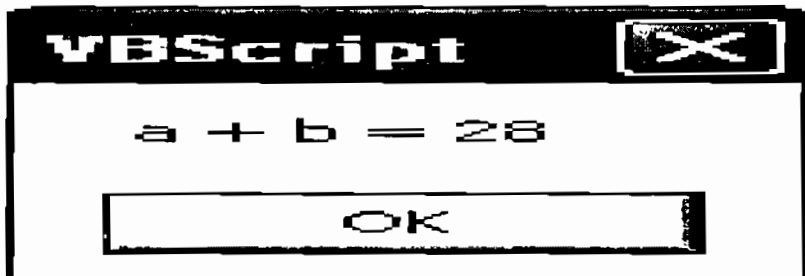
◆ Nhấn phím Enter hoặc click nút OK. Bạn thấy hộp thoại thứ hai hiện ra, bạn cũng thấy giá trị mặc nhiên trong hộp thoại cũng là số 0 (vì bạn cũng xác lập giá trị là 0 trong câu lệnh Prompt thứ hai)

◆ Giả sử bạn nhập số 4 vào hộp thoại như hình sau:



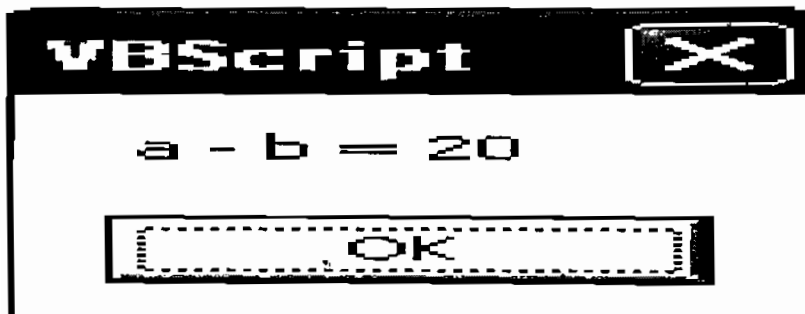
B2H16

◆ Gõ phím Enter, bạn thấy kết quả $a + b$ như hình sau:



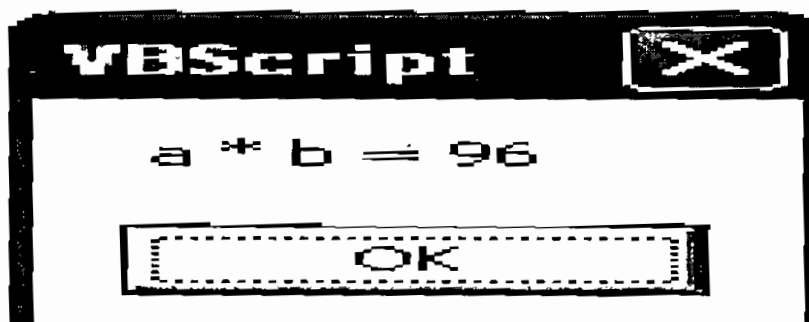
B2H17

◆ Gõ phím Enter, bạn thấy kết quả $a - b$ như hình sau:



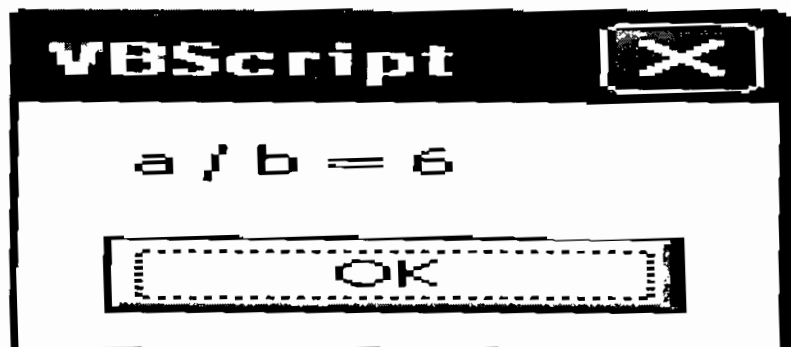
B2H18

◆ Gõ phím Enter, bạn thấy kết quả $a * b$ như hình sau:



B2H19

◆ Gõ phím Enter, bạn thấy kết quả a / b như hình sau:



B2H20

◆ Bạn vào Notepad để soạn lại đoạn mã cho tập tin HTML như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH LAM TOAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Pheptoan
Sub Pheptoan()
    Dim a, b, soa, sob
    a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
```

```

soa=Eval(a)
b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
sob=Eval(b)
Alert "a + b = " & soa+sob
Alert "a - b = " & soa-sob
Alert "a * b = " & soa*sob
Alert "a / b = " & soa/sob
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>

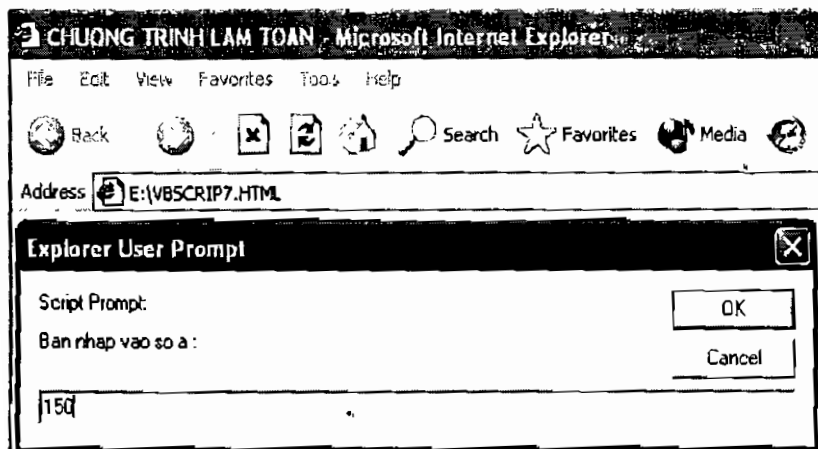
```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT7.HTML** tại E:\

Giải thích:

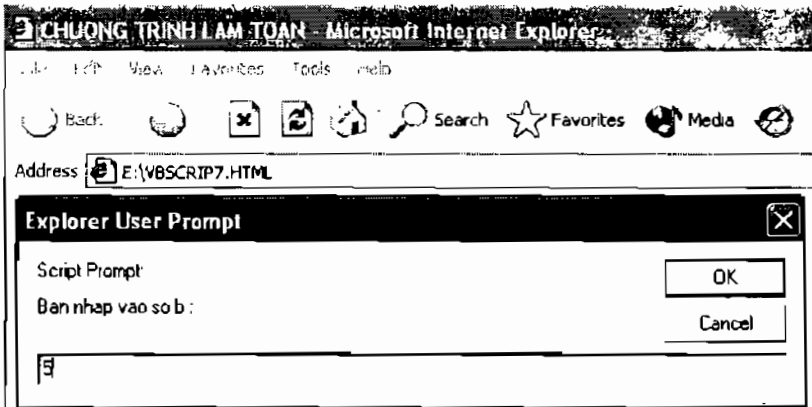
◆ Trong đoạn mã trên, chúng ta đã thay hàm MsgBox() bằng lệnh **Alert**.

Nhấp đúp vào tên tập tin VBSCRIPT7.HTML. Bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra, giả sử bạn nhập vào 150



B2H21

◆ Nhấn phím Enter, nhập vào 5 trong hộp thoại hiện ra

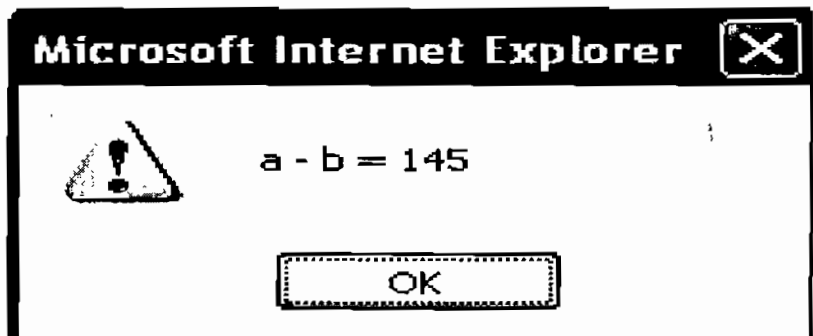


B2H22

◆ Nhấn lần lượt các phím Enter, bạn thấy các hộp thoại của lệnh Alert hiện ra như hình sau:



B2H23



B2H24

Microsoft Internet Explorer



$$a * b = 750$$

OK

B2H25

Microsoft Internet Explorer



$$a / b = 30$$

OK

B2H26

Trên là phép toán chia "/" sẽ lấy số thập phân. Nếu dùng phép chia "\" thì chỉ lấy có phần nguyên.

Ví dụ:

$$16/3=5.333333$$

$$16\3=5 \text{ (chỉ lấy phần nguyên)}$$

Nếu muốn tính số dư, trong VBSCRIPT bạn dùng phép toán mod

Ví dụ:

$$25 \text{ mod } 2 \text{ sẽ cho kết quả là } 1$$

Muốn tính lũy thừa bạn dùng bạn dùng '^'

Ví dụ:

$$2^2 = 4$$

Bạn vào Notepad để soạn một đoạn code như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH LAM TOAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
  Pheptoan
Sub Pheptoan()
  Dim a, b, soa, sob
  a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
  soa=Eval(a)
  b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
  sob=Eval(b)
  Alert "a cong b = " & soa+sob
  Alert "a tru b = " & soa-sob
  Alert "a nhan b = " & soa*sob
  Alert "a chia b lay ca so thap phan = " & soa/sob
  Alert "a chia b chi lay phan nguyen = " & soa\sob
  Alert "So du cua a chia cho b = " & soa mod sob
  Alert "a luy thua b = " & soa ^ sob

End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu với tên **VBSCRIPT8.HTML** tại E:\

Nhấp đúp vào tên tập tin, giả sử bạn nhập 12 vào hộp thoại thứ nhất, nhập 5 vào hộp thoại thứ hai. Nhấn phím Enter sau mỗi lần hộp thoại hiện ra, bạn thấy các kết quả như sau:

Microsoft Internet Explorer



a cong b = 17

OK

B2H27

Microsoft Internet Explorer



a tru b = 7

OK

B2H28

Microsoft Internet Explorer



a nhan b = 60

OK

B2H29

Microsoft Internet Explorer



a chia b lay ca so thap phan = 2.4

OK

B2H30

Microsoft Internet Explorer



a chia b chi lay phan nguyen = 2

OK

B2H31

Microsoft Internet Explorer



So du cua a chia cho b = 2

OK

B2H32



a luy thua b = 248632

OK

B2H33

Nếu bạn muốn số nhập vào hiện ra thay chỗ cho chữ a và chữ b bạn sửa lại code như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> CHUONG TRINH LAM TOAN </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Pheptoan
Sub Pheptoan()
    Dim a, b, soa, sob
    a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
    soa=Eval(a)
    b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
    sob=Eval(b)
    Alert soa & " cong " & sob & " = " & soa+sob
    Alert soa & " tru " & sob & " = " & soa-sob
    Alert soa & " nhan " & sob & " = " & soa*sob
    Alert soa & " chia " & sob & " lay ca so thap phan = " & soa/sob
    Alert soa & " chia " & sob & " chi lay phan nguyen = " & soa\sob
    Alert "So du cua " & a & " chia cho " & sob & " = " & soa mod sob
    Alert soa & " luy thua " & sob & " = " & soa ^ sob

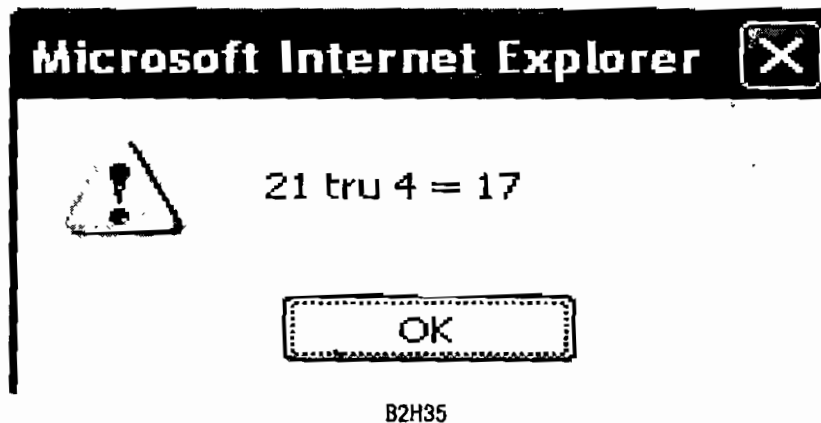
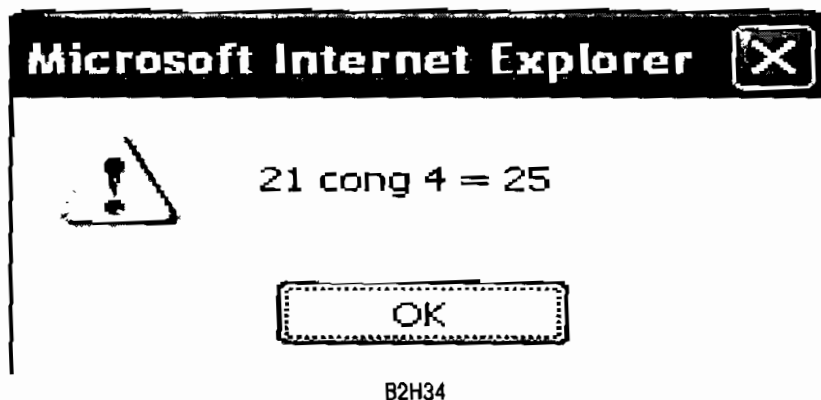
End Sub
-->
```

```
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giải thích:

Bạn chỉ cần nối tên biến với chuỗi cần thể hiện đúng vị trí theo câu văn mà bạn muốn thể hiện.

Bạn lưu với tên cũ. Nhấp đúp chuột vào tên tập tin, giả sử nhập $a = 21$ và $b = 4$ bạn thấy kết quả như hình sau:



Microsoft Internet Explorer



21 nhân 4 = 84

OK

B2H36

Microsoft Internet Explorer



21 chia 4 lấy cả số thập phân = 5.25

OK

B2H37

Microsoft Internet Explorer



21 chia 4 chỉ lấy phần nguyên = 5

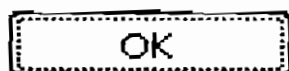
OK

B2H38

Microsoft Internet Explorer



Số dư của 21 chia cho 4 = 1

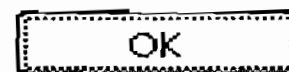


B2H39

Microsoft Internet Explorer



21 lũy thừa 4 = 194481



B2H40

Qua bài 2 này, các bạn đã học được nhiều điều thú vị điển hình là có thể thiết kế các trang Web cho học sinh làm toán trên mạng.

BÀI 3

THIẾT KẾ TRANG WEB DÙNG CÁC PHÁT BIỂU ĐIỀU KIỆN

Bạn thiết kế một trang Web để nhập vào hai số a và b. Chương trình sẽ thông báo số lớn trong hai số

Vào Notepad viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TIM SO LON NHAT </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
    TimsoMax
Sub TimsoMax()
    Dim a, b, soa, sob
    a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
    soa=Eval(a)
    b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
    sob=Eval(b)
    If soa>sob Then Alert "So lon nhat la :" & soa Else Alert "So lon
nhat la :" & sob
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin trên với tên là **VBSCRIPT9.HTML** tại E:\

Giải thích:

Đoạn code trên, bạn dùng lệnh rẽ nhánh If Then. Việc thực hiện được chuyển hướng tùy theo biểu thức điều kiện nhận giá trị đúng (True) hoặc sai (False).

Lưu ý:

Trường hợp mỗi nhánh rẽ chỉ có một chỉ thị, có thể dùng lệnh viết trên một dòng. Không cần dùng từ END IF ở cuối phát biểu IF.

Nếu viết dạng cấu trúc, bạn phải có từ END IF phía sau phát biểu IF.

Bạn xem đoạn code sửa lại như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TIM SO LON NHAT </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
  TimsoMax
Sub TimsoMax()
  Dim a, b, soa, sob
  a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
  soa=Eval(a)
  b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
  sob=Eval(b)
  If soa>sob Then
    Alert "So lon nhat la :" & soa
  Else
    Alert "So lon nhat la :" & sob
  End IF
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
Ví dụ:
```

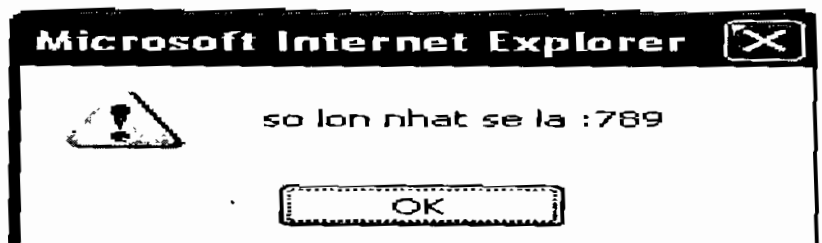
If soa>sob Then Alert "So lon nhat la :"
& soa Else Alert "So lon nhat la :"
& sob

Nhấp đúp vào tên của tập tin VBSCRIPT9.HTML, giả sử bạn nhập a=234 và b=567 trong các hộp thoại hiện ra. Bạn sẽ thấy kết quả hiện ra như hình sau:



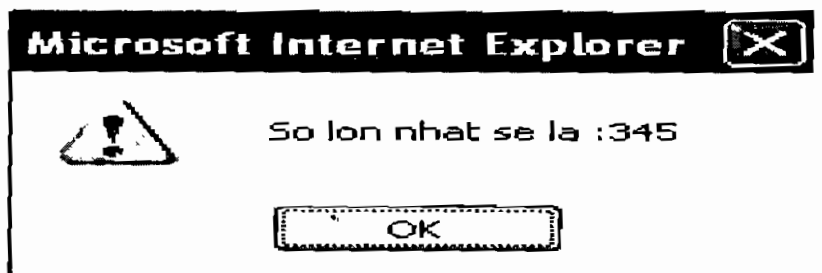
B3H1

◆ Mở lại trang Web, giả sử nhập a=789, b=234, bạn thấy kết quả như sau:



B3H2

◆ Mở lại trang Web, giả sử nhập a=345, b=345. Bạn có kết quả như hình sau:



B3H3

Thay vì dùng thủ tục, bạn dùng hàm như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TIM SO LON NHAT </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
    Dim a, b, soa, sob
    a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
    soa=Eval(a)
    b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
    sob=Eval(b)
    Alert TimsoMax(soa,sob)
Function TimsoMax(x, y)
    If x>y Then Alert "so lon nhat se la :" & x Else Alert " So lon nhat se
la :" & y
End Function

-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Bạn lưu tập tin với tên cũ.

Giải thích:

- ◆ Bạn nhập vào hai số a và b qua hộp thoại
- ◆ Cho xuất hiện hộp thông báo của lệnh Alert của hàm TimsoMax với hai số a và b vừa nhập TimsoMax(soa, sob)
- ◆ Hàm TimsoMax bên dưới.
- ◆ Hàm bắt đầu bằng Function Tên hàm (các đối) và kết thúc bằng End Function.

Nhấp đúp vào tên tập tin, giả sử nhập vào số a và số b. Bạn thấy kết quả cũng tương tự như khi dùng thủ tục.

Ghi chú:

Trường hợp trong phát biểu If có hai chỉ thị trở lên trong mỗi nhánh rẽ, ta viết dạng cấu trúc nhiều dòng lệnh.

Bạn xem đoạn code sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TIM SO LON NHAT </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
  TimsoMax
Sub TimsoMax()
  Dim a, b, soa, sob
  a=Prompt("Ban nhap vao so a :", 0)
  soa=Eval(a)
  b=Prompt("Ban nhap vao so b :", 0)
  sob=Eval(b)
  If soa>sob Then
    Alert "So lon nhat la :" & soa
    Alert "So nho nhat la :" & sob
  Else
    Alert "So lon nhat la :" & sob
    Alert "So nho nhat la :" & soa
  End IF
End Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên mới là **VBSCRIPT10.HTML** tại E:\

Giải thích:

Trong phát biểu IF mỗi nhánh có hai lệnh, bạn phải viết dạng cấu trúc như trên.

Nhấp đúp vào tên tập tin, giả sử nhập $a=100$ và $b=200$, bạn thấy kết quả hiện ra báo số lớn nhất là 200, sau đó hiện ra hộp thoại báo số nhỏ nhất là 100 như hai hình sau:



B3H4



B3H5

Cấu trúc IF sẽ được thể hiện như sau:

- ☞ **Nếu có một lệnh trong nhánh rẽ**
IF Điều kiện Then Câu lệnh
(Cấu trúc IF không ELSE viết trên một dòng không cần dùng END IF)
Hoặc:
IF Điều kiện Then
 Câu lệnh
END IF
- IF Điều kiện Then Câu lệnh ELSE Câu lệnh
(Cấu trúc IF có ELSE viết trên một dòng không cần dùng END IF)

Hoặc:

IF Điều kiện Then

 Câu lệnh

ELSE

 Câu lệnh

END IF

☞ Nếu có hai lệnh trong nhánh rẽ

IF Điều kiện Then

 Câu lệnh 1

 Câu lệnh 2

END IF

IF Điều kiện Then

 Câu lệnh 1

 Câu lệnh 2

ELSE

 Câu lệnh m

 Câu lệnh n

END IF

Nếu một chương trình có quá nhiều phát biểu IF, chúng ta có thể dùng phát biểu chọn lựa SELECT CASE ... END SELECT.

Ví dụ:

Viết trang Web thể hiện như sau:

Người sử dụng nhập số của tháng trong hộp thoại.

Nếu nhập số 2: báo ra có 28 ngày

Nếu nhập 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12: báo ra có 31 ngày

Nếu nhập 4, 6, 11: báo ra có 30 ngày

Bạn có thể dùng phát biểu IF để viết như sau:

<HTML>

<HEAD>

<TITLE> TIM SO LON NHAT </TITLE>


```

<Script Language="VBScript">
<!--
Dim a, soa, songay
a=InputBox("Ban nhap vao mot so la so cua thang :")
soa=Eval(a)
IF soa=2 Then
    songay=28
    MsgBox "Thang " & soa & " co :" & songay & " ngay"
END IF
IF (soa=1) OR (soa=3) OR (soa=5) OR (soa=7) OR (soa=8) OR
    (soa=10) OR (soa=12) Then
    songay=31
    MsgBox "Thang " & soa & " co :" & songay & " ngay"
END IF
IF (soa=4) OR (soa=6) OR (soa=11) Then
    songay=30
    MsgBox "Thang " & soa & " co :" & songay & " ngay"
END IF
IF (Soa<>1) AND (Soa<>2) AND (Soa<>3) AND (Soa<>4) AND
    (Soa<>5) AND (Soa<>6) AND (Soa<>7) AND (Soa<>8) AND
    (Soa<>9) AND (Soa<>10) AND (Soa<>11) AND (Soa<>12) Then
    MsgBox "Khong co thang nay"
END IF
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>

```

Bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT11.HTML** tại E:\

Giải thích:

- ◆ Nhập vào một số
- ◆ Nếu số là 2. Báo ra có 28 ngày
- ◆ Nếu số là 1 hoặc 3 hoặc 5 hoặc 7 hoặc 8 hoặc 10 hoặc 12. Báo ra có 31 ngày

- ◆ Nếu số là 4 hoặc 6 hoặc 11. Báo ra có 30 ngày
- ◆ Nếu số nhập khác 1 đến 12. Báo ra không có tháng này.

Nhấp đúp vào tên tập tin HTML trên, bạn nhập số vào trong hộp thoại, bạn sẽ có kết quả đúng như thực tế.

Tuy nhiên nhìn vào code của chương trình, không đẹp và rườm rà. Bạn có thể thay lại đoạn code như sau:

Vào Notepad viết lại đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TIM SO LON NHAT </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Dim a, soa, songay
a=InputBox("Ban nhap vao mot so la so cua thang :")
soa=Eval(a)
SELECT CASE soa
  Case 2
    songay=28
    MsgBox "Thang " & soa & " co :" & songay & " ngay"
  Case 1,3,5,7,8,10,12
    songay=31
    MsgBox "Thang " & soa & " co :" & songay & " ngay"
  Case 4,6,11
    songay=30
    MsgBox "Thang " & soa & " co :" & songay & " ngay"
  Case Else
    MsgBox "Khong co thang nay"
END SELECT
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>
```

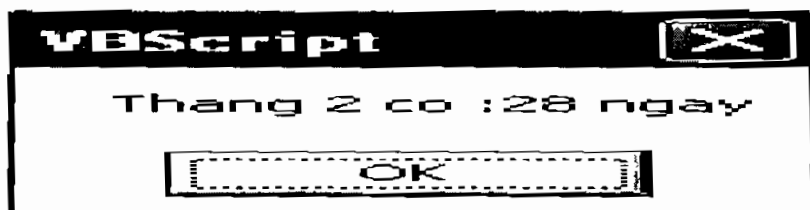
Giả sử bạn lưu với tên **VBSSCRIPT12.HTML** tại **E:**

Giải thích:

- ◆ Nhập vào một số
- ◆ Nếu số là 2 báo ra có 28 ngày
- ◆ Nếu số là 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12 báo ra có 31 ngày
- ◆ Nếu số là 4, 6, 11 báo ra có 30 ngày
- ◆ Nếu một số khác 1 đến 12 báo ra không có tháng này

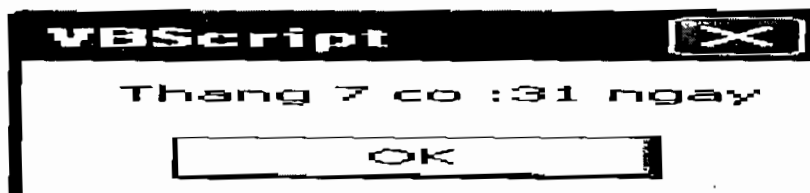
Nhìn vào đoạn mã trên, dùng **SELECT CASE ... END SELECT** bạn thấy gọn gàng và đẹp hơn rất nhiều phải không.

Nhấp đúp vào tên tập tin, giả sử nhập vào số 2, bạn thấy thông báo như sau:



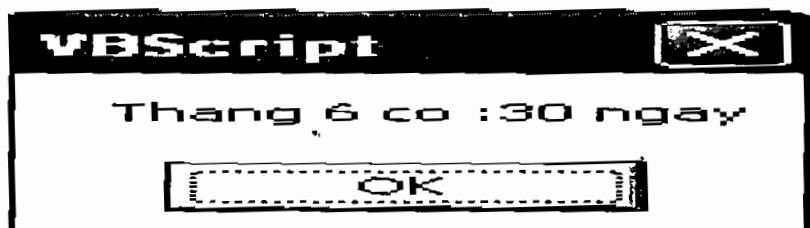
B3H6

Nếu nhập vào số 7, bạn thấy kết quả như sau:



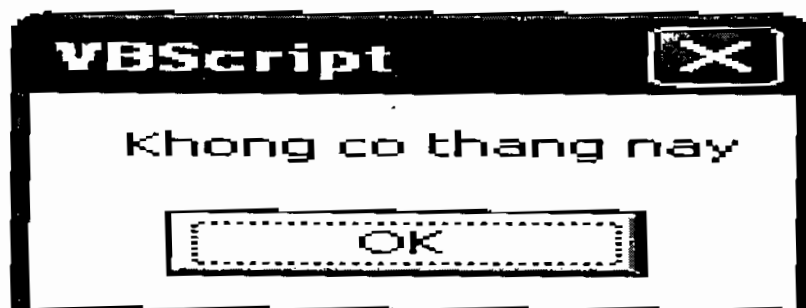
B3H7

Nếu nhập số 6. Bạn thấy thông báo sau:



B3H8

Nếu bạn nhập số 14. Bạn thấy thông báo sau:



B3H9

Cấu trúc SELECT CASE như sau:

```
SELECT CASE <Biểu thức kiểm tra>
```

```
  [Case <danh sách biểu thức 1>
```

```
    [Khối lệnh 1]]
```

```
  [Case <danh sách biểu thức 2>
```

```
    [Khối lệnh 2]]
```

```
  ...
```

```
  ...
```

```
  ...
```

```
  [ Case Else
```

```
    [Khối lệnh n]]
```

```
END SELECT
```

Mỗi danh sách biểu thức chứa một hoặc nhiều giá trị. Các giá trị cách nhau bằng dấu phẩy. Mỗi khối lệnh có thể chứa từ 0 đến nhiều dòng lệnh. Nếu có hơn một Case thỏa điều kiện thì khối lệnh của Case đầu tiên được thi hành. Case Else không nhất thiết phải có, dùng trong trường hợp còn lại của các Case trước.

BÀI 4

THIẾT KẾ TRANG WEB DÙNG CÁC PHÁT BIỂU LẶP

Cấu trúc For ... Next

Dùng khi biết trước lần lặp. Bạn dùng biến đếm tăng dần hoặc giảm dần trong vòng lặp.

For <biến đếm>=<đầu> To < cuối> [Step <bước nhảy>]
<khối lệnh>

Next

Biến đếm, đầu, cuối và bước nhảy là số. Bước nhảy có thể là dương hoặc âm. Nếu bước nhảy là số dương, điểm đầu phải nhỏ hơn hoặc bằng điểm cuối. Nếu bước nhảy là số âm, điểm đầu phải lớn hơn hoặc bằng điểm cuối. Nếu Step không chỉ ra, mặc định bước nhảy là 1.

Cấu trúc Do While Loop

Do While <điều kiện>
<khối lệnh>

Loop

Do

<khối lệnh

Loop While <điều kiện>

Do Until <điều kiện>
<khối lệnh>

Loop

Do

<khởi lệnh>

Loop Until <điều kiện>

Bạn theo dõi chương trình dùng các vòng lặp ở trên để tính cùng một bài toán đó là tính tổng 10 số tự nhiên đầu tiên (từ 1 đến 10) như sau:

Vào Notepad viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
```

```
<HEAD>
```

```
<TITLE> NGHIEN CUU PHAT BIEU LAP </TITLE>
```

```
<Script Language="VBScript">
```

```
<!--
```

```
Dim Sum
```

```
sum=0
```

```
For i=1 To 10
```

```
    sum=sum+i
```

```
Next
```

```
MsgBox "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap FOR ... NEXT la "  
    & sum
```

```
Sum=0
```

```
i=1
```

```
Do while i<=10
```

```
    Sum=sum+i
```

```
    i=i+1
```

```
Loop
```

```
Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO WHILE ... LOOP  
    la " & sum
```

```
Sum=0
```

```
i=1
```

```
Do
```

```
    Sum=sum+i
```

```
    i=i+1
```

```
Loop While i<=10
```

```
Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO ... LOOP WHILE
```

```

        la " & sum
Sum=0
i=1
Do Until i>10
    Sum=sum+i
    i=i+1
Loop
Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO UNTIL ... LOOP la
    " & sum
Sum=0
i=1
Do
    Sum=sum+i
    i=i+1
Loop Until i>10
Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap LOOP ... DO UNTIL la
    " & sum

```

-->

```

</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>

```

Giả sử lưu tập tin là **VBSCRIPT13.HTML** tại E:\

Ghi chú:

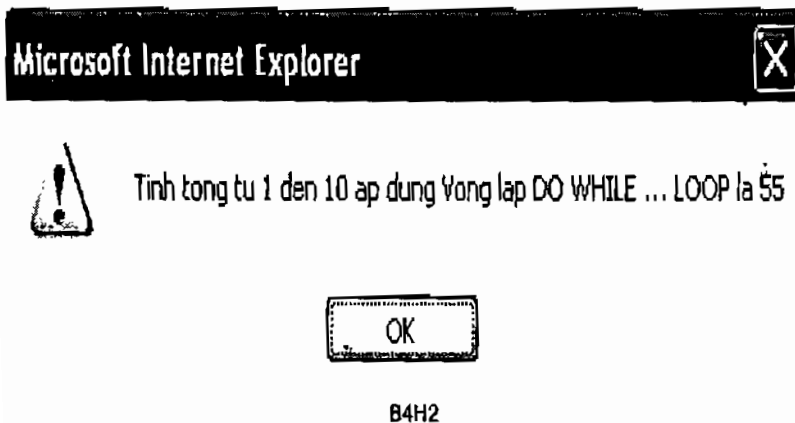
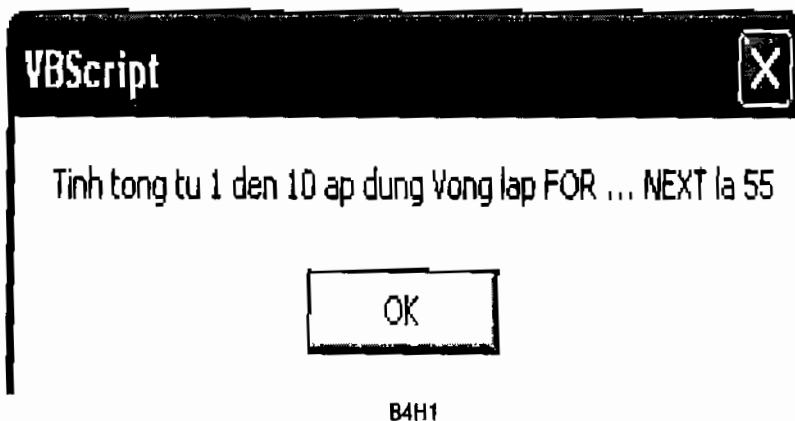
Các dòng lệnh thông báo ra hộp thoại được đánh trên một dòng.

Giải thích:

- ◆ Khai báo biến sum
- ◆ Gán biến sum bằng 0
- ◆ Vòng lặp For ... Next có biến đếm chạy từ 1 đến 10.
- ◆ Thông báo ra hộp thoại kết quả
- ◆ Gán lại biến sum=0, biến i=1
- ◆ Vòng lặp Do While ... Loop tính tổng từ 1 đến 10
- ◆ Thông báo ra hộp thoại kết quả
- ◆ Gán lại biến sum=0, biến i=1

- ◆ Vòng lặp Do ... Loop While tính tổng từ 1 đến 10
- ◆ Thông báo ra hộp thoại kết quả
- ◆ Gán lại biến sum=0, biến i=1
- ◆ Vòng lặp Do Until ... Loop tính tổng từ 1 đến 10
- ◆ Thông báo ra hộp thoại kết quả
- ◆ Gán lại biến sum=0, biến i=1
- ◆ Vòng lặp Do ... Loop Until tính tổng từ 1 đến 10
- ◆ Thông báo ra hộp thoại kết quả

Tất cả các vòng lặp trên đều cho ra cùng một kết quả là 55. Bạn thấy các hộp thoại hiện ra lần lượt như sau:



Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO ... LOOP WHILE la 55

OK

B4H3

Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO UNTIL ... LOOP la 55

OK

B4H4

Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap LOOP ... DO UNTIL la 55

OK

B4H5

Ta có: $1+2+3+4+5+6+7+8+9+10=55$

Bây giờ chúng ta thử viết trang Web tính tổng các số lẻ từ 1 đến 10.

Vào soạn thảo lại chương trình trên như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> NGHIEN CUU PHAT BIEU LAP </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Dim Sum
sum=0
For i=1 To 10 Step 2
    sum=sum+i
Next
MsgBox "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap FOR ... NEXT la "
    & sum

Sum=0
i=1
Do while i<=10
    Sum=sum+i
    i=i+2
Loop
Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO WHILE ... LOOP
    la " & sum

Sum=0
i=1
Do
    Sum=sum+i
    i=i+2
Loop While i<=10
Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO ... LOOP WHILE
    la " & sum

Sum=0
i=1
Do Until i>10
```

Sum=sum+i

i=i+2

Loop

Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO UNTIL ... LOOP la
" & sum

Sum=0

i=1

Do

Sum=sum+i

i=i+2

Loop Until i>10

Alert "Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap LOOP ... DO UNTIL la
" & sum

-->

</Script>

</HEAD>

<BODY>

</BODY>

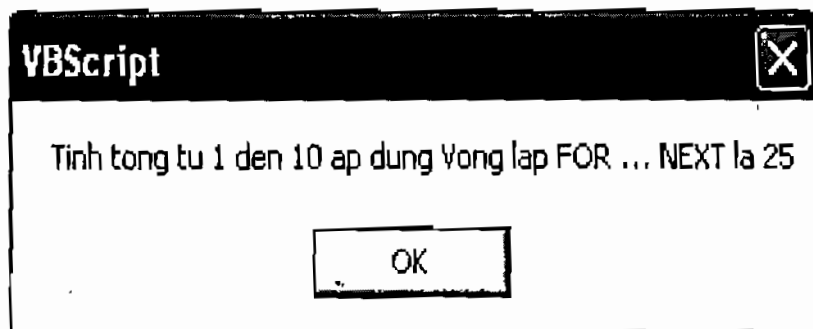
</HTML>

Giả sử bạn lưu với tên **VBSCRIPT14.HTML** tại **E:**

Giải thích:

- ◆ Trong vòng lặp For ... Next bạn thêm Step 2
- ◆ Thay $i=i+1$ thành $i=i+2$

Nhấp đúp vào tên tập tin VBSCRIPT14.HTML. Bạn có kết quả các hình như sau:



B4H6

Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO WHILE ... LOOP la 25

OK

B4H7

Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO ... LOOP WHILE la 25

OK

B4H8

Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap DO UNTIL ... LOOP la 25

OK

B4H9

Microsoft Internet Explorer



Tinh tong tu 1 den 10 ap dung Vong lap LOOP ... DO UNTIL la 25

OK

B4H10

BÀI 5

THIẾT KẾ TRANG WEB DÙNG CÁC ĐỐI TƯỢNG CƠ SỞ

Đối tượng Window

Đây là đối tượng gốc của tất cả các đối tượng khác trong cửa sổ của trình duyệt Web. Đối tượng này chứa đối tượng Location (thông tin về vị trí www của trang Web hiện hành), đối tượng Document (sẽ trình bày trong ví dụ sau), các cửa sổ con được tạo lập ... Sau đây là một số phương thức thường dùng

- ◆ **Window.Alert (msg):** Hộp thoại thông báo chuỗi Msg và nút OK
- ◆ **Window.Confirm(msg):** Hộp thoại hỏi đáp với chuỗi msg, nếu người dùng chọn OK (hàm trả về True).
- ◆ **Window.Close():** Đóng cửa sổ trình duyệt Web
- ◆ **Prompt(msg, dữ liệu mặc nhiên):** Hộp thoại nhập liệu cùng với chuỗi ký tự msg và dữ liệu mặc nhiên. Đối thứ hai có thể có hoặc không.

Phương thức thứ nhất và thứ tư bạn đã biết. Còn nhiều phương thức khác, khi nào cần dùng chúng tôi sẽ giải thích.

Đối tượng Document

Được dùng để truy xuất đến các thành phần trình bày (trong phạm vi <BODY> và </BODY>) của trang HTML hiện hành. Đối tượng này chứa các Form, các liên kết trang, cùng với các thuộc tính và phương thức sau đây:

- ◆ **bgColor:** màu nền
- ◆ **fgColor:** màu chữ
- ◆ **linkColor:** màu các liên kết trang mà người dùng chưa duyệt qua

- ◆ `alinkColor`: màu các liên kết trang đang chọn
- ◆ `vlinkColor`: màu các liên kết trang mà người dùng đã duyệt qua
- ◆ `Read only`: không sửa được, chỉ đọc
- ◆ `LastModified`: ngày giờ cập nhật tập tin HTML lần cuối cùng
- ◆ `Location`: Vị trí `www` của trang Web hiện hành
- ◆ `Referrer`: địa chỉ của trang Web tham chiếu đến trang hiện hành
- ◆ `Title`: tiêu đề (đã được định nghĩa trong phạm vi của `<Title>` và `</Title>`)
- ◆ `Document.Write(<biểu thức>,...)`: ghi dữ liệu dạng Text hay theo cú pháp HTML vào văn bản hiện hành.
- ◆ `Document.WriteLine()`: giống phương thức trên nhưng xuống dòng.

Các đối tượng form

Mỗi Document có thể chứa nhiều Form, mỗi Form định nghĩa trong phạm vi `<Form>` và `</Form>` gồm nhiều nút nhập liệu có dạng khác nhau. Bài kế tiếp sẽ hướng dẫn cách tạo form.

Ví dụ sau sẽ minh họa cách dùng các thuộc tính, phương thức của các đối tượng cơ sở vừa giới thiệu ở trên.

Bạn vào Notepad viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Document.Write "<B> <Font Face='VNI-Times' size='7pt'>"
Document.Write " Một vài thông tin: <B> </Font> <BR>"
Document.Write "Thời gian sửa sau cùng: " + Document.LastModified
+"<BR>"
Document.Write "Địa chỉ của tập tin HTML (URL:)" +
Window.Location + "<BR>"
doimau =Window.Confirm ("Ban co muon thay doi mau nen cho trang
Web khong? Neu muon click OK")
```

```

If doimau then
    Document.Bgcolor = "Yellow"
Else
    Window.Alert " Ban van giu mau cu, chuc mung ban"
END IF
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
</BODY>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT15.HTML** tại **E:**

Giải thích:

◆ Xuất hiện "THIỆT KẾ TRANG WEB BANG VBSCRIPT" trên tiêu đề của cửa sổ

◆ Khai báo dùng ngôn ngữ VBSCRIPT

◆ Khai báo Font VNI-Time có size="7pt"

◆ Xuất hiện dòng chữ "Một vài thông tin:" trong trang Web

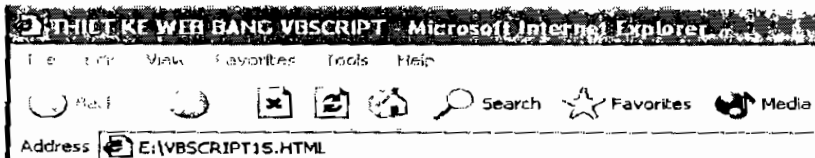
◆ Xuất hiện thời gian sửa sau cùng đối với code của trang Web (Document.LastModified).

◆ Ghi địa chỉ của trang Web (Window.Location)

◆ Gán phương thức xác nhận với chuỗi hỏi có muốn thay đổi màu nền của trang Web không? cho biến doimau

◆ Nếu click nút OK trên hộp thoại xác nhận (tức biến doimau=True) sẽ đổi màu nền thành màu vàng do lệnh Document.Bgcolor = "Yellow". Nếu click nút Cancel trên hộp thoại xác nhận (biến doimau=False) sẽ thực hiện câu lệnh sau Else cho xuất hiện hộp thoại thông báo thông qua lệnh Window.Alert " Ban van giu mau cu, chuc mung ban".

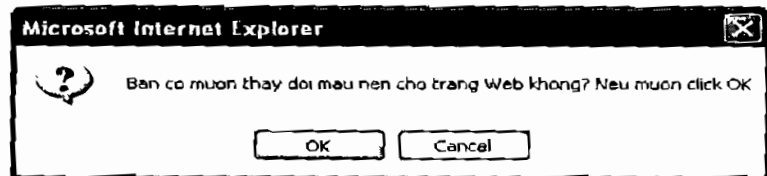
Nhấp đúp vào tên tập tin VBSCRIPT15.HTML trong cửa sổ Explorer, bạn sẽ thấy kết quả trang Web hiện ra như hình sau:



Một vài thông tin:

Thời gian sửa sau cùng: 10/21/2005 16:23:58

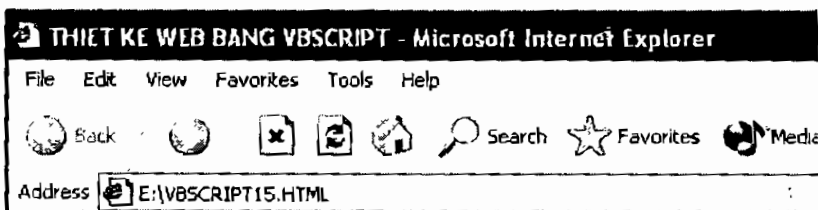
Địa chỉ của tập tin HTML (URL):file:///E:/VBSCRIPT15.HTML



B5H1

Nhìn vào trang Web, bạn thấy hiện ra thời gian sửa sau cùng của đoạn mã trang HTML này là 16:23:58 ngày 21 tháng 10 năm 2005. Địa chỉ của tập tin HTML là E:\VBSCRIPT15.HTML

Bên trong trang Web, bạn còn thấy hộp thoại xác nhận hiện ra hỏi bạn có muốn thay đổi màu của trang Web hay không? Nếu bạn click nút OK, bạn thấy hộp thoại biến mất và nền của trang Web sẽ đổi màu như hình sau:



Một vài thông tin:

Thời gian sửa sau cùng: 10/21/2005 16:23:58

Địa chỉ của tập tin HTML (URL):file:///E:/VBSCRIPT15.HTML

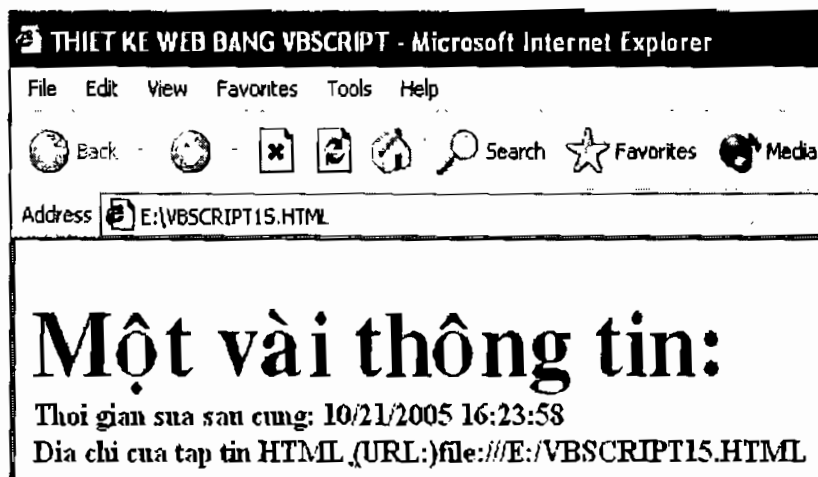
B5H2

Nếu lúc đó bạn click nút Cancel, hộp thoại xác nhận biến mất, hộp thoại thông báo hiện ra như hình sau:



B5H3

Click nút OK trên hộp thoại thông báo, bạn có trang Web vẫn giữ màu cũ như hình sau:



B5H4

Vì sách không có màu, các bạn có thể nhận biết qua hình thức đậm lợt của hình.

Nhận xét:

Trong 5 bài tập trên, các bạn thấy tất cả các lệnh đều được viết trong `<Script language="VBScript">` và `</Script>`. Phần BODY không có gì bên trong.

Bài tập sau các bạn sẽ thấy đoạn mã VBScript sẽ được viết riêng và viết ở bên trên. Có thêm phần code trong `<BODY> ... </BODY>`

BÀI 6

THIẾT KẾ TRANG WEB CÓ FORM NHẬP LIỆU

Nếu bạn đã biết lập trình Visual Basic thì chắc chắn các bạn đã biết về Form. Trong hộp thiết kế có các điều khiển như nút Button, TextBox, Label, checkBox, Option (radio) ... muốn đưa các điều khiển vào form, các bạn có thể đưa vào một cách dễ dàng. Trong Web thì không dễ dàng như vậy, các bạn phải dùng những câu lệnh để khai báo và đưa chúng vào trang Web. Bạn xem qua một số điều khiển sau:

- ◆ **Text**: là một khung dùng để nhập hoặc thể hiện thông tin
- ◆ **Button**: là một nút khi click vào nó sẽ thực hiện một điều gì đó tùy theo code mà bạn viết cho nó. Bạn thường thấy loại nút này, chẳng hạn như nút OK, nút Cancel ...
- ◆ **Reset**: là một nút bấm đặc biệt, khi nhấp chuột vào thì nội dung tất cả các ô dữ liệu khác được khởi tạo về giá trị mặc nhiên.
- ◆ **CheckBox**: Nhập dữ liệu gồm hai trạng thái True/False hay Yes/No. Loại này chọn bao nhiêu checkBox thì có bấy nhiêu checkBox có tác dụng
- ◆ **(Radio, Option Button)**: Nhập dữ liệu gồm hai trạng thái True/False hay Yes/No. Loại này có tính cách loại trừ chọn một Radio thì tất cả các Radio khác sẽ không còn chọn.
- ◆ **Label**: nhãn thường dùng làm tiêu đề

Tất cả các điều khiển trên được định nghĩa trong tập tin HTML bằng lệnh sau:

```
<Input type="???" name="???" value="???">
```

Trong đó:

- ◆ **Type**: Lấu giá trị chuỗi là tên của các điều khiển ví dụ như "Text", "Button", "Radio", "CheckBox", "Reset" ...

◆ **Name:** xác định tên biến dùng để truy xuất đến ô đó khi viết mã Scrip đáp ứng với biến cố nhập dữ liệu.

◆ **Value:** dùng để đặt giá trị mặc nhiên cho ô dạng "Text", đặt nội dung cho các điều khiển. Ví dụ Button có tiêu đề trên nút là "Xem thông tin", bạn khai báo Value="Xem thông tin". Đối với "checkBox" và "Radio" có thể dùng trường check (lấy giá trị bằng "True" hoặc "False") để xác định nút đó có được chọn hay không chọn.

◆ **ListBox:** là một danh sách gồm nhiều mục nằm trong một hộp, người dùng di chuyển vật sáng trong hộp và lựa chọn một mục. Hộp nhập liệu này được định nghĩa bởi lệnh <Select> và </Select>, cùng với nhiều lệnh <Option> và </Option> để định nghĩa các mục trong hộp chọn.

Ví dụ:

Định nghĩa danh mục thiết kế các trang Web như sau:

```
<Select Name="Ngonngu_class">  
  <Option> HTMLclass</Option>  
  <Option> VBSCRIPTclass</Option>  
  <Option> JAVACRIPTclass</Option>  
</Select>
```

Để quy định mục hiện hành (đang được chọn) bạn xác lập trường selected có giá trị là True của lệnh <Option>

Ví dụ:

```
<Option selected="True"> Laptrinh class </Option>
```

Trường hợp cần hiển thị nhiều mục cùng một lúc trong hộp (thay vì chỉ hiện mục hiện hành và mở thêm ra khi cần) quy định thuộc tính size của lệnh <select>. Để có thể chọn nhiều mục ta đặt trường multiple trong lệnh này.

Ví dụ:

```
<select size="5" multiple> ... </select>
```

◆ **Textarea:** Vùng soạn thảo văn bản để người dùng nhập và soạn thảo nhiều đoạn văn bản. Dạng này được định nghĩa bằng lệnh <Textarea> và </Textarea>. Trường Name cũng dùng để định nghĩa tên biến dùng khi viết mã Script điều khiển vùng soạn thảo văn

bản, ngoài ra cũng có thể dùng thuộc tính ROWS và COLS để xác định số dòng, số cột của vùng soạn thảo văn bản

Ví dụ:

```
<Textarea cols="30" rows="10" name="m_thanhphan"> </Textarea>
```

Mã điều khiển nhập dữ liệu

Những thao tác của người dùng trên nút nhập dữ liệu sẽ phát sinh các biến cố mà ta có thể viết mã Script để đáp ứng xử lý biến cố phát sinh. Ứng với mỗi loại nút nhập liệu, sẽ có các dạng biến cố thích hợp. Chẳng hạn đối với các nút bấm "Button" thì ta có biến cố OnClick được phát sinh khi người dùng nhấp chuột vào nút bấm.

Ví dụ:

```
<Input type="Button" Value="Xem" Onclick="Alert('click vào nút OK')">
```

Bạn vào Notepad để viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub cmdTieptheo_OnClick()
  If Len(Document frmName.txtNameten.Value)<1 Then
    Alert "Ban phai nhap ten vao khung :."
    Document.frmName.txtNameten.Focus()
  Else
    Alert " Click nut OK de tiep tuc"
    ch1=document.frmName.txtNameholot.Value
    ch2=document.frmName.txtNameten.Value
    ch=ch1& " " & ch2
    Document.Write "Ho va ten: " & ch
  End If
End Sub
</Script>
</HEAD>
<BODY>
Nhập vào họ lót (vào khung trước) và tên (vào khung sau):
<form name="frmName">
```

```
<Input type="Text" name="txtNameholot">
<Input type="Text" name="txtNameten">
<Input type="button" name="cmdTieptheo" value="Tieptheo">
</Form>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu với tên **VBSCRIPT16.HTML** tại E:\

Giải thích:

◆ Xuất hiện tiêu đề trên cửa sổ của trang Web câu "THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM"

◆ Khai báo dùng VBScript

◆ Thủ tục có tên cmdTieptheo với biến cố click chuột

◆ Phát biểu chọn lựa If với điều kiện kiểm tra giá trị của Text có tên txtNameten trong Form có chiều dài nhỏ hơn 1 (tức là rỗng, không nhập gì cả). Nếu đúng thông báo trên hộp thoại câu "Ban phai nhap ten vao khung" (khi click vào Button có tên Tieptheo)

◆ Ngược lại (có thông tin trong khung nhập tên) hộp thông báo xuất hiện "Click nút OK de tiep tục". Gán họ lót đã nhập cho biến ch1 và Tên cho biến ch2. Nối hai chuỗi họ lót và tên chính giữa có thêm một khoảng trắng để cách quãng. Viết nội dung họ lót và tên ra màn hình trang Web, phía trước có chuỗi "Ho va ten".

◆ Khi thực hiện trang Web, phần <BODY> </BODY> sẽ thực hiện, khung hiện ra để bạn nhập họ lót và tên, khi click Button thì sẽ gọi thủ tục cmdTieptuc để kiểm tra việc nhập, nếu thiếu tên, bắt nhập lại, khi nhập xong, click OK trên hộp thoại hiện ra, cuối cùng sẽ có tên nhập trong hai khung Text ra màn hình Web.

Nhấp đúp vào tên tập tin, các bạn sẽ thấy trang Web như hình sau:

THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help



Address  E:\VBSCRIPT16.HTML

Nhap vao ho lot (vao khung truoc) va ten (vao khung sau):

<input type="text"/>	<input type="text"/>	Tieptheo
----------------------	----------------------	----------


B6H1

◆ Click chuột vào khung bên trái, giả sử bạn nhập DAU QUANG như hình sau:

THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help



Address  E:\VBSCRIPT16.HTML

Nhap vao ho lot (vao khung truoc) va ten (vao khung sau):

DAU QUANG	<input type="text"/>	Tieptheo
-----------	----------------------	----------

B6H2

◆ Nhấn phím tab, hoặc click chuột vào khung thứ hai (khung nhập tên) bên phải, không nhập gì hết. Click nút có tiêu đề "Tieptheo". Bạn thấy hộp cảnh báo như sau:

THIẾT KẾ WEB BẢNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address

Nhập vào họ lot (vào khung trước) và ten (vào khung sau):

Microsoft Internet Explorer [X]

 Bạn phải nhập tên vào khung :

B6H3

Vì không nhập tên vào khung nên khi click vào Button có tiêu đề Tiejtheo, bạn thấy hộp cảnh báo nói chúng ta phải nhập tên.

◆ Click nút OK, bạn thấy dấu nháy xuất hiện trong khung. Giả sử bạn nhập tên TUAN, bạn thấy như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BẢNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

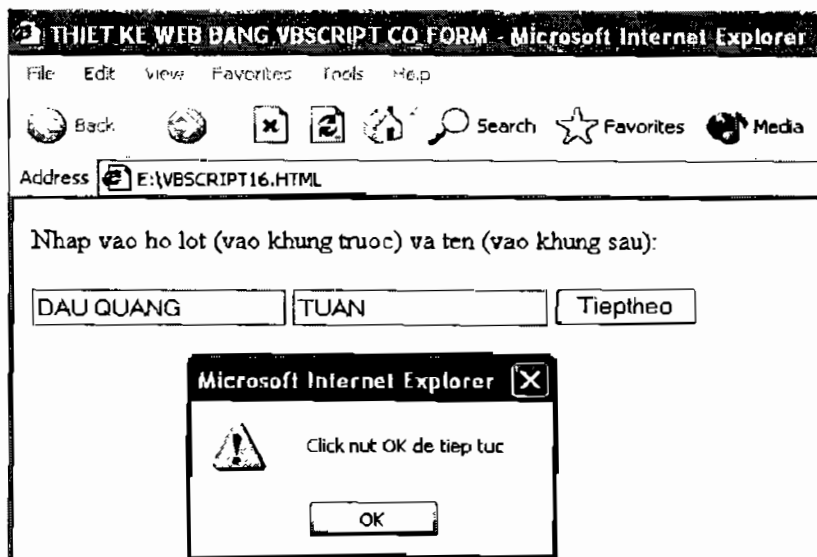
Back Search Favorites Media

Address

Nhập vào họ lot (vào khung trước) và ten (vào khung sau):

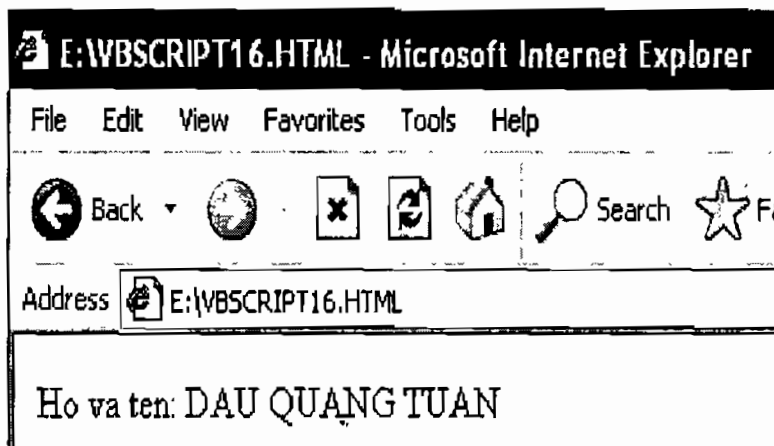
B6H4

- Click nút Tieptheo, bạn thấy kết quả trên trang Web như sau:



B6H5

- Click nút OK bạn thấy kết quả cuối cùng trên trang Web bây giờ như hình sau:



B6H6

- Thông thường về cơ sở dữ liệu, vùng họ lót và tên không được trống. Nếu có yêu cầu như vậy, bạn phải thực hiện như thế nào? Giải

quyết xong điều này, các bạn phải lưu ý viết code sao cho khung nào trống thì khi quay lại, dấu nháy phải ở đúng khung đó để người sử dụng nhập.

Bạn vào tập tin VBSCRIPT16.HTML viết thêm code như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub cmdTieptheo_OnClick()
  If Len(Document.frmName.txtNameholot.Value)<1 OR
    Len(Document.frmName.txtNameten.Value)<1 Then
    Alert "Ban phai nhap ho lot va ten vao khung (khong duoc de
      trong) :."
  If Len(Document.frmName.txtNameholot.Value)<1 Then
    Document.frmName.txtNameholot.Focus()
  Else
    Document.frmName.txtNameten.Focus()
  End if
Else
  Alert " Click nut OK de tiep tuc"
  ch1=document.frmName.txtNameholot.Value
  ch2=document.frmName.txtNameten.Value
  ch=ch1& " " & ch2
  Document.Write "Ho va ten: " & ch
End If
End Sub
</Script>
</HEAD>
<BODY>
Nhập vào họ lot (vào khung trước) và tên (vào khung sau):
<form name="frmName">
<Input type="Text" name="txtNameholot">
<Input type="Text" name="txtNameten">
```

```
<Input type="button" name="cmdTieptheo" value="Tieptheo">
</Form>
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu với tên **VBSRIPT17.HTML** tại E:\

Giải thích:

◆ Bạn thêm điều kiện khi chiều dài của vùng họ lót nhỏ hơn 1, hai điều kiện này được nối bằng mệnh đề OR (chỉ cần một điều kiện đúng) thì phát biểu đúng sẽ cho nhập lại.

◆ Chúng ta dùng thêm một phát biểu If có Else để xác định vị trí của dấu nháy nằm đúng ô trống (ô họ lót hay ô tên).

Ghi chú:

◆ Khi cả hai ô đều trống, VBSCRIPT tự động cho dấu nháy xuất hiện ở ô đầu tiên, tức ô họ lót.

◆ Nhấp đúp vào tên VBSRIPT17.HTML. Bạn thấy hình hiện ra như trường hợp trên.

◆ Nếu bạn chưa nhập Họ lót và tên, hoặc chỉ nhập một trong hai (một bỏ trống). Nếu click nút Tieptheo, bạn sẽ thấy hộp thoại cảnh báo hiện ra. Click nút OK trên hộp thoại, các bạn sẽ thấy dấu nháy xuất hiện đúng ở ô vị phạm như chúng tôi đã đề cập ở trên. Các bạn thử kiểm tra nhé!

Lưu ý:

◆ Điều kiện của phát biểu If vì quá dài nên trên sách thể hiện như vậy, khi viết code bạn nhớ viết chúng trên một dòng.

◆ Biến cố OnClick sẽ được phát sinh khi bạn click vào nút có tiêu đề "Tieptheo". Trường hợp này cũng đúng với các nút "Reset", "CheckBox", "Radio" và các liên kết trang.

◆ Bạn thử vào tập tin HTML trên, sửa lại câu lệnh <Input type="Button" name="cmdTieptheo" value="Tieptheo"> thành <Input type="Checkbox" name="cmdTieptheo">, hoặc <Input type="Radio" name="cmdTieptheo" >. Bạn sẽ thấy hình hiện ra với điều khiển này, khi click chuột vào các điều khiển này, các bạn thấy nó cũng tương tự như Button.

◆ Nếu là nút Radio bạn thấy hình như sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help



Address  E:\VBSCRIPT18.HTML

Nhập vào họ lot (vào khung trước) và tên (vào khung sau):

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="radio"/>
----------------------	----------------------	-----------------------

B6H7

◆ Nếu là nút CheckBox bạn thấy hình như sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help



Address  E:\VBSCRIPT18.HTML

Nhập vào họ lot (vào khung trước) và tên (vào khung sau):

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="checkbox"/>
----------------------	----------------------	--------------------------

B6H8

Nhận xét:

Nếu chú ý bạn sẽ thấy các điều khiển khai báo được nối tiếp với nhau từ trái qua phải.

Trong điều khiển Radio và CheckBox sẽ không khai báo Value="Tieptheo", muốn nó hiện ra và có chữ Tieptheo theo sau, bạn phải sửa lại như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub cmdTieptheo_OnClick()
  If Len(Document.frmName.txtNameholot.Value)<1 OR
      Len(Document.frmName.txtNameten.Value)<1 Then
    Alert "Ban phai nhap ho lot va ten vao khung
          (khong duoc de trong) : "
  If Len(Document.frmName.txtNameholot.Value)<1 Then
    Document.frmName.txtNameholot.Focus()
  Else
    Document.frmName.txtNameten.Focus()
  End if
Else
  Alert " Click nut OK de tiep tuc"
  ch1=document.frmName.txtNameholot.Value
  ch2=document.frmName.txtNameten.Value
  ch=ch1& " " & ch2
  Document.Write "Ho va ten: " & ch

  End If
End Sub
</Script>
</HEAD>
<BODY>
Nhap vao ho lot (vao khung truooc) va ten (vao khung sau):
<form name="frmName">
```

```
<Input type="Text" name="txtNameholot">
<Input type="Text" name="txtNameten">
<Input type="CheckBox" name="cmdTieptheo"> Tieptheo
</Form>
</BODY>
</HTML>
```

Lưu tập tin với tên cũ, chạy thử, bạn thấy kết quả như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT18.HTML

Nhập vào họ lot (vào khung trước) và tên (vào khung sau):

Tieptheo

Dùng CheckBox

Nếu sửa dòng lệnh đậm trên thành:

```
<Input type="Radio" name="cmdTieptheo"> Tieptheo
```

Lưu và chạy lại chương trình, bạn sẽ có kết quả như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT18.HTML

Nhập vào họ lot (vào khung trước) và tên (vào khung sau):

Tieptheo

Dùng Radio

◆ Nút Check có hình vuông, nút Radio có hình tròn

Bạn thử thiết kế một trang Web thể hiện các điều khiển trên Form như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT\19.HTML

DANH SÁCH GIÁO VIÊN

HO LOT	<input type="text"/>
TEN	<input type="text"/>
NGÀY SINH	<input type="text"/>
NOI SINH	<input type="text"/>

[CLICK VÀO ĐÂY ĐỂ XEM KẾT QUẢ](#)

B6H9

- ◆ Bạn thấy trang Web có một tiêu đề "DANH SÁCH GIÁO VIÊN"
- ◆ 4 Label làm các tiêu đề HOLOT, TEN, NGÀY SINH, NOISINH
- ◆ 4 Text dùng để nhập thông tin
- ◆ 1 Button dùng để xem kết quả
- ◆ Nhãn HOLOT và Text để nhập họ lót cùng nằm trên một hàng
- ◆ Nhãn TEN và Text để nhập tên cùng nằm trên một hàng
- ◆ Nhãn NGÀY SINH và Text để nhập ngày sinh cùng nằm trên một hàng
- ◆ Nhãn NOISINH và Text để nhập nơi sinh cùng nằm trên một hàng
- ◆ Button nằm ở hàng cuối cùng

Nhận xét:

Không có gì là khó, các bạn cứ cho nó xuống dòng ở những nơi cần phải xuống.

Bạn mở VBSCRIPT18.HTML sửa code lại như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub cmdTieptheo_OnClick()
  If Len(Document.frmName.txtholot.Value)<1 OR
    Len(Document.frmName.txtten.Value)<1 Then
    Alert "Ban phai nhap ho lot va ten vao khung (khong duoc de
trong) :"
```



```

<Input type="Label" name="Lbholot" Value="HO LOT">
<Input type="Text" name="txtholot"><BR>
<Input type="Label" name="Lbliten" Value="TEN">
<Input type="Text" name="txtten"><BR>
<Input type="Label" name="Lbngaysinh" Value="NGAY SINH">
<Input type="Text" name="txtnngaysinh"><BR>
<Input type="Label" name="Lbnoisinh" Value="NOI SINH">
<Input type="Text" name="txtnoisinh"><BR>
<Input type="Button" name="cmdTieptheo" Value="CLICK VAO DAY DE
XEM KET QUA">
</FONT>
</Form>
</BODY>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT19.HTML** tại E:\

Giải thích:

◆ Trang Web sẽ hiện ra như dấu bài đã cho (B6H9) ở trên. Sau hai câu lệnh <Input ... > xác lập một nhãn và một Text thì có lệnh xuống dòng trong phần <BODY> ... </BODY>. Nhờ đó chúng ta sẽ có hình như trên.

◆ Khi click button có tiêu đề "CLICK VAO DAY DE XEM KET QUA" sẽ gọi thủ tục có tên cmdTieptheo.

◆ Trong thủ tục này trước tiên sẽ kiểm tra xem khung nhập họ lót hoặc khung nhập tên có trống hay không. Nếu trống thì yêu cầu người sử dụng nhập vào (dấu nháy sẽ hiện ra đúng với ô trống cần nhập nhờ phát biểu IF ELSE tiếp theo). Ngược lại sẽ gán các thông tin nhập trong các Text vào các biến.

◆ Để điều khiển xuống dòng chỗ thích hợp, các bạn chú ý đến để cho lệnh xuống dòng "BR". Cần chú ý trong phương thức Document và <Input> hơi khác nhau một chút về cách thể hiện.

Nhấp đúp vào tên tập tin HTML trên, các bạn có hình hiện ra như sau:

THIẾT KẾ WEB BẢNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Forward Stop Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT\19.HTML

DANH SÁCH GIÁO VIÊN

HỌ LÔT

TÊN

NGÀY SINH

NƠI SINH

CLICK VÀO ĐÂY ĐỂ XEM KẾT QUẢ

B6H10

Nếu không nhập vào ô HOLOT, hoặc ô TEN, hoặc cả hai ô HOLOT và TEN. Click nút có tiêu đề "CLICK VÀO ĐÂY ĐỂ XEM KẾT QUẢ", các bạn sẽ thấy hộp thoại thông báo như sau:

THIẾT KẾ WEB BẢNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Forward Stop Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT\19.HTML

DANH SÁCH GIÁO VIÊN

HỌ LÔT

TÊN

NGÀY SINH

NƠI SINH

CLICK VÀO ĐÂY ĐỂ XEM KẾT QUẢ

Microsoft Internet Explorer

 Bạn phải nhập họ lot và ten vào khung (không được để trống):

OK

B6H11

- ◆ Click nút OK, giả sử bạn nhập thông tin như sau vào các ô.

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT\9.HTML

DANH SÁCH GIÁO VIÊN

HO LOT	DAU THUY QUYNH
TEN	TRAM
NGAY SINH	20/07/2000
NOI SINH	TP.HCM

CLICK VAO ĐÂY DE XEM KET QUẢ

B6H12

- ◆ Click nút có tiêu đề "CLICK VAO ĐÂY DE XEM KET QUẢ". Các bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như sau:

DANH SÁCH GIÁO VIÊN

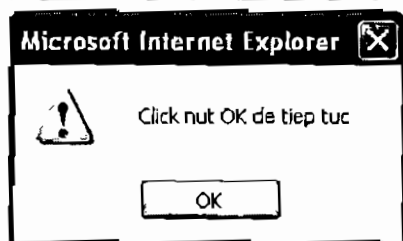
HO LOT DAU THUY QUYNH

TEN TRAM

NGAY SINH 20/07/2000

NOI SINH TP.HCM

CLICK VAO DAY DE XEM KET QUẢ



B6H13

◆ Click nút OK, bạn thấy hình như sau:

E:\WBSCRIPT19.HTML - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help



Address E:\WBSCRIPT19.HTML

Họ và tên: DAU THUY QUYNH TRAM

Ngày sinh: 20/07/2000

Nơi sinh: TP.HCM

B6H14

Bạn thiết kế một trang Web để thực hiện các phép toán cơ bản CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA, SỐ DƯ và LŨY THỪA như hình sau:

THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BẠN NHẬP SỐ a =

BẠN NHẬP SỐ b =

CLICK CHỌN CÁC PHÉP

CONG (+) TRỪ (-) NHÂN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LŨY THỪA (luythua)

B6H15

Mô tả bài toán:

Người sử dụng sẽ nhập vào số a và số b. Sau đó click vào các button có tiêu đề là các phép toán. Kết quả sẽ hiện ra ở ô Text bên dưới. Nếu ô số a hoặc số b trống, hộp thoại hiện ra nhắc người sử dụng phải nhập số a và số b.

Bạn vào cửa sổ Notepad, mở lại bài tập trên, sửa lại như sau:

<HTML>

<HEAD>

```

<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub Tinhtoan(opType)
  If Len(Document.TinhtoanForm.txta.Value)<1 OR
      Len(Document.TinhtoanForm.txtb.Value)<1 Then
    Alert "Ban phai nhap so a va so b vao khung
      (khong duoc de trong) :."
  If Len(Document.TinhtoanForm.txta.Value)<1 Then
    Document.TinhtoanForm.txta.Focus()
  Else
    Document.TinhtoanForm.txtb.Focus()
  End if
Else
  Dim x1, x2
  x1=Document.TinhtoanForm.txta.Value
  x2=Document.TinhtoanForm.txtb.Value
  Ketqua=Eval(x1&opType&x2)
  Document.TinhtoanForm.Txtketqua.Value=Ketqua
END IF
End Sub
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<FONT face="VNI-Times" size="6pt" color="green">
<H1> <B> CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN <B> <H1>
<form name="TinhtoanForm">
<Input type="Label" name="Lbla" Value="BAN NHAP SO a =">
<Input type="Text" name="txta"><BR>
<Input type="Label" name="Lblb" Value="BAN NHAP SO b =">
<Input type="Text" name="txtb"><BR>
<Input type="Label" name="Lblketqua" Value="CLICK CHON CAC PHEP
      TOAN BEN DUOI DE THAY KET QUA ">
<Input type="Text" name="txtKetqua"><BR>
<Input type="Button" Value="CONG (+)" OnClick="Tinhtoan('+')">
<Input type="Button" Value="TRU (-)" OnClick="Tinhtoan('-')">

```

```

<Input type="Button" Value="NHAN (*)" OnClick="Tinhtoa('*')">
<Input type="Button" Value="CHIA (/)" OnClick="Tinhtoa('/')"><BR>
<Input type="Button" Value="SO DU (mod)" OnClick="Tinhtoa(' mod ')>
<Input type="Button" Value="LŨY THUA (luythua)"
OnClick="Tinhtoa('^")"><BR>
</FONT>
</Form>
</BODY>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin HTML với tên mới là **VBSCRIP20.HTML** tại **E:**

Giải thích:

- ◆ Trong phần <BODY> ... </BODY>. Xác lập Font, khai báo tên Form là "TinhtoaForm".

- ◆ Tạo các Label và Text giống như bài trên cho số a, số b và ô hiện ra kết quả.

- ◆ Thiết lập các nút có tiêu đề là các phép toán trong đó có dùng biến cố OnClick của thủ tục có tên Tinhtoa với tham biến là tên phép toán.

Lưu ý:

Đối với phép toán mod, các bạn phải chừa khoảng trắng ở hai đầu thì mới thực hiện được (các phép toán '+', '-', '*', '/', '^' thì không sao) Đối với phép toán mod, bạn phải gõ ' mod ' thay vì 'mod'. Nó sẽ không phù hợp với (x1&optype&x2)

- ◆ Khi click vào một nút của phép toán, nếu số a hoặc số b chưa nhập, hộp thông báo sẽ hiện ra bắt bạn phải nhập. Nếu đã nhập, bạn sẽ thấy kết quả hiện ra trong Text bên dưới hai Text chứa số a và số b.

- ◆ Bạn nghiên cứu thủ tục có tên Tinhtoa(optype) để biết.

Nhấp đúp vào tên tập tin HTML trên, bạn sẽ thấy kết quả hiện ra như hình sau:

File Edit View Favorites Tools Help

Back Forward Stop Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHẬP SỐ a =

BAN NHẬP SỐ b =

CLICK CHỌN CÁC PHÉP

B6H16

Nếu chưa nhập số a và số b hoặc nhập thiếu một số, bạn sẽ thấy thông báo sau:

File Edit View Favorites Tools Help

Back Forward Stop Home Search Favorites Media

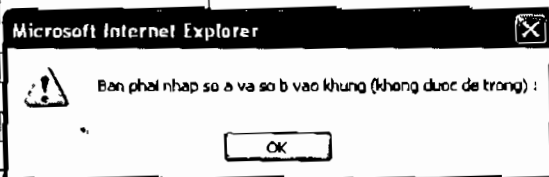
Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHẬP SỐ a =

BAN NHẬP SỐ b =

CLICK CHỌN CÁC PHÉP



B6H17

◆ Click nút OK, giả sử nhập vào số a là 12, số b là 5 như hình sau:

THIẾT KẾ WEB DẠNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHẬP SỐ a =

BAN NHẬP SỐ b =

CLICK CHỌN CÁC PHÉP

CONG (+) TRU (-) NHÂN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B6H18

◆ Click nút CONG(+) bạn có kết quả như hình sau:

THIẾT KẾ WEB DẠNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHẬP SỐ a =

BAN NHẬP SỐ b =

CLICK CHỌN CÁC PHÉP

CONG (+) TRU (-) NHÂN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B6H19

◆ Click nút TRU (-) bạn có kết quả như hình sau:

The screenshot shows a Microsoft Internet Explorer browser window titled "THIẾT KẾ WEB BẰNG VBSCRIPT CÓ FORM". The address bar shows "E:\VBSCRIPT20.HTML". The page content includes a title "CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN" and several input fields and buttons. The input fields are: "BAN NHAP SO a =" with value "12", "BAN NHAP SO b =" with value "5", and "CLICK CHON CAC PHE" with value "7". The buttons are: "CONG (+)", "TRU (-)", "NHAN (*)", "CHIA (/)", "SO DU (mod)", and "LUY THUA (luythua)". The result displayed is "86H20".

◆ Click nút NHAN (*) bạn có kết quả như hình sau:

The screenshot shows a Microsoft Internet Explorer browser window titled "THIẾT KẾ WEB BẰNG VBSCRIPT CÓ FORM". The address bar shows "E:\VBSCRIPT20.HTML". The page content includes a title "CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN" and several input fields and buttons. The input fields are: "BAN NHAP SO a =" with value "12", "BAN NHAP SO b =" with value "5", and "CLICK CHON CAC PHE" with value "60". The buttons are: "CONG (+)", "TRU (-)", "NHAN (*)", "CHIA (/)", "SO DU (mod)", and "LUY THUA (luythua)". The result displayed is "60".

B6H21

◆ Click nút CHIA(/) bạn có kết quả như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BẰNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHAP SO a = 12

BAN NHAP SO b = 5

CLICK CHON CAC PHE 2.4

CONG (+) TRU (-) NHAN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B6H22

◆ Click nút SỐ DƯ(mod) bạn có kết quả như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BẰNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHAP SO a = 12

BAN NHAP SO b = 5

CLICK CHON CAC PHE 2

CONG (+) TRU (-) NHAN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B6H23

◆ Click nút LUY THUA(luythua) bạn có kết quả như hình sau:

THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHAP SO a = 12

BAN NHAP SO b = 5

CLICK CHON CAC PHE 248832

CONG (+) TRU (-) NHAN (*) CHIA (/)

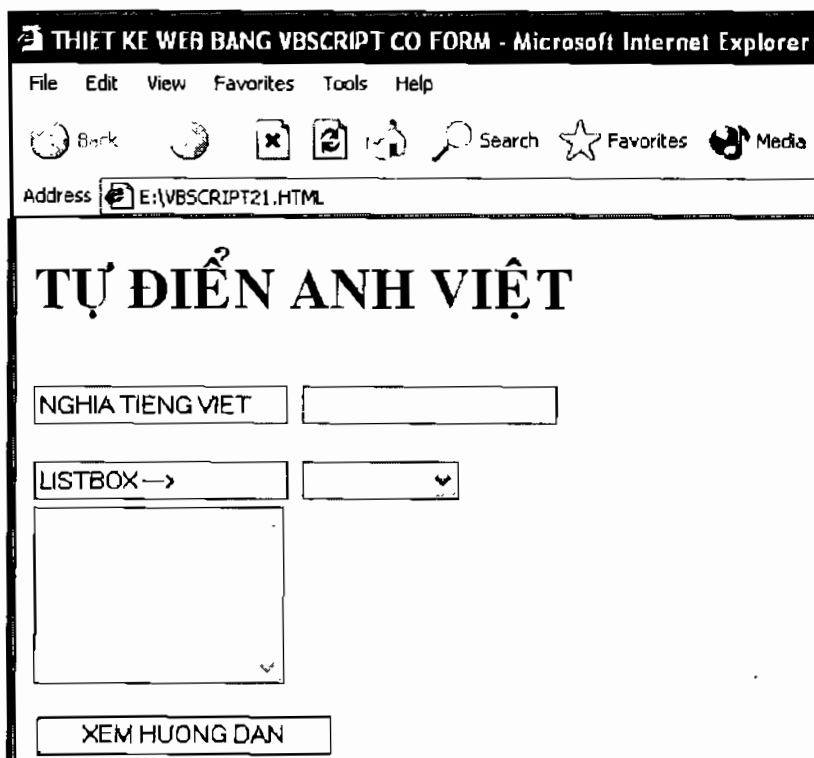
SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B6H24

BÀI 7

TẠO TỰ ĐIỂN TRÊN TRANG WEB

Bạn thử tạo tự điển Anh Việt trên trang Web như hình sau:



B7H1

Mô tả bài toán:

- Tạo một trang Web có tiêu đề "THIỆT KE TRANG WEB BANG VBSCRIPT CO FORM"
- Trong trang Web có tiêu đề "TỰ ĐIỂN ANH VIỆT"
- Một Label có tiêu đề "NGHIA TIENG VIET"
- Một Text để hiện nội dung nghĩa của từ tiếng Anh được chọn

▪ Hàng dưới là một Label có tiêu đề "LISTBOX →", bên phải là một ListBox chứa các từ của tiếng Anh.

▪ Hàng kế tiếp là một Textarea có độ rộng 6 hàng, 15 cột

▪ Hàng cuối cùng là một Button có tiêu đề "XEM HUONG DAN"

Thực hiện:

◆ Nếu click vào button có tiêu đề "XEM HUONG DAN" thì nội dung hướng dẫn sẽ hiện ra trong Textarea.

◆ Nếu click vào đầu mũi tên bên phải của ListBox, bạn sẽ thấy các từ tiếng Anh hiện ra. Chọn từ nào trong khung hiện ra, nghĩa tiếng Việt sẽ hiện trong Text bên trên.

Bạn hãy đọc từ từ những hướng dẫn của chúng tôi, không có gì là khó cả!!!

Bạn vào Notepad và viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub lisTienganh_Onclick()
    Document.TudienForm.giupdo.Value="Ban hay click vao dau mui ten
        quay xuong cua ListBox ben tren, chon tu tieng Anh can xem"
END Sub
Function chon0()
    with Document.TudienForm
        Chon0=.Tienganh(0).selected
    End with
End Function
Function chon1()
    with Document.TudienForm
        Chon1=.Tienganh(1).selected
    End with
End Function
Function chon2()
    with Document.TudienForm
        Chon2=.Tienganh(2).selected
```

```

End with
End Function
Function chon3()
with Document.TudienForm
    Chon3=.Tienganh(3).selected
End with
End Function
Function chon4()
with Document.TudienForm
    Chon4=.Tienganh(4).selected
End with
End Function
Function chon5()
with Document.TudienForm
    Chon5=.Tienganh(5).selected
End with
End Function
Sub mucchon()
If chon0() Then
    Document.TudienForm.Txtnghia.Value="Qua Bi"
End if
If chon1() Then
    Document.TudienForm.Txtnghia.Value="Qua Bui"
End if
If chon2() Then
    Document.TudienForm.Txtnghia.Value="Qua chanh"
End if
If chon3() Then
    Document.TudienForm.Txtnghia.Value="Qua cam"
End if
If chon4() Then
    Document.TudienForm.Txtnghia.Value="Qua cau"
End if
If chon5() Then
    Document.TudienForm.Txtnghia.Value="Qua chom chom"

```

```

End if
End sub
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<FONT face="VNI-Times" size="6pt" Color="green">
<H1> <B> TỰ ĐIỂN ANH VIỆT <B> <H1>
<form name="TudienForm">
<Input type="Label" name="Lbla" Value="NGHIA TIENG VIET">
<Input type="Text" name="txtnghia"><BR>
<Input type="Label" name="Llbl" Value="LISTBOX ---> '>
<Select name="Tienganh" Onchange="mucchon()>
<Option>Pumpkin</Option>
<Option>Grape fruit</Option>
<Option>Lemon</Option>
<Option>Orange</Option>
<Option>Areca</Option>
<Option>Medlar</Option>
<Option selected="true"></Option>
</Select><BR>
<textarea cols="15" rows="6" name="giupdo"></textarea><BR>
<Input type="button" name="LisTienganh" value="XEM HUONG DAN">
</Form>
</Font>
</BODY>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin HTML trên với tên **VBSCRIPT21.HTML** tại E:\

Giải thích:

- ◆ Trong đoạn mã VBScript bạn có những thủ tục và các hàm như sau:

- ◆ Thủ tục có tên **LisTienganh_Onclick()** để thể hiện thông tin trong Textarea khi bạn click vào button có tiêu đề "XEM HUONG DAN". Do đó thuộc tính name của Button này phải có tên là "LisTienganh"

◆ Hàm có tên `Chon0()` để xác định mục 0 của `ListBox` được chọn (trong `ListBox` các mục sẽ đi từ 0 đến n)

Lệnh "`With document.TudienForm`" để truy xuất đến các điều khiển mà không cần ghi chép lại "`document.TudienForm`". Do đó dòng lệnh `Chon0=.Tienganh(0).selected`. Chúng ta sẽ dùng `.Tienganh(0).selected`

thay vì `document.TudienForm.Tienganh(0).selected` (bạn sẽ thấy có lợi nếu có nhiều lệnh truy cập đến các đối tượng) Kết thúc là `End With`.

◆ Tương tự như vậy với các hàm sau, mỗi hàm đại diện cho một mục theo thứ tự các mục của `ListBox`.

◆ Thủ tục mục chọn dùng để xác định mục được chọn trong `ListBox` là mục mấy thông qua các hàm, do đó tên các hàm sẽ là các điều kiện trong các phát biểu IF. Bạn chú ý tên của thủ tục là `mucchon()` để bạn dùng trong biến cố `OnChange` trong khai báo của `ListBox`.

◆ Qua phần viết trong `<BODY>` và `</BODY>` bạn thấy đầu tiên là xác định Font cho tiêu đề.

◆ Tên tiêu đề bên trong trang Web

◆ Khai báo tên Form. Bạn cần ghi nhớ tên của Form là "`TudienForm`". Tên này sẽ được gọi trong VBSCRIPT như `Document.TudienForm...`

◆ Thiết lập các điều khiển trong Form, có sử dụng biến xuống dòng phù hợp.

◆ Trước hết là thiết lập một Label có tiêu đề "`NGHIA TIENG VIET`", một Text cho hàng thứ nhất (cho xuất hiện nghĩa tiếng Việt của từ tiếng Anh được chọn). Sau đó là biến xuống dòng `
`.

◆ Kế tiếp hàng 2 là một Label có tiêu đề "`LISTBOX →`" và một `ListBox` được khai báo bắt đầu bằng `<Select >` và kết thúc bằng `</Select>`. Bạn cần lưu ý tên của `ListBox` là "`TiengAnh`" để sử dụng trong hàm của VBSCRIPT. Có biến cố `OnChange()` đến thủ tục

có tên mucchon()). Các mục của ListBox được khai báo trong <Option> và </Option>.

◆ Lệnh thiết lập một Textarea có 6 hàng và 15 cột để có độ lớn như hình trên.

◆ Thiết lập một Button để khi click vào sẽ cho thông báo xuất hiện trong Textarea.

Nhấp đúp vào tên của tập tin HTML trên, các bạn sẽ thấy như hình sau:

THIET KE WEB BANG VBSCRIPT CO FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT21.HTML

TỰ ĐIỂN ANH VIỆT

NGHIA TIENG VIET

LISTBOX →

XEM HUONG DAN

B7H2

◆ Nếu click vào nút "XEM HUONG DAN", bạn sẽ thấy trong Textarea hiện ra thông tin như bạn đã viết trong code như hình sau:



B7H3

◆ Bạn có thể di chuyển con trỏ dọc để thấy hết thông tin trong Textarea.

◆ Do có câu lệnh `<Option selected="true">` `</Option>` sau các mục, nên trong ListBox các bạn không thấy mục nào cả. Nếu không có dòng lệnh này, các bạn sẽ thấy trong ListBox xuất hiện mục đầu tiên, tức là mục 0.

◆ Bạn click vào đầu mũi tên quay xuống của ListBox, bạn sẽ thấy các mục hiện ra như hình sau:

File Edit View Favorites Tools Help



Address E:\VBSCRIPT21.HTML

TỰ ĐIỂN ANH VIỆT

NGHĨA TIẾNG VIỆT

LISTBOX →

Bạn hãy click
vào đầu mũi
ten quay
xuong cua
ListBox ben
tren, chọn tu

Pumpkin
Grape fruit
Lemon
Orange
Areca
Medlar

XEM HƯỚNG DẪN

- B7H4

◆ Giả sử click chọn mục "Lemon". Bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

File Edit View Favorites Tools Help



Address E:\VBSCRIPT21.HTML

TỰ ĐIỂN ANH VIỆT

NGHĨA TIẾNG VIỆT

Qua chanh

LISTBOX →

Lemon

- Bạn hãy click ▲
- vào đầu mũi
- ten quay ≡
- xuong cua
- ListBox ben
- tren, chọn tu ▼

XEM HƯỚNG DẪN

B7H5

◆ Bạn có thể click các mục còn lại để xem nghĩa của chúng.

Ghi chú:

Các bạn có thể sửa lại các hàm (Function) trong đoạn mã trên như sau (bỏ các phát biểu With ... End With)

Function chọn0()

 Chọn0=Document.TudienForm.Tienganh(0).selected

End Function

Function chọn1()

 Chọn1=Document.TudienForm.Tienganh(1).selected

End Function

Function chọn2()

 Chọn2=Document.TudienForm.Tienganh(2).selected

End Function

Function chọn3()

 Chọn3=Document.TudienForm.Tienganh(3).selected

End Function

Function chọn4()

 Chọn4=Document.TudienForm.Tienganh(4).selected

End Function

Function chọn5()

 Chọn5=Document.TudienForm.Tienganh(5).selected

End Function

Bỏ phát biểu With thì phải thêm những từ tô đậm vào đúng vị trí như trên

Nhận xét:

Từ bài tập này, các bạn có thể viết các chương trình khác, ví dụ khi click vào một nút hay một mục trong ListBox, có thể dấu chọn của nút Radio hoặc CheckBox sẽ được đánh dấu chọn, hoặc click vào một mục của ListBox sẽ thể hiện những thông tin mà bạn muốn trình bày.

Bạn thử thiết kế một trang Web như hình sau:

File Edit View Favorites Tools Help



Address E:\VBSCRIPT23.HTML

TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU

HO VA TEN Nam Nu

LISTBOX →

XEM HƯƠNG DẪN

B7H6

Hướng dẫn:

Bạn vào Notepad để viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
Sub TextareaHuongdan_Onclick()
```

Document.TochucForm.giupdo.Value="Ban hay click vao dau mui ten quay xuong cua ListBox ben tren, chon tu tieng Anh can xem"

END Sub

```

Function chon0()
    Chon0=Document.TochucForm.Ten(0).selected
End Function
Function chon1()
    Chon1=Document.TochucForm.Ten(1).selected
End Function
Function chon2()
    Chon2=Document.TochucForm.Ten(2).selected
End Function
Function chon3()
    Chon3=Document.TochucForm.Ten(3).selected
End Function
Sub mucchon()
    If chon0() Then
        Document.TochucForm.TxtHoten.Value="LY HONG SON"
        Document.TochucForm.chkNam.Checked="True"
        Document.TochucForm.chkNu.Checked="False"
    End if
    If chon1() Then
        Document.TochucForm.TxtHoten.Value="DAU QUANG TUAN"
        Document.TochucForm.chkNam.Checked="True"
        Document.TochucForm.chkNu.Checked="False"
    End if
    If chon2() Then
        Document.TochucForm.TxtHoten.Value="NGUYEN THI THOM"
        Document.TochucForm.chkNu.Checked="True"
        Document.TochucForm.chkNam.Checked="False"
    End if
    If chon3() Then
        Document.TochucForm.TxtHoten.Value="TRAN THI NGOC THAO"
        Document.TochucForm.chkNu.Checked="True"
        Document.TochucForm.chkNam.Checked="False"
    End if
End sub
</Script>

```



```

</HEAD>
<BODY>
<FONT face="VNI-Times" size="6pt" color="green">
<H1> <B> TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU <B> <H1>
<form name="TochucForm">
<Input type="Label" name="Lbla" Value="HO VA TEN">
<Input type="Text" name="txtHoten">
<Input type="CheckBox" name="chknam">Nam
<Input type="CheckBox" name="chknu">Nu <BR>
<Input type="Label" name="Lblb" Value="LISTBOX ---> ">
<Select name="Ten" Onchange="mucchon()">
<Option>HIEU TRUONG</Option> <Option>HIEU PHO CHUYEN
MON</Option> <Option>HIEU PHO LAO DONG</Option> <Option>HIEU
PHO HANH CHANH</Option>
<Option selected="true"></Option>
</Select><BR>
<textarea cols="15" rows="6" name="giupdo"></textarea><BR>
<Input type="button" name="Textareahuongdan" value="XEM HUONG
DAN">
</Form>
</Font>
</BODY>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT23.HTML** tại E:\

Giải thích:

- ◆ Các hàm để xác định các mục chọn trong ListBox
- ◆ Thủ tục mucchon() bên trong là các phát biểu IF để ghi ra tên của từng chức danh, đồng thời đánh dấu chọn checkBox đúng giới tính, Xóa dấu chọn của giới tính kia nếu trước đó có người khác phái đã thể hiện.
- ◆ Phần <Body> ... </Body> các lệnh cũng tương tự chỉ khác tên Form, tên của các điều khiển... Đồng thời có thêm điều khiển CheckBox.
- ◆ Nhấp đúp vào tên tập tin, bạn thấy kết quả như hình sau:

TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU

HO VA TEN Nam Nu

LISTBOX →

XEM HUONG DAN

B7H7

◆ Giả sử click đầu mũi tên của ListBox, chọn chức danh Hiệu trưởng, bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU

HO VA TEN LY HONG SON Nam Nu

LISTBOX → HIỆU TRƯỞNG

XEM HUONG DAN

B7H8

◆ Click đầu mũi tên, chọn "HIỆU PHÓ LAO ĐỘNG", bạn thấy kết quả như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Forward Stop Refresh Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT23.HTML

TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU

HỌ VÀ TÊN NGUYEN THI THOM Nam Nữ

LISTBOX → HIỆU PHÓ LAO ĐỘNG

XEM HUONG DAN

B7H9

Hiệu phó này là nữ, nên bạn thấy dấu CheckBox nữ được chọn, đồng thời checkBox nam được bỏ dấu chọn, nhờ câu lệnh xác lập điều khiển này là False.

BÀI 8

TẠO LIÊN KẾT TRANG BẰNG CÁCH CLICK VÀO NÚT ẨN

Bài này hướng dẫn các bạn tạo một nút là một hình. Khi di chuyển con trỏ chuột ngang qua nút thì nó sẽ biến thành hình của một nút khác. Khi di chuyển ra khỏi nút, nó trở lại hình dạng nút ban đầu. Khi click vào nút thì sẽ liên kết đến một trang Web khác.

Bạn xem ví dụ sau:

Giả sử chúng tôi có 2 hình như hình sau:



_B8H1

Hình này có tên H10.GIF, được lưu trong thư mục gốc của ổ đĩa E:\



B8H2

Hình này có tên H11.GIF, được lưu trong thư mục gốc của ổ đĩa E:\

Muốn tạo hai tập tin hình ảnh có phần mở rộng là .GIF, các bạn chỉ cần chụp hình này vào Paint và khi lưu chọn lưu với phần mở rộng là .GIF ở hộp thoại Save As.

Ghi chú:

Các bạn có thể nhấn nút Prt Scr trên bàn phím để chụp hình của một màn hình bất kỳ, mở Paint và dán hình vào, sau đó lưu tập tin với phần mở rộng .GIF.

Sau khi đã có hình, bạn vào Notepad và viết đoạn mã HTML như sau:

```
<!--
```

```
Sub changemg(H1, H2)
```

```
Document.Images(H1).src=H2
```

```
END Sub
```

```
-->
```

```
</Script>
```

```

</HEAD>
<Body>
<p align="Center">
<A HREF="DONGVAT.HTML"
OnMouseOver=" call changelmg('Hinh', 'H11.gif')"
OnMouseOut=" call changelmg('Hinh', 'H10.gif')">

</A>
</P>
</Body>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin này với tên **VBSCRIPT24.HTML** tại E:\

Lưu ý:

Các tập tin hình ảnh phải có cùng địa chỉ với tập tin HTML

Giải thích:

◆ Thủ tục dùng hàm **changelmg()** có tác dụng thay đổi ảnh ở đối số 1 của **Document** và trở đến tập tin ảnh là đối số 2 của hàm.

Ý nghĩa các câu lệnh trong phần **<Body> ... </Body>**

◆ Cho hình hiện ra ở giữa trang Web (center)

◆ Kết nối đến tập tin **DONGVAT.HTML** (khi click vào hình thì liên kết đến tập tin này)

◆ Hàm **OnMouseOver**: sẽ gọi hàm **changelmg** với hai đối như trên. Khi di chuyển con trỏ chuột ngang qua hình thì hình H11.gif (đối thứ hai của hàm **changelmg**) sẽ hiện ra ngay vị trí hình cũ.

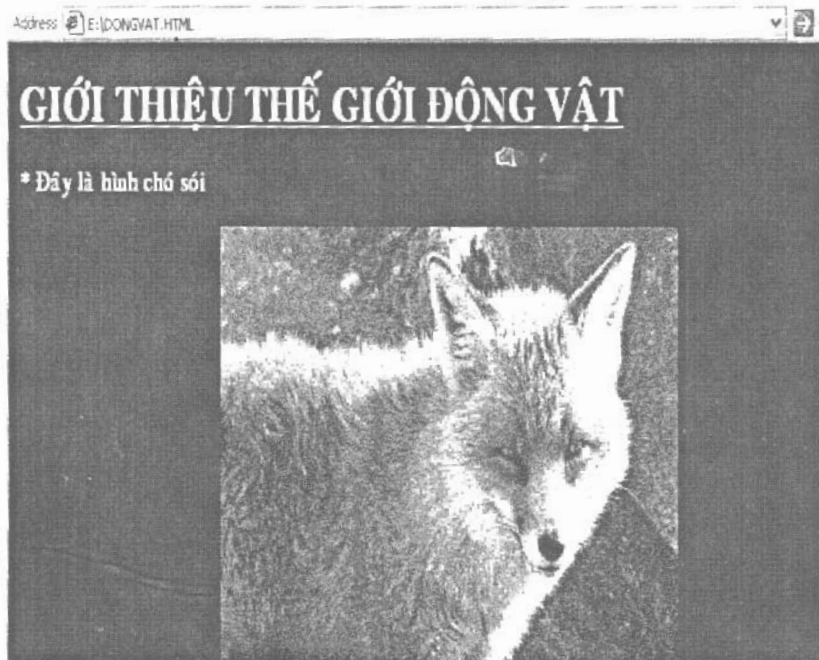
◆ Hàm **OnMouseOut**: sẽ gọi hàm **changelmg** với hai đối như trên. Khi di chuyển con trỏ chuột ra khỏi hình thì hình H10.gif (đối thứ hai của hàm **changelmg**) sẽ hiện ra ngay vị trí của hình H11.gif

Ghi chú:

◆ Bạn có thể thu nhỏ hình lại để giống như là một nút nhấn.

Nhấp đúp vào tên tập tin **VBSCRIPT24.HTML**, bạn sẽ thấy trang Web thể hiện như sau:

◆ Khi di chuyển ngang qua hình H11.gif này (con trỏ có hình bàn tay). Nếu click nút chuột. Bạn sẽ thấy trang Web DONGVAT.HTML sẽ hiện ra như hình sau:



B8H5

Tương tự như vậy, các bạn có thể tạo nhiều nút bấm dạng ảnh như trên. Trước hết các bạn phải chuẩn bị các cặp ảnh cho mỗi nút.


Giả sử chúng tôi có 6 hình .gif như sau:



Hình nút 1 có tên HINH1.GIF




Hình nút 2 có tên là HINH10N.GIF



Hình nút 3 có tên **HINH3.GIF**



Hình nút 4 có tên **HINH3ON.GIF**



Hình nút 5 có tên **HINH5.GIF**



Hình nút 6 có tên **HINH5ON.GIF**

Lưu ý:

Bạn nhớ đặt tên như vậy để dễ viết code. Bạn có thể đặt tên bất kỳ như cặp hình đi đôi với nhau phải có quy luật.

Ví dụ:

Có một cặp hình, giả sử hình 1 có tên VUI.GIF, thì hình 2 phải có tên là VUION.GIF. Bạn sẽ hiểu khi nhìn vào đoạn mã của chương trình.

Bạn có thể tạo 6 hình trên một cách dễ dàng. Bạn vào Microsoft Powerpoint 2003. Vào menu Slide Show, di chuyển vật sáng đến Action Buttons. Sau đó lần lượt từng hình trên. Hộp thoại hiện ra hỏi bạn liên kết. Bạn click nút Cancel. Điều chỉnh kích cỡ hình trên các slide của Powerpoint. Click nút phải chuột trên hình vừa đưa vào, chọn Format Auto Shape, chọn màu cho hình. Sau đó nhấn nút Prt Sct dán hình qua Paint. Và lưu lần lượt với các tên như trên với đuôi .GIF

Bạn có thể lấy hình bất kỳ mà bạn đang có, nhớ thu nhỏ hình lại giống như một nút bấm bình thường.

- ◆ Giả sử chúng ta chọn HINH1.GIF và HINH1ON.GIF là một cặp
- ◆ Giả sử chúng ta chọn HINH3.GIF và HINH3ON.GIF là một cặp
- ◆ Giả sử chúng ta chọn HINH5.GIF và HINH5ON.GIF là một cặp

Bạn vào Notepad và viết đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB SU DUNG NHIEU NUT BAM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Sub OnImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+'ON.gif'
END Sub
Sub OffImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+'.gif'
END Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<p align="Left">
<A HREF="VBSCRIPT20.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH1')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH1')">

</A><BR>
<A HREF="VBSCRIPT21.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH3')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH3')">

</A><BR>
<A HREF="VBSCRIPT23.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH5')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH5')">

</A>
</P>
</Body>
</HTML>
```

Giả sử bạn lưu với tên **VBSCRIPT25.HTML** tại **E:**

Giải thích:

• ♦ Trang Web có tiêu đề "THIET KE WEB SU DUNG NHIEU NUT BAM"

♦ Hàm **OnImage()** trong đoạn mã **VBScript** trên dùng để ghép chuỗi "**ON.GIF**" mà chúng tôi đã đề cập ở trên, do ghép chuỗi, nên hình thứ hai của một cặp hình phải có phần trước **ON** giống tên của hình một (hình hai có tên giống hình một cộng thêm **ON**)

Ví dụ:

HINH1.GIF và HINH1ON.GIF

HINH3.GIF và HINH3ON.GIF

HINH5.GIF và HINH5ON.GIF

♦ Hàm **OffImage()** ghép thêm phần mở rộng là **".GIF"**

Trong phần **<Body>** và **</Body>**

♦ Hàm **OnMouseOver** sẽ gọi hàm **OnImage** với đối là tên của hình thứ nhất trong cặp hình không có phần mở rộng. Khi di chuyển con trỏ chuột vào hình thứ nhất, sẽ biến thành hình thứ hai do hàm **OnMouseOver** gọi hàm **OnImage** để nối thêm chuỗi "**ON.GIF**" vào tên của đối.

♦ Hàm **OnMouseOut** sẽ gọi hàm **OffImage** với đối là tên của hình thứ nhất trong cặp hình không có phần mở rộng. Khi di chuyển con trỏ chuột ra khỏi hình thứ hai, sẽ biến thành hình thứ nhất do hàm **OnMouseOut** gọi hàm **OffImage** để nối thêm chuỗi **".GIF"** vào tên của đối.

♦ Tương tự như vậy với các cặp còn lại trong đoạn mã.

Ghi chú:


Các lệnh kết nối **<A HREF** bạn có thể tham khảo thêm trong tập sách "Tự học thiết kế trang Web bằng HTML" của cùng tác giả.

Nhấp đúp vào tên tập tin **VBSCRIPT25.HTML** bạn sẽ thấy hình như sau:

THIẾT KẾ WEB SỬ DỤNG NHIỀU NÚT BẤM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help



Address  E:\VBSCRIPT25.HTML



B8H6


◆ Nhìn vào trang Web, bạn thấy 3 nút bấm là các hình thứ nhất của từng cặp hình, đó là các hình có tên: HINH1.GIF, HINH3.GIF và HINH5.GIF.

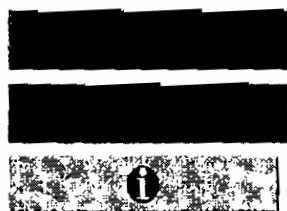
◆ Nếu di chuyển vào hình thứ nhất ở trên cùng, bạn sẽ thấy hình sau:

THIẾT KẾ WEB SỬ DỤNG NHIỀU NÚT BẤM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

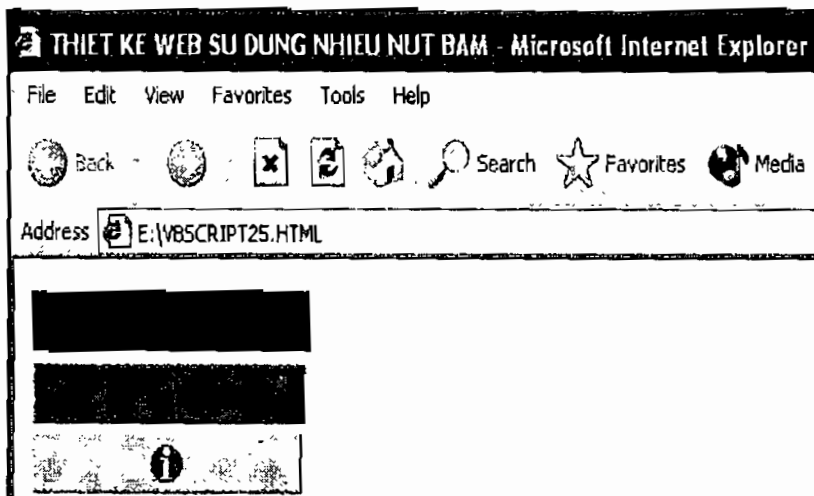


Address  E:\VBSCRIPT25.HTML



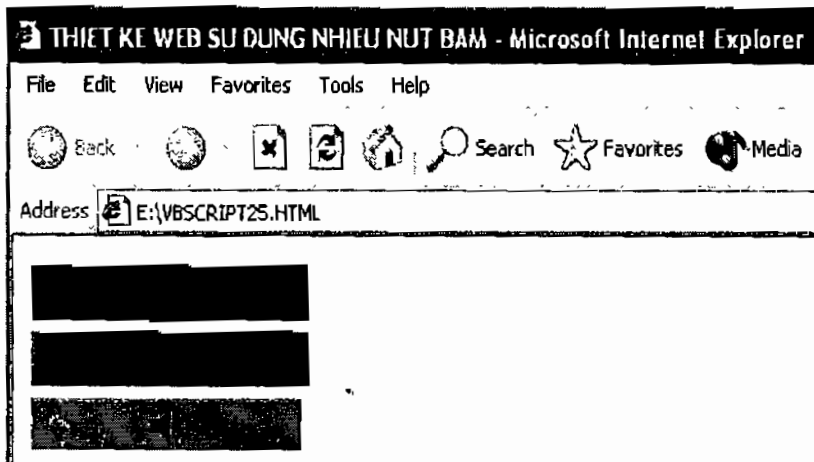
B8H7

◆ Nếu di chuyển con trỏ xuống hình thứ hai bên dưới. Bạn sẽ thấy hình như sau:



B8H8

Vì con trỏ rời khỏi hình bên trên, nên trở lại hình 1 của cặp hình ban đầu. Con trỏ đến hình thứ nhất của cặp hình thứ hai, nên biến thành hình thứ nhất của cặp này. Tương tự như vậy nếu di chuyển con trỏ chuột xuống hình thứ nhất của cặp hình thứ ba. Bạn thấy hình sau:



B8H9

◆ Nếu di chuyển con trỏ đến hình nút thứ nhất và click nút chuột, sẽ kết nối với tập tin VBSCRIPT20.HTML như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BẢNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back - Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT20.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHẬP SỐ a -

BAN NHẬP SỐ b -

CLICK CHỌN CÁC PHÉP

CONG (+) TRỪ (-) NHÂN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B8H10 Tập tin VBSCRIPT20.HTML

◆ Nếu di chuyển con trỏ đến hình nút thứ hai và click nút chuột, sẽ kết nối với tập tin VBSCRIPT21.HTML như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BẢNG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back - Home Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT21.HTML

TỰ ĐIỂN ANH VIỆT

NGHĨA TIẾNG VIỆT

LISTBOX →

XEM HƯỚNG DẪN

B8H11 Tập tin VBSCRIPT21.HTML

◆ Nếu di chuyển con trỏ đến hình nút thứ ba và click nút chuột, sẽ kết nối với tập tin VBSCRIPT23.HTML như hình sau:

THIẾT KẾ WEB BANG VBSCRIPT CÓ FORM - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Search Favorites Media

Address E:\VBSCRIPT23.HTML

TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU

HO VA TEN Nam Nu

LISTBOX →

XEM HUONG DAN

B8H12 Tập tin VBSCRIPT23.HTML

Trong bài tập này, điều bất tiện là khi bạn click một nút để liên kết đến trang Web khác, khi đóng trang Web vừa được liên kết, nó sẽ không trở về trang Web chính trước đó. Chúng tôi giới thiệu đến các bạn cách tạo cửa sổ mới trong trang Web qua bài tập kế tiếp sau đây.

BÀI 9

TẠO MỘT CỬA SỐ MỚI TRONG TRANG WEB

Để tạo một cửa sổ mới cho một trang Web, bạn dùng hàm `Window.Open()`. Hàm này có 3 tham số: **URL**, **Name** và **Feature**

◆ **URL** có thể có cả địa chỉ **WWW** đầy đủ, nếu tên này rỗng thì cửa sổ trống được tạo (thông tin cần thiết sẽ được ghi vào đó)

◆ **Name** xác định duy nhất, chưa có cửa sổ nào có tên này thì mới tạo được cửa sổ mới.

◆ **Feature** là tùy chọn về kích thước và hình dáng cửa sổ: phần này gồm nhiều thông tin chứa trong cùng một chuỗi ký tự và cách nhau bởi dấu phẩy.

Ví dụ:

Để quy định cửa sổ có chiều rộng và chiều cao như sau:

"Width=100, Height=500"

Có các tính chất khác nhau như sau:

◆ **"Toolbar=1"** hay **"Toolbar=0"**: quy định có thanh công cụ hay không

◆ **"Status=1"** hay **"Status=0"**: quy định có thanh trạng thái hay không

◆ **"Menubar=1"** hay **"Menubar=0"**: quy định có menu hay không

◆ **"Scrollbars=1"** hay **"Scrollbars=0"**: quy định có thanh cuộn hay không

◆ **"Resizable=1"** hay **"Resizable=0"**: cho thay đổi kích thước hay không

Ghi chú:

Nếu không quy định tham số thứ 3 này thì tất cả các tính chất của cửa sổ xem như mặc nhiên có.

Bạn viết đoạn mã như sau vào trong tập tin HTML bất kỳ ở vị trí thích hợp như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB SU DUNG NHIEU NUT BAM </TITLE>
<Script Language="VBScript">
<!--
Function Mocuaso()
    bien=Window.Open("VBSCRIPT23.HTML","mocuaso","With=100,
                    Height=500")
End Function
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<Input type="button" name="CUASO" value="MO CUA SO CHUA
        TRANG WEB VBSCRIPT23" Onclick="mocuaso()">
</BODY>
</HTML>
```

Giả sử chúng tôi viết những dòng lệnh như trên vào trong tập tin HTML có tên VBSCRIPT25 tại những vị trí thích hợp.

Ghi chú:

Trong hàm Function câu lệnh `bien= window.Open (.....)` được viết trên một dòng.

Câu lệnh `<Input type="button">` cũng được viết trên một dòng

Bạn mở tập tin VBSCRIPT25.HTML trong Notepad, viết thêm vào các đoạn mã để được như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB SU DUNG NHIEU NUT BAM </TITLE>
```

```

<Script Language="VBScript">
<!--
Function Mocuaso()
    bien=Window.Open("VBSCRIPT23.HTML","mocuaso","With=100,
        Height=500")
End Function
Sub OnImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+'ON.gif'
END Sub
Sub OffImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+'.gif'
END Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<p align="Left">
<A HREF="VBSCRIPT20.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH1')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH1')">

</A><BR>
<A HREF="VBSCRIPT21.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH3')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH3')">

</A><BR>
<A HREF="VBSCRIPT23.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH5')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH5')">

</A>
</P>
<input type="button" name="CUASO" value="MO CUA SO CHUA
    TRANG WEB VBSCRIPT23" Onclick="mocuaso()">

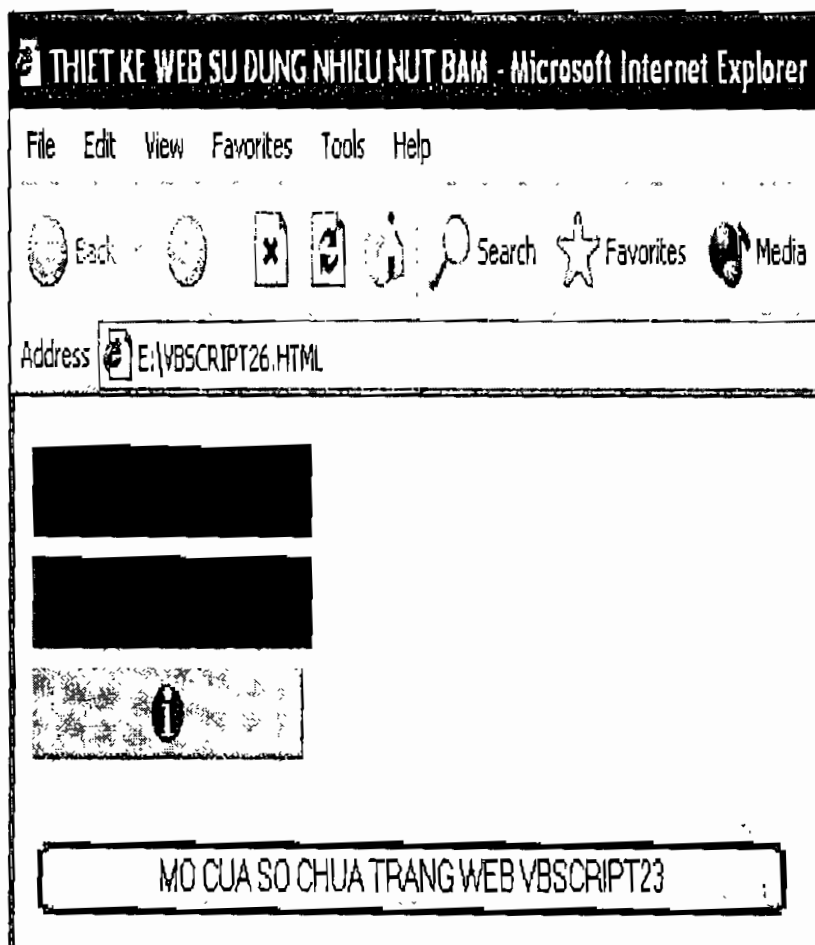
```

</BODY>

</HTML>

Giả sử bạn lưu tập tin với tên **VBSCRIPT26.HTML** tại **E:**

Nhấp đúp vào tên tập tin, bạn thấy hình như sau:



B9H1

Nếu di chuyển đến các nút, hoặc click vào các nút hình ảnh. Bạn thấy tác dụng giống như bài trước.

Click vào button có tiêu đề "MÔ CUA SƠ CHUA TRANG WEB VBSCRIPT23" bạn sẽ thấy trang Web VBSCRIPT23 như hình sau:

TỔ CHỨC BAN GIÁM HIỆU

HO VA TEN Nam Nu

LISTBOX →

XEM HUONG DAN

B9H2

Bạn có thể thực hiện các thao tác trên trang Web này, sau khi thực hiện xong, click dấu X để đóng cửa sổ này. Bạn sẽ thấy trang Web chính trước đó sẽ hiện ra, không phải mở lại như bài trước.

Dựa vào bài này, các bạn có thể tạo một trang Web có nhiều nút để mở nhiều cửa sổ, mỗi cửa sổ chứa một trang Web cần thiết phải tham khảo trên trang Web chính. Bằng cách thiết lập các hàm và các button tương ứng qua các câu lệnh.

Thực hiện theo cách này thì các cửa sổ độc lập với nhau, từ cửa sổ của trang Web vừa mở, bạn không thể thấy được trang Web chính. Cách sau các bạn sẽ nhúng các cửa sổ khác vào trang Web đang mở, cách này các chúng tôi đã giới thiệu trong cuốn "Tự học thiết kế trang Web bằng HTML", đó là sử dụng FRAMESET.

BÀI 10

DÙNG FRAMESET ĐỂ NHÚNG CÁC TRANG WEB KHÁC VÀO TRANG WEB ĐANG MỞ

Chúng tôi sử dụng lại tập tin VBSCRIPT25.HTML, thêm vào một số câu lệnh như sau:

Bạn mở Notepad, viết lại đoạn mã như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB SU DUNG NHIEU NUT BAM </TITLE>
<base target="main">
<Script Language="VBScript">
<!--
Sub OnImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+'ON.gif'
END Sub
Sub OffImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+'.gif'
END Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<p align="center">
<A HREF="VBSCRIPT20.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH1')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH1')" >

</A><BR>
```

```

<A HREF="VBSCRIPT21.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH3')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH3')">

</A><BR>
<A HREF="VBSCRIPT23.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('HINH5')"
OnMouseOut=" call OffImage('HINH5')">

</A>
</P>
</Body>
</HTML>

```

◆ Bạn thêm câu lệnh <base target="main"> trong phạm vi <HEAD> và </HEAD> của tập tin này. Bạn lưu tên tập tin với tên mới là **VBSCRIPT27.HTML** tại E:\

Tạo tập tin mới trong Notepad với nội dung như sau:

```

<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TRANG WEB CO NHUNG CAC TAP TIN KHAC </TITLE>
</HEAD>
<FRAMESET cols="30%, **">
<FRAME name="khungtrai" target="main" src="VBSCRIPT27.HTML">
<FRAME name="main" src="VBSCRIPT20.HTML" scrolling="auto"
align=center>
</FRAMESET>
</HTML>

```

Giả sử bạn lưu tập tin này với tên **FRAMESETVBSCRIPT.HTML** tại E\

Giải thích:

- ◆ Trang Web có tiêu đề "TRANG WEB CO NHUNG CAC TAP TIN KHAC"
- ◆ Lệnh chia trang Web thành hai khung theo tỉ lệ trái 3, phải 7.
- ◆ Khung trái chứa nội dung của tập tin VBSCRIPT27.HTML
- ◆ Khung phải sẽ hiện mặc nhiên tập tin VBSCRIPT20.HTML

◆ Khi click vào nút thứ hai ở khung bên trái, bạn sẽ thấy trang Web có tên VBSCRIPT21.HTML hiện ra.

◆ Khi click vào nút thứ ba ở khung bên trái, bạn sẽ thấy trang Web có tên VBSCRIPT23.HTML hiện ra.

◆ Nhấp đúp vào tên tập tin FRAMESETVBSCRIPT.HTML, bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

TRANG WEB CÓ NHUNG CAC TAP TIN KHAC - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Address E:\FRAMESETVBSCRIPT.HTML

CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHAP SO a =

BAN NHAP SO b =

CLICK CHON CAC PHEP

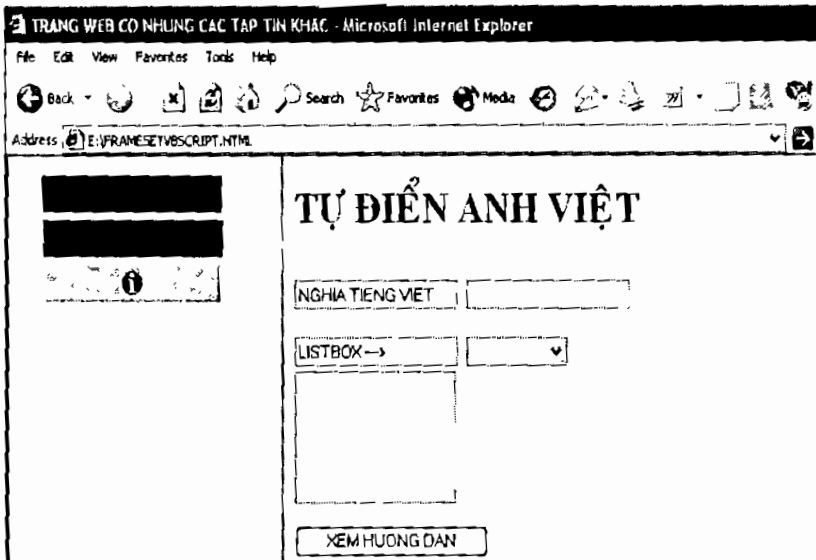
CONG (+) TRU (-) NHAN (*) CHIA (/)

SỐ DƯ (mod) LUY THUA (luythua)

B10H1

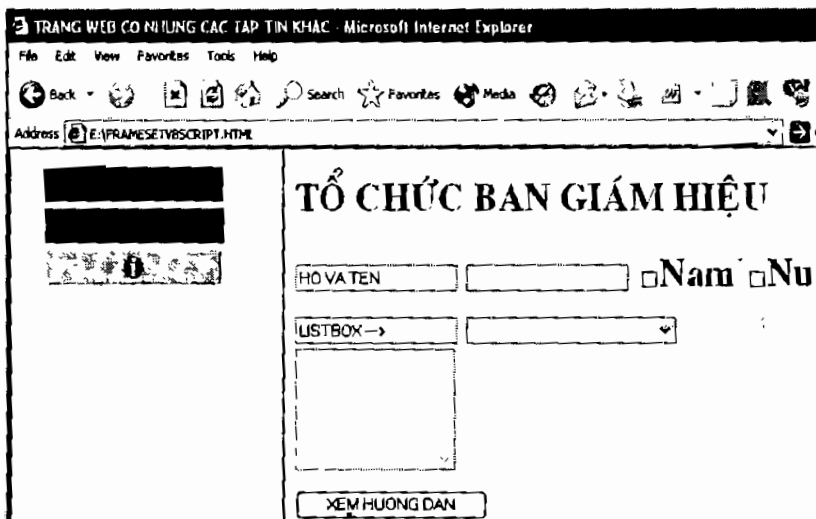
◆ Phía trái là trang Web VBSCRIPT27.HTML, phía phải là trang Web VBSCRIPT20.HTML (bạn có thể thao tác trên các trang Web)

◆ Nếu click nút thứ hai, bạn có hình như sau:



B10H2

- ◆ Phía phải là trang Web VBSCRIPT21.HTML.
- ◆ Nếu click vào nút thứ ba ta được hình như sau:



B10H3

- ◆ Phía phải là trang Web VBSCRIPT23.HTML.

MỘT SỐ HÀM HỖ TRỢ CHO VBSCRIPT

VBScript cũng hỗ trợ các hàm sau đây khi viết mã script cho trang Web.

☞ Các hàm về chuỗi:

- ◆ Hàm Len() tính độ dài của chuỗi
- ◆ Hàm LTrim(string) cắt bỏ các khoảng trống đầu chuỗi
- ◆ Hàm Rtrim(string) cắt bỏ các khoảng trống cuối chuỗi
- ◆ Hàm Trim(string) cắt bỏ các khoảng trống cả đầu lẫn cuối chuỗi.
- ◆ Hàm Left(string, n) trả về n ký tự phía bên trái
- ◆ Hàm Right(string, n) trả về n ký tự phía bên phải
- ◆ Hàm Mid(string, start, n) trả về n ký tự kể từ start
- ◆ Hàm Lcase(string) trả về chuỗi ký tự được đổi hết thành ký tự thường
- ◆ Hàm Ucase(string) trả về chuỗi ký tự được đổi hết thành ký tự hoa
- ◆ Hàm Instr(start, s1, s2, cmp) trả về vị trí xuất hiện đầu tiên của s1 trong chuỗi s2 (kể từ start), hoặc trả về 0 nếu s1 không là chuỗi con. Nếu cmp là 0 thì phân biệt chữ thường chữ hoa, nếu là 1 thì không phân biệt thường hoa.
- ◆ Hàm InstrRev(s1, s2, start, cmp) làm tương tự như hàm trên nhưng tìm ngược từ cuối chuỗi.
- ◆ Hàm Replace(s1, s2, s3, start, count, cmp) thay thế chuỗi con s2 của s1 bởi chuỗi s3, nếu không quy định count thì thay thế tất cả những chỗ mà s2 xuất hiện trong s1, nếu quy định thì thay thế đúng count lần xuất hiện của s2. Hàm trả về chuỗi kết quả đã được thay thế.

◆ Hàm **StrComp(s1, s2, cmp)** so sánh chuỗi, biến **cmp** tương tự như trên, trả về -1, 0, 1 tương ứng với $s1 < s2$, $s1 = s2$, $s1 > s2$, trả về Null nếu $s1$ hay $s2$ là Null.

☞ Các hàm về Toán học:

◆ Các hàm lượng giác **Cos(x)**, **Sin(x)**, **Tan(x)** trả về cos, sin, tang của góc x . Hàm lượng giác ngược **Atn(t)** trả về **arctg(t)** (tức là góc có tang là t).

◆ Các hàm **Exp(x)**, **Log(x)**, **Sqr(x)** lần lượt trả về e^x , $\log_e(x)$, căn bậc hai của x (e gần bằng 2,71828 là cơ số logarit tự nhiên)

◆ Các hàm **Abs(x)**, **Sgn(x)** trả về trị tuyệt đối, dấu của số x

◆ Các hàm **Hex(n)**, **Oct(n)** trả về chuỗi của n trong hệ đếm 16 hay 8

◆ Hàm **Round(x, n)** làm tròn x đến n số lẻ sau dấu chấm thập phân

◆ Hàm **Int(x)** trả về phần nguyên của x ví dụ **Int(7.8) = 7** và **Int(-5.3) = -6**

◆ Hàm **Fix(x)** trả về phần nguyên của x ví dụ **Fix(7.8) = 7** và **Fix(-5.3) = -5**

◆ Hàm **Rnd()** trả về số ngẫu nhiên trong phạm vi từ 0 đến 1, thường dùng lệnh **Randomize** để phát sinh bộ ngẫu nhiên.

☞ Các hàm về Thời gian:

◆ Hàm **Now** trả về ngày, giờ hiện tại theo đồng hồ của máy vi tính

◆ Hàm **Date** trả về ngày hiện tại theo lịch của hệ thống máy tính

◆ Hàm **Year(dVar)** trả về năm (số nguyên) lưu trong biến **dVar**

◆ Hàm **Month(dVar)** trả về tháng (từ 1 đến 12) lưu trong biến **dVar**

◆ Hàm **Day(dVar)** trả về ngày (từ 1 đến 31) lưu trong biến **dVar**

◆ Hàm **Weekday(dVar)** trả về ngày trong tuần (từ 1 đến 7) 1 là ngày chủ nhật lưu trong biến **dVar**

- ◆ Hàm **WeekdayName(dd)** với dd từ 1 đến 7 trả về chuỗi tên ngày trong tuần tiếng Anh.
- ◆ Hàm **MonthName(mm)** mm từ 1 đến 12 trả về tên tháng
- ◆ Hàm **Time** trả về giờ hiện tại theo giờ của máy tính
- ◆ Hàm **Hour(tVar)** trả về giờ từ 0 đến 23 lưu trong biến tVar
- ◆ Hàm **Minute(tVar)** trả về phút từ 0 đến 59 lưu trong biến tVar
- ◆ Hàm **Second(tVar)** trả về giây từ 0 đến 59 lưu trong biến tVar
- ◆ Hàm **DateSeria(yy, mm, dd)** tạo biến ngày xác định bởi năm, tháng, ngày
- ◆ Hàm **TimeSeria(hh, mm, ss)** tạo biến kiểu giờ xác định bởi giờ phút giây

☞ Các hàm khác:

- ◆ Hàm **IsDate(BT)** kiểm tra xem biểu thức BT có phải là ngày
- ◆ Hàm **IsNumeric(BT)** kiểm tra xem biểu thức BT có phải là số
- ◆ Hàm **IsObject(BT)** kiểm tra xem biểu thức BT có phải là đối tượng hay không
- ◆ Hàm **IsArray(v)** kiểm tra xem v có phải là mảng hay không
- ◆ Hàm **IsEmpty(v)** kiểm tra xem v đã được khởi tạo chưa
- ◆ Hàm **IsNull(v)** Kiểm tra v chứa dữ liệu hợp lệ hay không
- ◆ Hàm **TypeName(v)** trả về chuỗi chứa tên kiểu dữ liệu của biến v
- ◆ Hàm **VarType(v)** trả về mã số kiểu dữ liệu của biến v
- ◆ Hàm **Execute(st)** thực hiện một hay nhiều lệnh chứa trong chuỗi ký tự st, nội dung của st có thể là toàn bộ một hàm hay tập tục VBScript

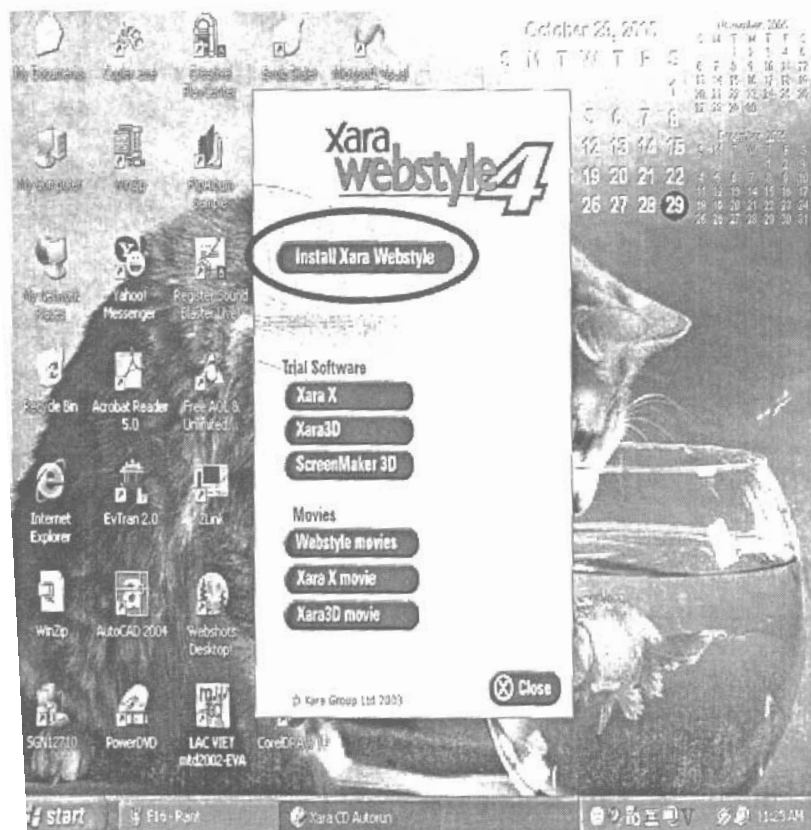
Các bạn tìm đọc hai tựa sách cùng phát hành với tập sách này đó là:

- ① **Tự học thiết kế trang Web bằng VBScript**
- ② **Tự học thiết kế trang Web bằng JavaScript**

Giới thiệu Xara Webstyle 4

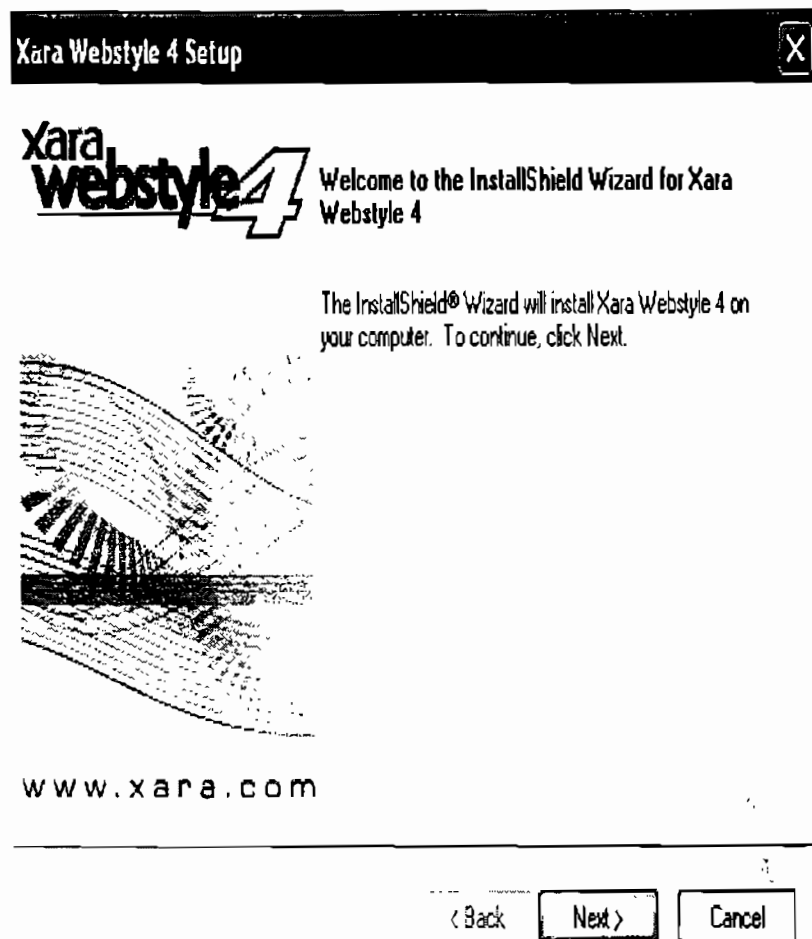
Xara Webstyle là phần mềm thiết kế các nút (có rất nhiều kiểu đã được thiết kế sẵn). Các nút này dùng để trang trí hoặc để liên kết đến các trang Web khác. Phần mềm này được dùng rất nhiều và khá phổ biến trên thế giới. Các bạn có thể mua đĩa chứa phần mềm này (1 đĩa) tại các cửa hàng bán băng đĩa. Việc cài đặt cũng dễ dàng. Bạn sẽ thực hiện các bước để cài đặt như sau:

Cho đĩa CD vào ổ đĩa. Bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như hình sau:



◆ Nếu chương trình cài đặt không chạy tự động khi bỏ đĩa vào. Bạn vào menu **Start**, chọn **Run**, trong hộp thoại Run hiện ra, chọn **Browse** để tìm tập tin cài đặt để có hình trên hiện ra.

◆ Click nút trên cùng có tên **Install Xara Webstyle**, màn hình giới thiệu hiện ra như hình sau:



H2

◆ Click nút **Next** để sang hộp thoại kế tiếp (hộp thoại thỏa thuận giấy phép bản quyền) như hình sau:

**License Agreement**

Please read the following license agreement carefully.

Press the PAGE DOWN key to see the rest of the agreement.

© 2003 XARA GROUP LTD.

IMPORTANT NOTICE: The Webstyle software and template graphics ("Software") is the copyright of Xara Group Limited ("Xara") whose principal place of business is at Gaddesden Place, Hemel Hempstead, Herts, HP2 6EX, United Kingdom and may not be stored on any computer or copied without the licence of Xara. You are offered a licence on the terms of the End User Licence Agreement ("EULA") set out below.

If you accept the terms of the Licence Agreement, select "Yes"

Do you accept all the terms of the preceding License Agreement? If you select No, the setup will close. To install Xara Webstyle 4, you must accept this agreement

InstallShield

< Back

Yes

No

H3

◆ Click nút **Yes**, hộp thoại kế tiếp sẽ hiện ra như hình sau:

Xara Webstyle 4 Setup**Choose Destination Location**

Select folder where setup will install files.

Setup will install Xara Webstyle 4 in the following folder.

To install to this folder, click Next. To install to a different folder, click Browse and select another folder.

Destination Folder

C:\Program Files\Xara\Webstyle 4

Browse...

InstallShield

< Back

Next >

Cancel

H4

Hộp thoại này hiện ra địa chỉ mặc nhiên để chứa chương trình cài đặt. Trên hình bạn thấy địa chỉ **C:\Program files\Xara\Webstyle 4**. Nếu không thích, hoặc ổ đĩa C:\ đã quá đầy, bạn có thể chọn địa chỉ khác để lưu các tập tin của chương trình được cài đặt bằng cách click vào nút **Browse** để chọn đường dẫn.

Ở đây chúng tôi click nút **Next** để đồng ý địa chỉ trên. Bạn sẽ thấy hộp thoại kế tiếp hiện ra như sau:



H5

◆ Chọn thư mục mặc nhiên như trên, click nút **Next**, hộp thoại sau hiện ra:

Xara Webstyle 4 Setup



Additional features of Webstyle.

Please select the additional components you would like to install and click next.

- Xara FrontPage Add-in
- Xara Dreamweaver Extension

InstallShield Wizard

< Back

Next >

Cancel

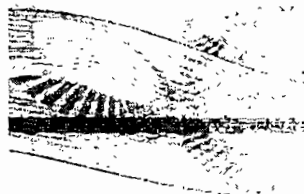
H6

Chúng tôi chọn cả hai mục để hỗ trợ cho **FrontPage** và **Dreamweaver** như trên để sau này dùng trên hai ngôn ngữ này. Click nút **Next** để tiếp tục, bạn sẽ thấy hộp thoại cài đặt hiện ra báo cho chúng ta biết đang thực hiện cài đặt phần mềm **Xara Webstyle** vào máy. Chờ một thời gian, khi cài đặt xong, bạn thấy hộp thoại sau hiện ra:

Xara Webstyle 4 Setup

InstallShield Wizard Complete

The InstallShield Wizard has successfully installed Xara Webstyle 4. Click Finish to exit the wizard.



www.xara.com

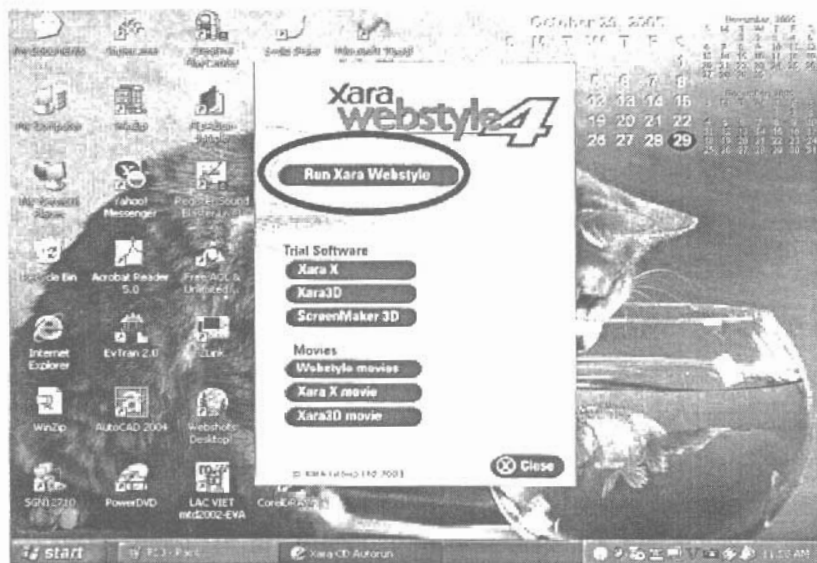
< Back

Finish

Cancel

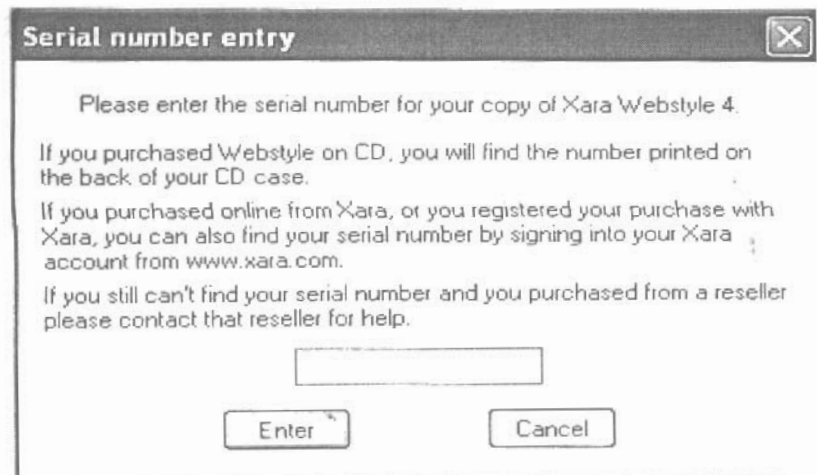
H7

◆ Bạn thấy thông báo cài đặt đã hoàn tất. Click nút **Finish** để kết thúc. Bạn sẽ thấy hộp thoại sau hiện ra.



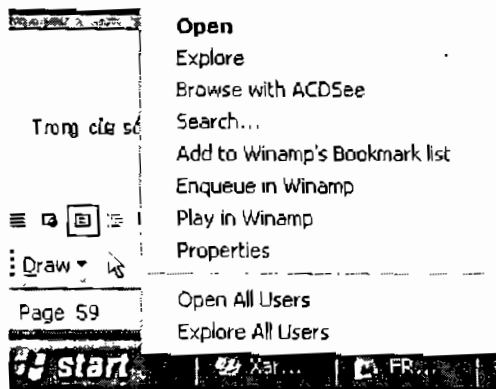
H8

◆ Vị trí của nút **Install Xara Webstyle** lúc đầu bây giờ sẽ là **Run Xara Webstyle**. Click nút này, bạn sẽ thấy màn hình như sau:



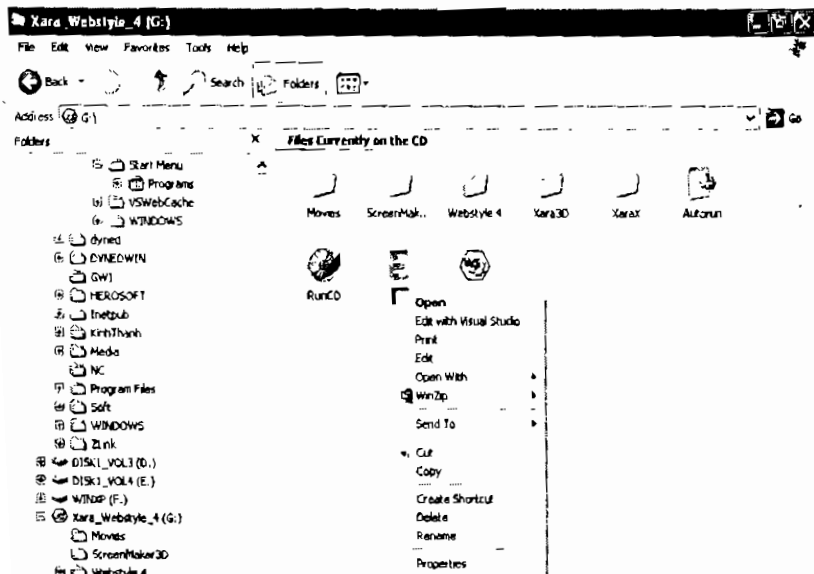
H9

Hộp thoại yêu cầu bạn nhập vào **serial number**. Nếu chưa biết, bạn click *nút phải chuột* tại menu **Start**, chọn **Explorer** trong menu hiện ra.

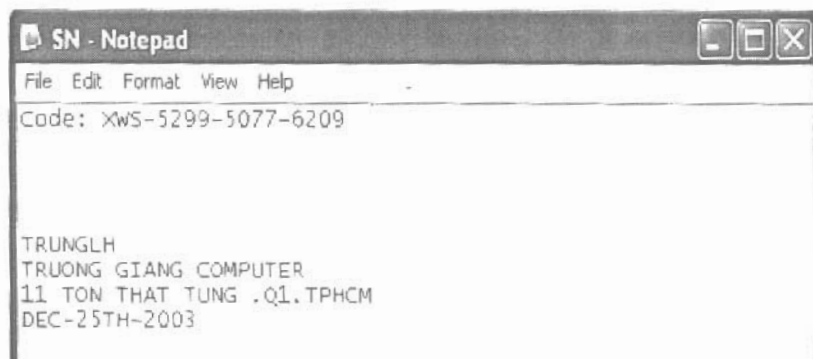


H10

◆ Trong cửa sổ này, click chọn ổ đĩa CD trong khung bên trái, các thư mục và các tập tin trong đĩa CD sẽ hiện ra ở khung bên phải. Bạn tìm tập tin có tên Serial (trong đĩa CD này tập tin có tên SN). Click nút phải chuột tại tên tập tin này như hình sau:

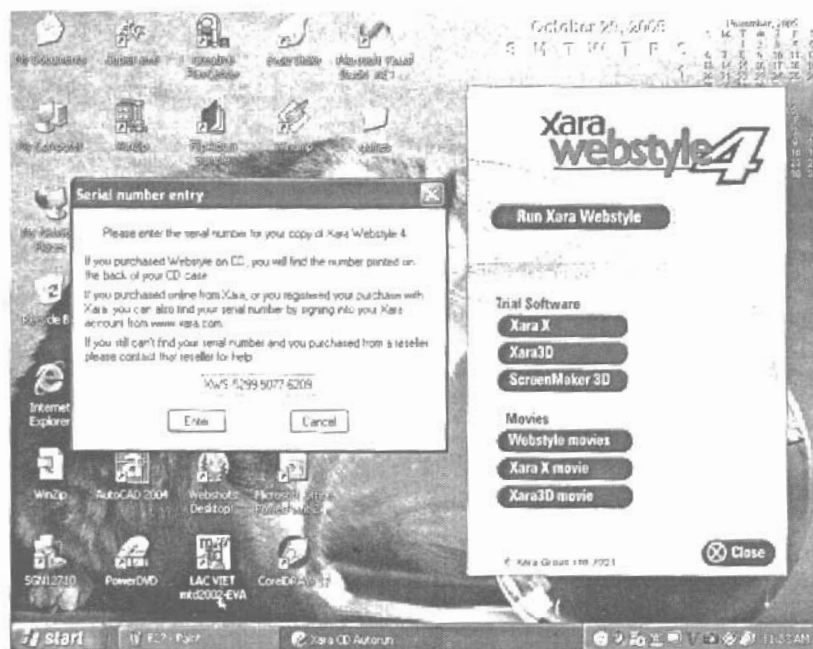


◆ Click nút **Open** trong menu hiện ra, bạn thấy tập tin văn bản có ghi **Serial number** như hình sau:



H12

Bạn ghi ra giấy XWS-5299-5077-6209. Mở lại chương trình **Xara Webstyle** nhập chuỗi trên vào khung trắng (H9), click nút **Enter** trên hộp thoại này.



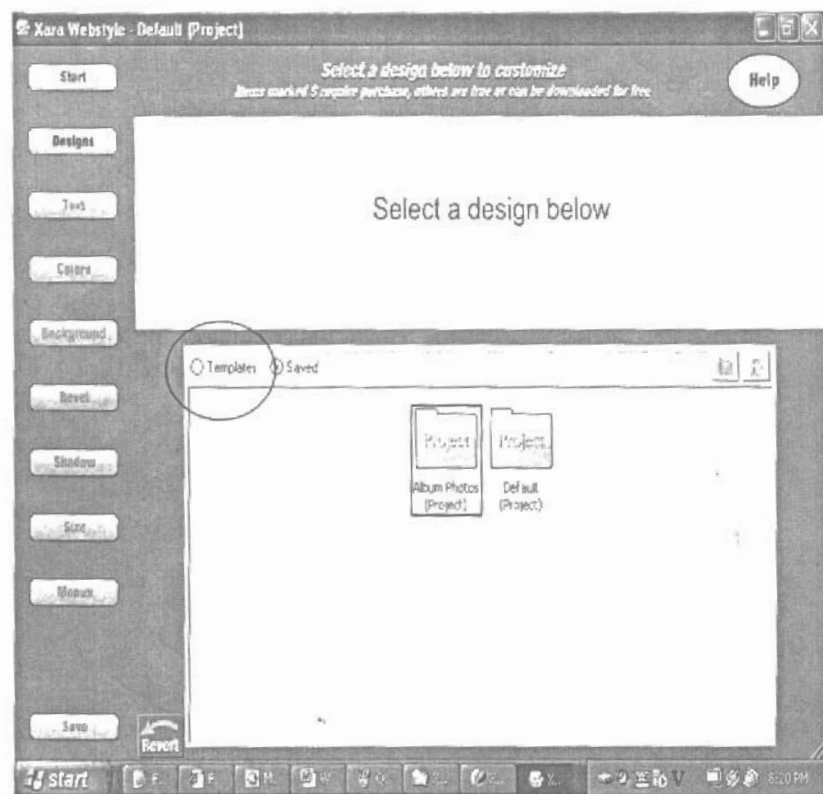
H13

◆ Hình trên là cửa sổ chính của phần mềm **Xara Webstyle**. Chúng tôi sẽ hướng dẫn sơ qua một chút về phần mềm này, các thao tác trên từng nút chọn cũng có nhiều điểm giống nhau, các bạn có thể tự tìm hiểu được.

◆ Bạn thấy các chức năng thiết kế là các hình **lục giác đều** có tiêu đề, nằm trên một vòng tròn, nếu bạn di chuyển con trỏ chuột qua các lục giác đều này, các bạn sẽ thấy màu sắc bên trong của nó.

Nhìn vào cửa sổ chính của phần mềm này, phía trên bên trái là nút **Start**. Khi đang ở màn hình khác muốn trở lại cửa sổ chính của phần mềm (có hình dạng như hình H16). Bạn click nút **Start**.

Nút thứ hai bên dưới là nút **Projects**. Nếu click vào nút này, các bạn sẽ thấy hình như sau:



H17

◆ Click chọn mục **Templates**, bạn sẽ thấy hình mẫu các kiểu nút hiện ra trong khung như hình sau:



H18

◆ Giả sử click nút đầu tiên của hàng 1. Bạn thấy dạng nút như hình sau:



H19

◆ Thử click một nút trong các nút hiện ra để thiết kế. Giả sử chúng ta click nút lớn nhất. Bạn thấy nút này sẽ hiện ra ở khung bên trên như hình sau:



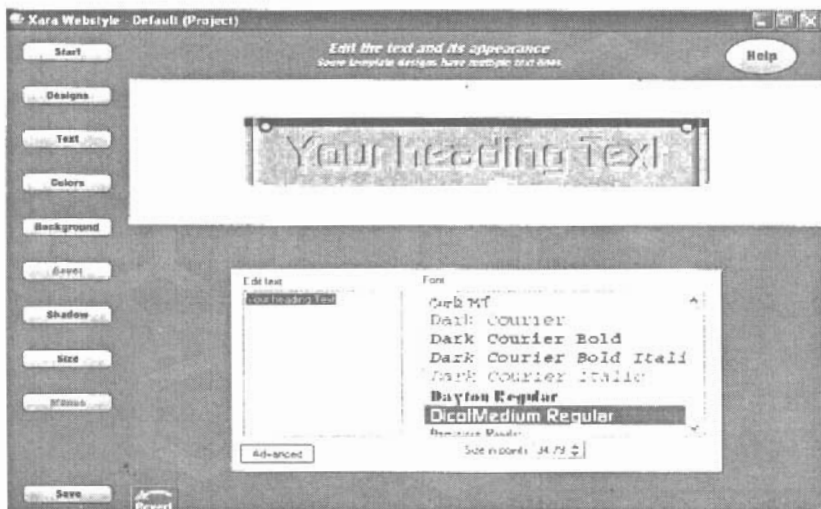
H20

Khi có một nút hiện ra phía trên thì các nút bên trái sẽ đậm lên (các nút **Text**, **Colors**, **Background**, **Shadow**, **Size**, ... , **Save**).

- ◆ Click nút **Text** để đánh tiêu đề cho nút
- ◆ Click nút **Colors** để xác lập màu
- ◆ Click nút **Background** để chọn màu nền cho nút
- ◆ Click nút **Shadow** để chọn bóng đổ
- ◆ Click nút **Save** để lưu nút này thành một tập tin hình ảnh.

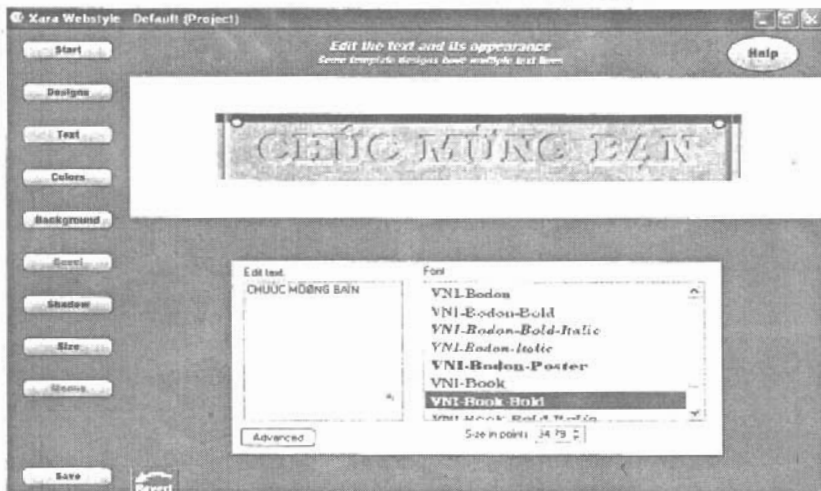
Ví dụ:

Click nút **Text**, hộp thoại chọn Font và cho bạn nhập nội dung thể hiện trên nút như hình sau:



H21

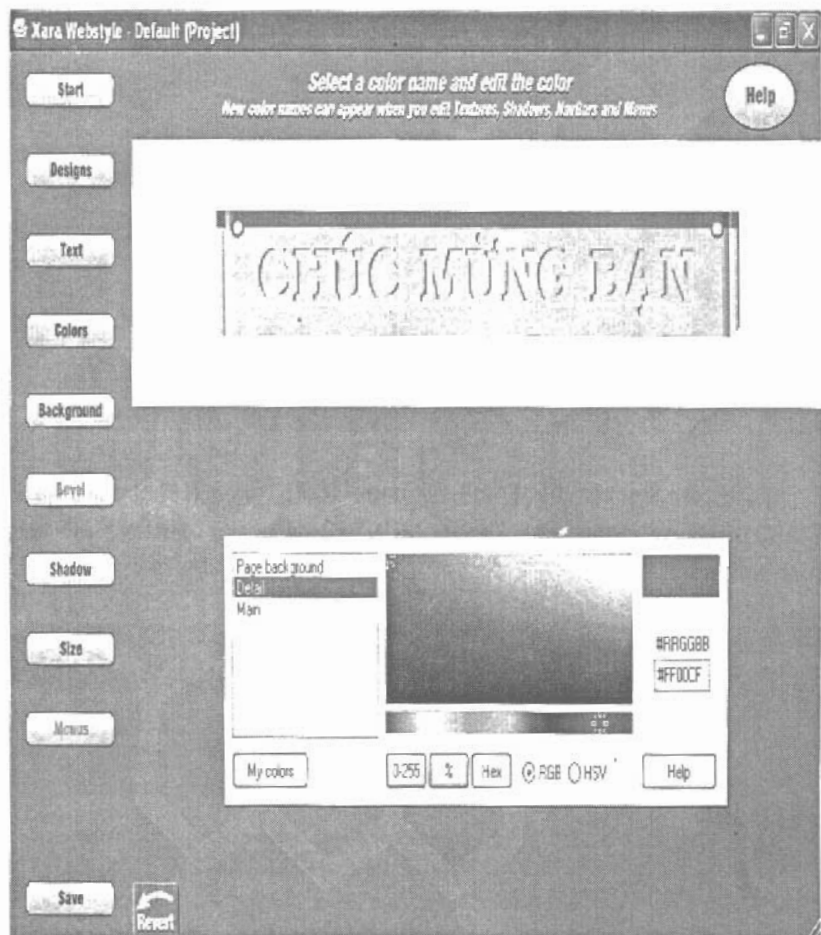
◆ Di chuyển con trỏ dọc để chọn font, giả sử chọn font **VNI-BOOK-BOLD** và nhập cấu "CHÚC MỪNG BẠN" trong khung Edit text như hình sau:



H22

Mặc dầu trong khung **Edit text** không thể hiện chữ có dấu, bạn cứ nhập đúng thì trên nút sẽ hiện đúng như ý bạn muốn.

Click nút **Colors** bạn thấy hộp thoại định màu hiện ra như hình sau:



H23

◆ Thử click chuột chọn vị trí các màu trên hộp thoại, các bạn thấy trên nút cũng thay đổi màu.

◆ Nếu click nút **Background**, bạn thấy hộp thoại hiện ra như sau:



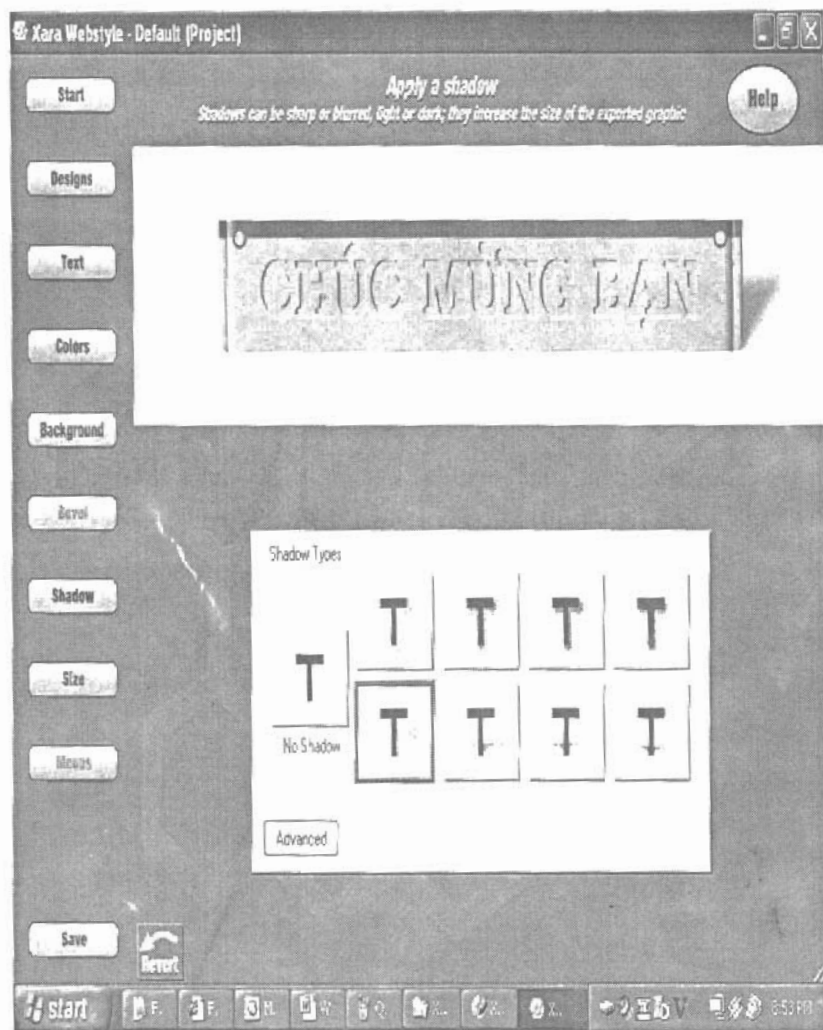
H24

◆ Thử click chọn một mẫu nền trong khung, bạn thấy nền của khung bên trên sẽ thể hiện mẫu đã chọn. Bạn xem hình sau:



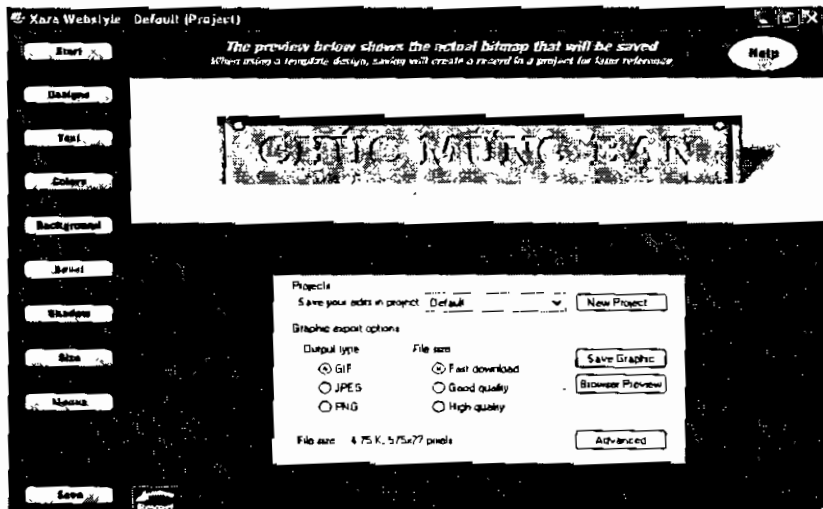
H25

Bạn click nút có tên Plain để trở lại như hình H24. Sau đó click nút Shadow. Chọn một kiểu bóng đổ trong hộp thoại hiện ra, bạn thấy nút có bóng đổ như mình chọn. Bạn tham khảo hình sau:



H26

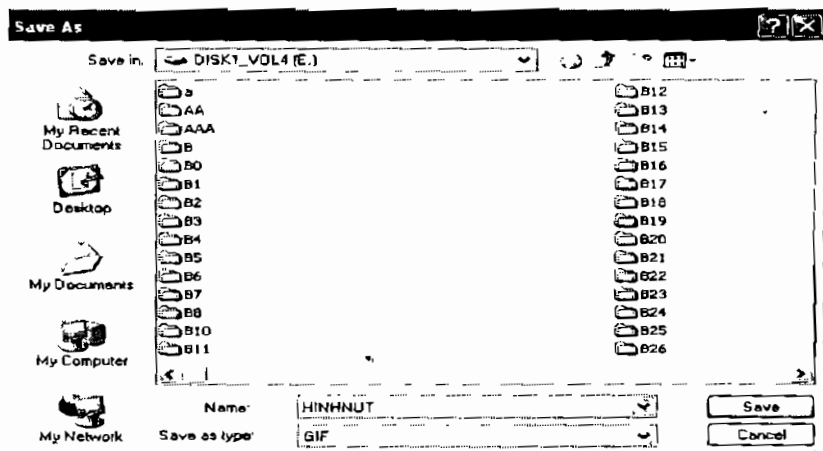
◆ Nếu muốn lưu. Bạn click nút **Save**, chọn phần mở rộng của tập tin trong hộp thoại hiện ra như hình sau:



H27

◆ Nút chọn phần mở rộng mặc nhiên là **.GIF**. Bạn có thể chọn phần mở rộng khác bằng cách click chọn vào nút có phần mở rộng đó.

◆ Click nút có tên **Save Graphic** ở phía bên phải trong hộp thoại để lưu nút với tên một tập tin hình ảnh có phần mở rộng là **.GIF**. Bạn thấy hộp thoại sau hiện ra cho bạn chọn nơi cần lưu và tên của tập tin



H28

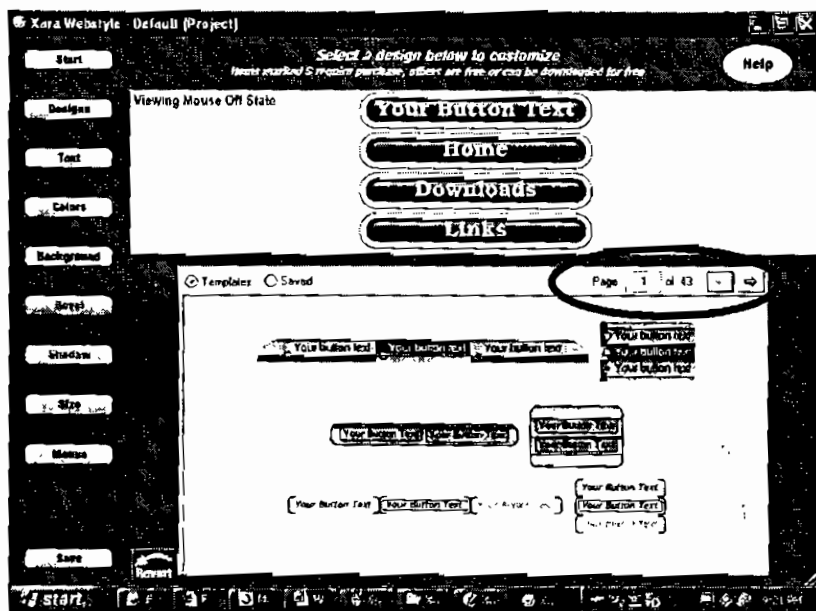
◆ Giả sử đặt tên là **HINHNUT** và lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa **E:**. Click nút **Save**, tập tin **HINHNUT.GIF** sẽ được lưu trong thư mục gốc của ổ đĩa **E:**

Trong phần mềm này có rất nhiều kiểu nút, cách thực hiện tương tự như hướng dẫn ở trên. Các bạn có thể thực hiện một cách dễ dàng.

Bây giờ chúng ta thử tạo 6 nút có tên **NUTa.gif**, **NUTaOn.gif**, **NUTb.gif**, **NUTbOn.gif**, **NUTc.gif** và **NUTcOn.gif** để tạo một trang Web giống như bài tập dùng **Frameset** đã thực hiện ở bài tập trước.

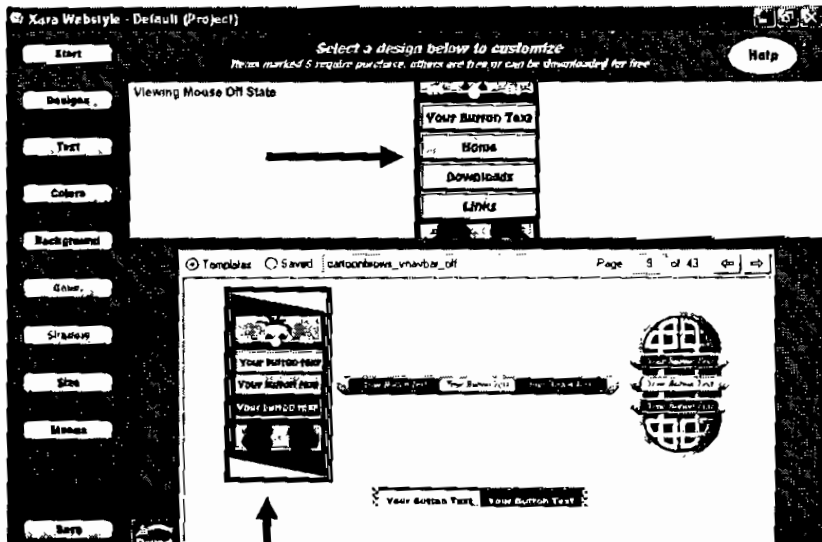
◆ Chúng tôi hướng dẫn bạn tạo 6 nút trên theo cách khác như sau:

◆ Click chọn hình lục giác có tên **NavBars & Menus** trong vòng tròn. Bạn sẽ có hộp thoại hiện ra như hình sau:



H29

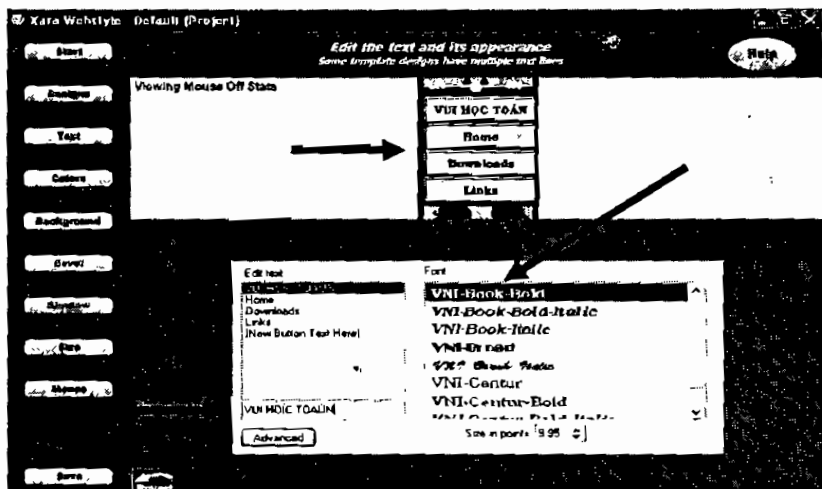
◆ Bạn thấy có 43 tập hợp dạng các nút, để xem bạn click vào hình mũi tên \Rightarrow hoặc \Leftarrow để xem. Giả sử chúng ta chọn nút hình số 9 như hình sau:



H30

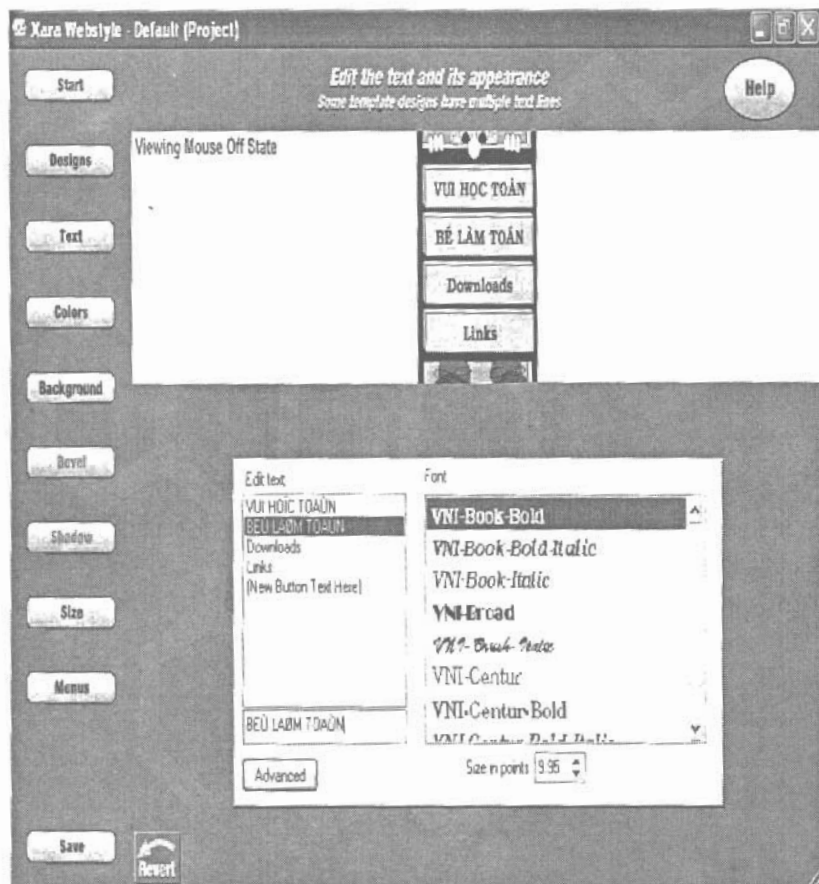
◆ Do chọn nút hình bên trái nên nó hiện ở khung bên trên.

Bạn click nút Text, chọn tên nút đầu tiên trong khung Edit text, chọn font VNI-BOOK-BOLD và size là 16 để nhập tên cho nút đầu tiên ở khung bên dưới (có mũi tên chỉ). Giả sử bạn nhập "VUI HỌC TOÁN" như hình sau:



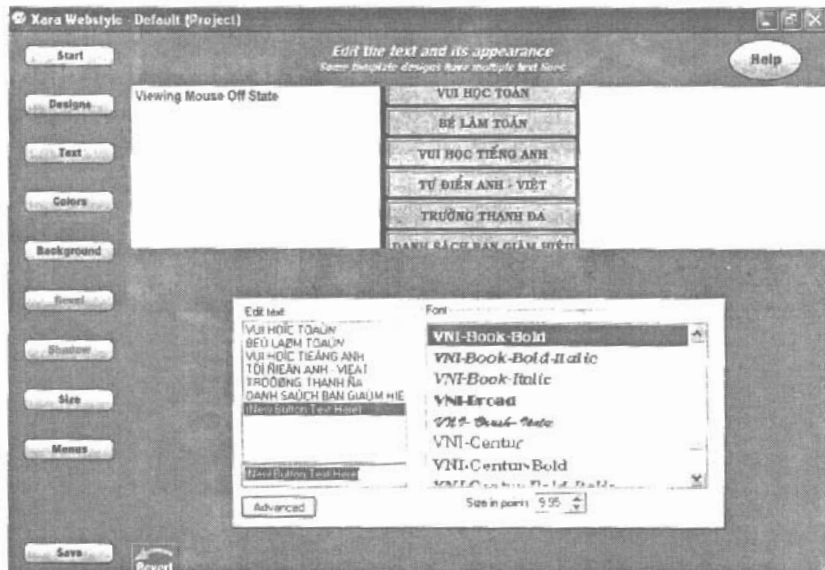
H31

◆ Click nút có tên thứ hai trong khung **Edit text**, chọn font như cũ, nhập "BỀ LÂM TOÀN". Bạn thấy hình như sau:



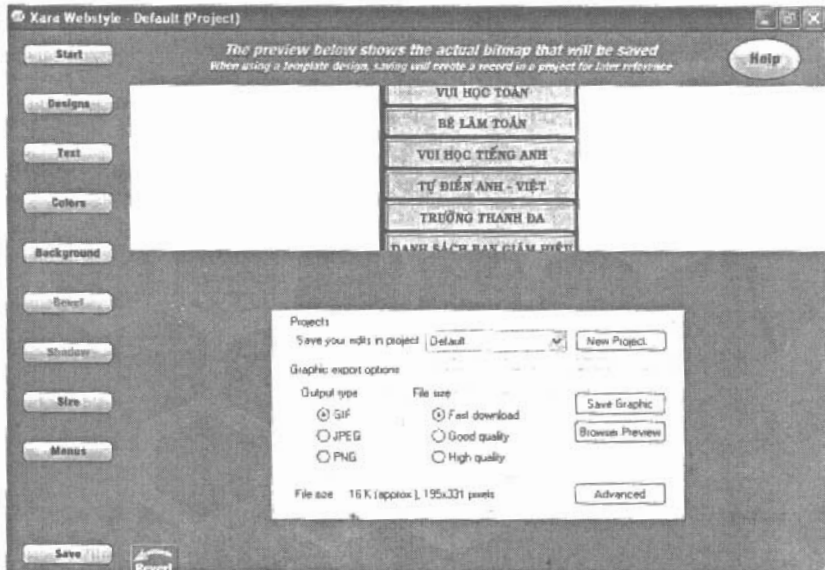
H32

◆ Tương tự như trên, click chọn mục kế tiếp, nhập "VUI HỌC TIẾNG ANH", sau đó nhập tiếp cho mục "TỰ ĐIỂN ANH - VIỆT", khi nhập xong mục thứ tư, do hết nút, bạn sẽ thấy có mục "New Button Text Here" hiện ra trong khung **Edit text**. Bạn chọn mục này và nhập tên cho mục thứ năm là "TRƯỜNG THANH ĐÀ", tương tự nhập tiếp cho mục sáu là "DANH SÁCH BAN GIÁM HIỆU". Bạn sẽ có kết quả như hình sau:



B33

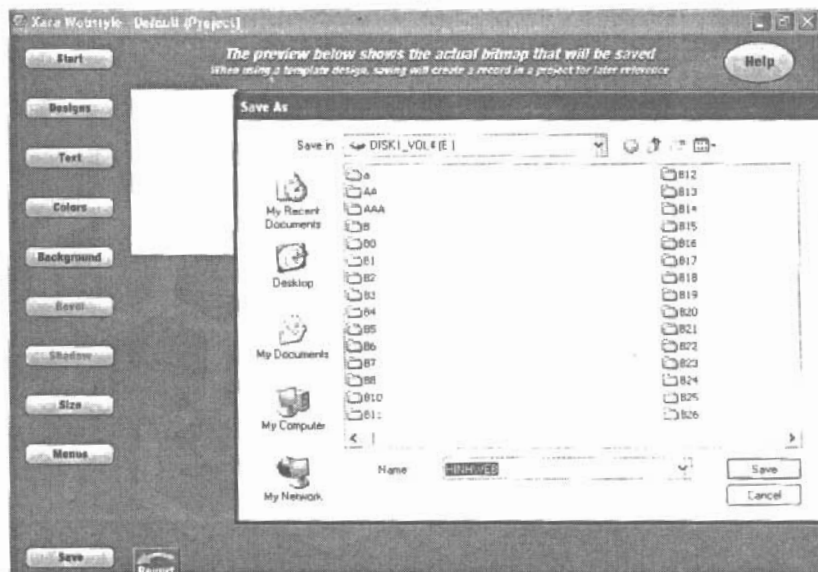
◆ Bỏ qua các mục xác lập màu, màu nền, bóng đổ... Click nút **Save** để lưu tên các nút vừa tạo.



H34

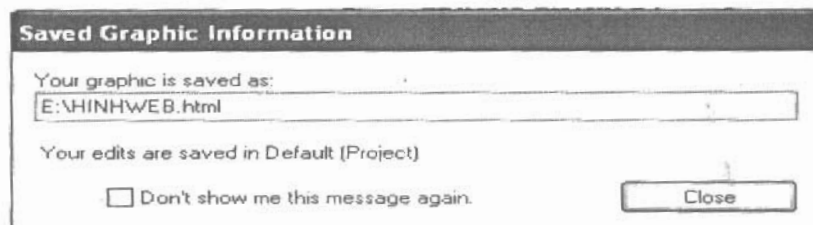
◆ Chọn phần mở rộng là **.GIF**

◆ Click nút **Save Graphic**. Hộp thoại hiện ra cho chúng ta lưu tập tin, giả sử chúng ta chọn tên là **HINHWEB** và lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa **E:** như hình sau:



H35

◆ Click nút **Save**, bạn thấy hộp thông báo hiện ra như hình sau:



H36

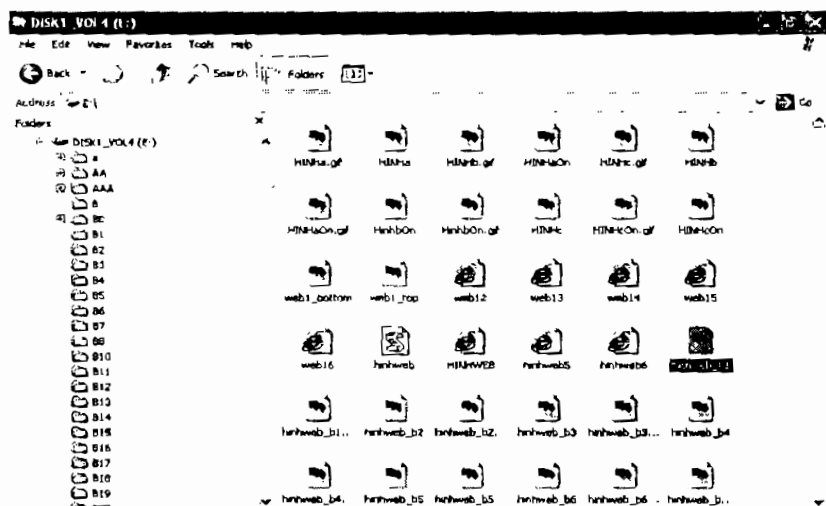
◆ Click nút **Close** để đóng hộp thoại thông báo.

Ghi chú:

◆ Chúng tôi lưu tại ổ đĩa **E:** nơi chứa các trang Web cần thể hiện, các bạn đã biết ở các bài tập ở trên

◆ Tên của từng nút sẽ do phần mềm Xara Webstyle tự đặt, các bạn phải đặt tên lại cho đúng với tên chúng tôi đã cho ở trên để thực hiện chương trình.

Bạn click nút phải chuột ở menu Start, chọn Explorer. Click chọn tên ổ đĩa E:\ ở khung bên trái, bạn sẽ thấy các tập tin .GIF của các nút như sau:



H37

◆ Các bạn thấy có tất cả 14 hình, mỗi nút có 2 hình (HinhWeb_b1 và HinhWeb_b1 Over, HinhWeb_b2 và HinhWeb_b2 Over, HinhWeb_b3 và HinhWeb_b3 Over, HinhWeb_b4 và HinhWeb_b4Over, HinhWeb_b5 và HinhWeb_b5 Over, HinhWeb_b6 và HinhWeb_b6 Over, một nút phía trên (HinhWeb_top) và một nút phía dưới (HinhWeb_bottom).

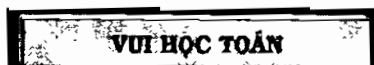
◆ Click nút phải chuột trên tập tin có tên HinhWeb_b1, chọn Open with, chọn Paint, lưu với tên mới (click menu File, chọn Save As) là NUTa.gif, tương tự như vậy lưu tập tin HinhWeb_b2 thành NUTaOn.gif, HinhWeb_b3 thành NUTb.gif, HinhWeb_b4 thành NUTbOn.gif, HinhWeb_b5 thành NUTc.gif, HinhWeb_b6 thành NUTcOn.gif, HinhWeb_top thành NUT_tren.gif, HinhWeb_bottom thành NUT_duoi.gif,

Ghi chú: Không được thay đổi tên bằng cách chọn Rename

◆ Sau đây là 8 hình gồm 1 hình nằm phía trên, 3 cặp hình để thay đổi khi di chuyển con trỏ chuột vào và một hình phía bên dưới. Bạn xem các hình đã thiết kế như sau:



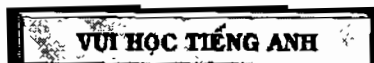
Hình NUT_Tren



Hình NUTa.gif (hình 1 cặp 1)



Hình NUTaOn.gif (hình 2 cặp 1)



Hình NUTb.gif (hình 1 cặp 2)



Hình NUTbOn.gif (hình 2 cặp 2)



Hình NUTc.gif (hình 1 cặp 3)



Hình NUTcOn.gif (hình 2 cặp 3)



Hình NUT_Duoi

BÀI 11

DÙNG FRAMESET ĐỂ NHÚNG CÁC TRANG WEB KHÁC VÀO TRANG WEB ĐANG MỞ SỬ DỤNG CÁC NÚT ĐƯỢC TẠO BỞI XARA WEBSTYLE

Vậy là các bạn đã có các hình như trên, các bạn sẽ cho các hình 1 của các cặp hiện ra khi trang Web xuất hiện. Khi di chuyển con trỏ chuột đến hình thứ nhất của cặp nào, thì hình thứ hai của cặp đó sẽ hiện ra.

Ba cặp sẽ được bao bởi hình trên và hình bên dưới

Ghi chú:

Mặc dầu các bạn chỉ tạo có 6 nút, nhưng vì bạn chọn nút có hình người đứng nên phần mềm Xara Webstyle sẽ tự động tạo ra một hình bên trên và một hình bên dưới như vậy.

Bạn mở lại tập tin HTML có tên VBSCRIPT27.HTML sửa lại code như sau:

```
<HTML>
<HEAD>
<TITLE> THIET KE WEB SU DUNG NHIEU NUT BAM </TITLE>
<base target="main">
<Script Language="VBScript">
<!--
Sub OnImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+"ON.gif"
END Sub
Sub OFFImage(H1)
    Document.Images(H1).src=H1+".gif"
```

```

END Sub
-->
</Script>
</HEAD>
<BODY>
<p align="center">

<A HREF="VBSCRIPT20.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('NUTa')"
OnMouseOut=" call OffImage('NUTa')" >

</A>
<A HREF="VBSCRIPT21.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('NUTb')"
OnMouseOut=" call OffImage('NUTb')">

</A>
<A HREF="VBSCRIPT23.HTML"
OnMouseOver=" call OnImage('NUTc')"
OnMouseOut=" call OffImage('NUTc')">


</A>
</P>
</Body>
</HTML>

```

Giả sử chúng ta lưu lại tập tin với tên mới là **VBSCRIPT28.HTML** tại **E:**

Giải thích:

Hai dòng lệnh tô đậm là mới thêm vào, một là đưa hình bao phía trên và một là hình bao phía dưới.

Các chữ tô đậm là tên các tập tin (có chỗ là bắt buộc, có chỗ để cho dễ hiểu)

Chúng ta phải tạo tập tin FRAMESET, bạn mở lại tập tin có tên FRAMESETVBSCRIPT.HTML và sửa lại code như sau:

```

<HTML>
<HEAD>
<TITLE> TRANG WEB CO NHUNG CAC TAP TIN KHAC </TITLE>
</HEAD>
<FRAMESET cols="30%, **">
<FRAME name="khungtrai" target="main" src="VBSCRIPT28.HTML">
<FRAME name="main" src="VBSCRIPT20.HTML" scrolling="auto"
align=center>
</FRAMESET>
</HTML>

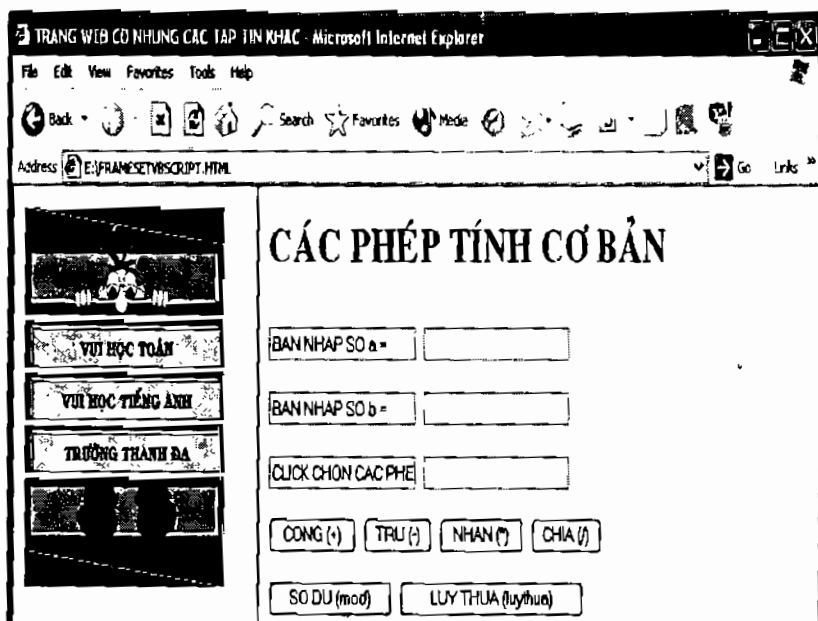
```

Bạn lưu với tên cũ.

Giải thích:

Các số và chữ tô đậm là có thay đổi lại.

Nhấp đúp vào tên tập tin FRAMESETVBSCRIPT.HTML, bạn thấy trang Web như hình sau:



B11H1

Nếu di chuyển con trỏ chuột đến nút thứ nhất, bạn thấy nút 1 này sẽ thay đổi (hình 2 cặp 1)

TRANG WEB CO NHUNG CAC TAP TIN KHAC - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Stop Refresh Search Favorites Media

Address E:\FRAMESETVRSRIPT.HTML



CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHAP SO a =

BAN NHAP SO b =

CLICK CHON CAC PHE

B11H2


Nếu di chuyển con trỏ xuống hình nút 2, bạn sẽ thấy hình như sau:

TRANG WEB CO NHUNG CAC TAP TIN KHAC - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Stop Refresh Search Favorites Media

Address E:\FRAMESETVRSRIPT.HTML



CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BAN NHAP SO a =

BAN NHAP SO b =

CLICK CHON CAC PHE

B11H3


Nếu di chuyển con trỏ xuống hình nút 3, bạn sẽ thấy hình như sau:

TRANG WEB CÓ NHỮNG CÁC TẬP TIN KHÁC - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Stop Search Favorites Media Print Mail News RSS Feeds


Address Go Links



VUI HỌC TOÁN

VUI HỌC TIẾNG ANH

DANH SÁCH BẠN GIỚI THIỆU



CÁC PHÉP TÍNH CƠ BẢN

BẠN NHẬP SỐ a =

BẠN NHẬP SỐ b =

CLICK CHỌN CÁC PHÉP

B11H4

Khung bên phải là trang Web có tên VBSCRIPT20.HTML. Nếu di chuyển con trỏ đến nút thứ hai và click chuột. Bạn thấy hình sau:

TRANG WEB CÓ NHỮNG CÁC TẬP TIN KHÁC - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Stop Search Favorites Media Print Mail News RSS Feeds

Address Go Links



VUI HỌC TOÁN

TỰ ĐIỂN ANH - VIỆT

TRƯỜNG TRẪM ĐÀ



TỰ ĐIỂN ANH VIỆT

NGHĨA TIẾNG VIỆT

LISTBOX →

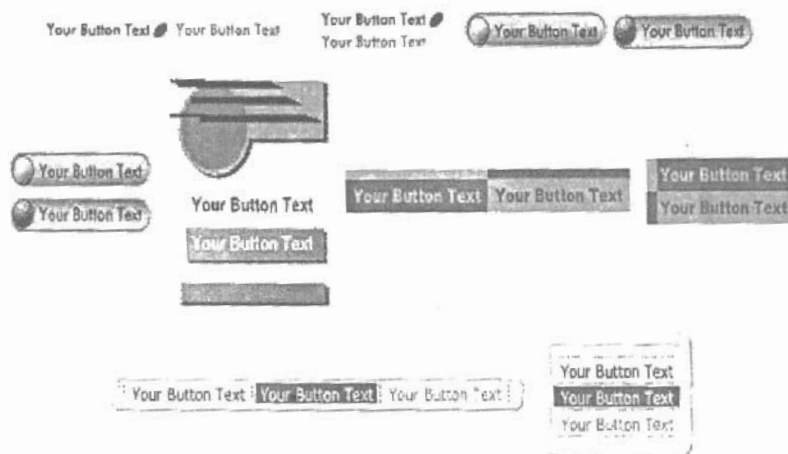
B11H5

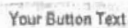
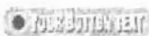
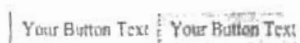
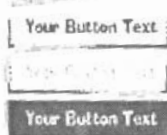
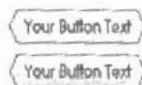
Khung bên phải là trang Web có tên VBSCRIPT21.HTML. Nếu di chuyển con trỏ đến nút thứ ba và click chuột. Bạn thấy hình sau:

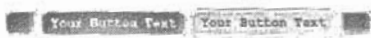
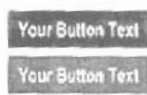
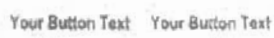


B11H6

Khung bên phải là trang Web có tên VBSCRIPT23.HTML. Sau đây là hình một số nút trong Xara Webstyle







Mục lục

Bài 1: Thiết kế một trang Web đơn giản	1
Bài 2: Thiết kế một trang Web Nhập thông tin qua hộp thoại và thông báo nội dung đã nhập	6
Bài 3: Thiết kế một trang Web Dùng các phát biểu điều kiện	31
Bài 4: Thiết kế một trang Web Dùng các phát biểu lặp	42
Bài 5: Thiết kế một trang Web Dùng các đối tượng cơ sở	50
Bài 6: Thiết kế một trang Web Có Form nhập liệu	56
Bài 7: Tạo một tự điển trên trang Web	82
Bài 8: Tạo liên kết trang bằng cách click vào nút ấn	97
Bài 9: Tạo một cửa sổ mới trong trang Web	109
Bài 10: Dùng Frameset để nhúng các trang Web khác vào trang Web đang mở	114
Một số hàm hỗ trợ cho VBScript	118
Giới thiệu phần mềm Xara Webstyle 4	121
Bài 11: Dùng Frameset để nhúng các trang Web khác vào trang Web đang mở. Sử dụng các nút tạo bởi Xara Webstyle 4	145

**TỰ HỌC THIẾT KẾ TRANG WEB
BẰNG VBS cript
ĐẬU QUANG TUẤN**

Chịu trách nhiệm xuất bản :
HOÀNG CHÍ DŨNG

Biên tập : NGUYỄN BẢO THÙY
Sửa bản in : NGUYỄN ĐẠI THẮNG
Trình bày : ĐẬU MINH NHẬT
ĐẬU THỤY QUỲNH TRÂM
Bìa : THIÊN Ý

Thực hiện liên doanh : ĐẬU QUANG TUẤN

In 1.000 bản, khổ 14,5 x 20,5cm. Tại Xí nghiệp IN SỐ 5, Quận 5, Tp.HCM. Số xuất bản: 41-230/XB-QLXB cấp ngày 03.03.2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-2005.



Xin chân thành cảm ơn quý độc giả đã đón đọc những tập sách của chúng tôi.

Tất cả những tập sách trên được phát hành
 ĐT : 8984154 - DD : 0908.653 560
 E-mail: augustinodauquangtuan@yahoo.com

Giá : 25.000đ